# Bộ Kinh Tăng Chi [Tăng Chi Kinh Bộ] - Quyển 6 [Chakka-Nipāta] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

*Nikaya — bài lẻ & đối chiếu*

QUYỂN "SÁU" (Chakka-Nipāta)

ii

Về Bản Dịch AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với bản dịch của nhà sư Ajahn Sujato.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này gồm có 11 QUYỂN (nipāta) được đặt tên lần lượt là QUYỂN "MỘT" cho đến QUYỂN "MƯỜI MỘT", trong đó "Một"... vừa là tên của QUYỂN kinh (nói về một điều, một pháp, một người ...) vừa là số thứ tự của QUYỂN kinh. Mỗi QUYỂN lại có nhiều NHÓM kinh (vagga, phẩm), toàn bộ kinh AN này có 180 NHÓM kinh. Các QUYỂN 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các NHÓM kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển 3-10 thì gom các NHÓM kinh vào những PHẦN "Năm Mươi Kinh" (Đầu Tiên ... Thứ Tư) và có QUYỂN có thêm PHẦN "Năm Mươi Kinh Thêm" ở cuối. - Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó. - Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như Mp, Mp-ṭ, Paṭis ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu. - Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như 3:101, 7:215 thì có nghĩa nó thuộc bộ kinh AN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là SN, MN, hay DN ... trước số kinh rồi. Và các số đầu như 3 và 7 chính là số QUYỂN 3 và 7 (tức là: Quyển AN 3 kinh 101, AN 7 kinh 215). - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh AN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một số NHÓM bài kinh, thì trong

iv

một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một PHẦN, rồi một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Số kinh tóm-lược theo một mẫu-kinh là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có 11 QUYỂN khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ QUYỂN nào để đọc. Nhưng nếu không ưu tiên hay cần đọc những chủ-đề nào trước, quý vị nên đọc theo thứ tự từ đầu tới cuối, như cách đã từng đọc một tiểu thuyết hay sách giáo khoa vậy.

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích thì người đọc có thể bị lạc khỏi ý chính của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và trọn vẹn nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Nhà Bè, mùa mưa 2019 (PL 2564) (hoàn chỉnh và in cuối năm thảm dịch Covids 2021)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN.....iii [Năm Mươi Kinh Đầu] ..... 1 NHÓM 1. ĐÁNG ĐƯỢC TẶNG QUÀ ..... 1 1 (1) Đáng Được Tặng Quà (1) ..... 1

2 (2) Đáng Được Tặng Quà (2) ..... 2

3 (3) Các Căn ..... 4

4 (4) Các Lực ..... 5

5 (5) Thuần Chủng (1) ..... 5

6 (6) Thuần Chủng (2) ..... 6

7 (7) Thuần Chủng (3) ..... 6

8 (8) Những Điều Vô Thượng..... 6

9 (9) Những Chủ Đề Tưởng Niệm ..... 6

10 (10) Mahānāma ..... 7

NHÓM 2. SỰ HÒA HỢP ..... 11 11 (1) Sự Hòa Hợp (1) ..... 11

12 (1) Sự Hòa Hợp (2) ..... 12

13 (3) Sự Thoát Khỏi ..... 13

14 (4) Cái Chết Tốt Lành ..... 15

15 (5) Sự Hối Tiếc ..... 17

16 (6) Nakula..... 17

17 (7) Thiện Lành ..... 20

18 (8) Người Bán Cá ..... 22

vi

19 (9) Chánh Niệm Về Cái Chết (1) ..... 24

20 (10) Chánh Niệm Về Cái Chết (2)..... 27

NHÓM 3. NHỮNG ĐIỀU VÔ THƯỢNG ..... 28 21 (1) Sāmaka (1) ..... 28

22 (2) Không Sa Sút ..... 29

23 (3) Hiểm Họa..... 30

24 (4) Núi Himalaya ..... 31

25 (5) Tưởng Niệm ..... 31

26 (6) Ngài Ca-Chiên-Diên ..... 34

27 (7) Thời Lúc (1) ..... 36

28 (8) Thời Lúc (2) ..... 38

29 (9) Ngài Udāyī ..... 40

30 (10) Những Điều Vô Thượng ..... 43

NHÓM 4. NHỮNG THIÊN THẦN ..... 47 31 (1) Học Nhân (1) ..... 47

32 (2) Sự Không Sa Sút (1) ..... 47

33 (3) Sự Không Sa Sút (2) ..... 48

34 (4) Ngài Mục-Kiền-Liên ..... 49

35 (5) Thuộc Trí Biết Đích Thực ..... 51

36 (6) Những Tranh Chấp..... 51

37 (7) Sự Cho Đi ..... 52

38 (8) Tự Phát ..... 54

39 (9) Sự Khởi Sinh ..... 56

40 (10) Ngài Kimbila ..... 57

vii

41 (11) Một Khối Gỗ ..... 58

42 (12) Ngài Nāgita ..... 58

NHÓM 5. DHAMMIKA ..... 62 43 (1) Nāga ..... 62

44 (2) Cô Migasālā ..... 65

45 (3) Nợ ..... 69

46 (4) Ngài Cunda ..... 74

47 (5) Trực Tiếp Nhìn Thấy Được (1) ..... 76

48 (6) Trực Tiếp Nhìn Thấy Được (2) ..... 77

49 (7) Ngài Khema (1) ..... 78

50 (8) Các Căn Cảm Nhận ..... 80

51 (9) Ngài Ānanda ..... 81

52 (10) Người Giai Cấp Chiến Sĩ ..... 83

53 (11) Sự Chuyên Chú ..... 85

54 (12) Ngài Dhammika ..... 86

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai] ..... 93 NHÓM 1. NHÓM LỚN ..... 93 55 (1) Ngài Soṇa ..... 93

56 (2) Ngài Phagguṇa..... 98

57 (3) Sáu Giai Cấp..... 101

58 (4) Những Ô Nhiễm ..... 105

59 (5) Dārukammika ..... 108

60 (6) Ngài Hatthi ..... 110

61 (7) Ở Giữa..... 117

viii

62 (8) Sự Biết (về các căn) ..... 119

63 (9) Thâm Nhập ..... 127

64 (10) Tiếng Gầm Sư Tử ..... 134

NHÓM 2. THÁNH QUẢ BẤT LAI ..... 137 65 (1) Bất Lai ..... 138

66 (2) A-la-hán ..... 138

67 (3) Những Bạn Hữu ..... 138

68 (4) Thích Gặp Gỡ Giao Lưu ..... 139

69 (5) Một Thiên Thần ..... 140

70 (6) Sự Định Tâm ..... 141

71 (7) Có Khả Năng Chứng Ngộ ..... 142

72 (8) Sức Mạnh ..... 143

73 (9) Tầng Thiền Định Thứ Nhất (1)..... 144

74 (10) Tầng Thiền Định Thứ Nhất (2)..... 144

NHÓM 3. THÁNH QUẢ A-LA-HÁN ..... 146 75 (1) Trong Sự Khổ Đau ..... 146

76 (2) Thánh Quả A-la-hán..... 146

77 (2) Cao Siêu ..... 147

78 (4) Hạnh Phúc..... 147

79 (5) Thành Tựu..... 148

80 (6) Sự Lớn Lao ..... 148

81 (7) Địa Ngục (1) ..... 149

82 (8) Địa Ngục (2) ..... 149

83 (9) Trạng Thái Bậc Nhất ..... 150

ix

84 (10) Những Đêm ..... 150

NHÓM 4. SỰ NGUỘI MÁT ..... 151 85 (1) Sự Nguội Mát ..... 151

86 (2) Những Cản Trở ..... 152

87 (3) Kẻ Sát Nhân ..... 152

88 (4) Người Muốn Lắng Nghe ..... 153

89 (5) Chưa Dẹp Bỏ ..... 154

90 (6) Đã Dẹp Bỏ..... 154

91 (7) Không Còn Có Thể..... 154

92 (8) Các Trường Hợp (1) ..... 155

93 (9) Các Trường Hợp (2) ..... 155

94 (10) Các Trường Hợp (3) ..... 155

95 (11) Các Trường Hợp (4) ..... 156

NHÓM 5. ÍCH LỢI ..... 156 96 (1) Sự Xuất Hiện ..... 156

97 (2) Những Ích Lợi ..... 157

98 (3) Vô Thường ..... 157

99 (4) Khổ ..... 158

100 (5) Vô Ngã ..... 158

101 (6) Niết-bàn..... 159

102 (7) Không Bền (vô thường) ..... 159

103 (8) Rút Dao Ra (khổ)..... 160

104 (9) Không Tự Tánh (vô ngã) ..... 160

105 (10) Sự Hiện Hữu ..... 161

x

106 (11) Dục Vọng ..... 161

[Ba NHÓM Thêm Vào Phần Thứ Hai] ..... 163 NHÓM 1. NHÓM “BA-ĐIỀU” ..... 163 107 (1) Tham ..... 163

108 (2) Những Hành Vi Sai Trái ..... 163

109 (3) Những Ý Nghĩ ..... 163

110 (4) Những Nhận Thức ..... 164

111 (5) Những Yếu Tố ..... 164

112 (6) Sự Thỏa Mãn ..... 164

113 (7) Không Hài Lòng ..... 165

114 (8) Biết Hài Lòng ..... 165

115 (9) Khó Tu Sửa ..... 165

116 (10) Sự Bất An ..... 166

NHÓM 2. ĐỜI SỐNG SA-MÔN ..... 166 117 (1) Quán Sát Thân ..... 166

118 (2) Quán Xét Thân Ở Bên Trong … ..... 166

119 (3) Tapussa ..... 167

120 (4)  139 (23) Bhallika … ..... 167

NHÓM 3. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC ..... 168 140 (1) ..... 168

141 (2) ..... 168

142 (3) ..... 169

143 (4)  169 (30) ..... 169

170 (31)  649 (510) ..... 169

xi

BẢNG VIẾT TẮT ..... 171 CHÚ THÍCH ..... 176

xii

Kính Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

[Năm Mươi Kinh Đầu]

NHÓM 1. ĐÁNG ĐƯỢC TẶNG QUÀ

1 (1) Đáng Được Tặng Quà (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhấttrong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Sáu đó là gì? (1) Ở đây, [sau] khi nhìn thấy một hình- sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông- xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết (tỉnh giác).1251 (2) Khi nghe một âm- thanh bằng tai, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông- xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết. (3) Khi ngửi một mùi-hương bằng mũi, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết. (4) Khi nếm một mùi-vị bằng lưỡi, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết. (5) Khi cảm nhận một đối-tượng chạm xúc bằng thân, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết. (6) Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-



niệm, và có sự rõ-biết. Có được có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhấttrong thế gian.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn.

2 (2) Đáng Được Tặng Quà (2) “Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhấttrong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Sáu đó là gì?1252

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo đạt được và vận dụng nhiều loại thần-thông [năng-lực siêu thường (thuộc tâm linh)] khác nhau (thần thông biến hóa, biến hóa thông) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; tôi hiện hình và biến hình; tôi đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi tréo chân; tôi có thể dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’. (2) “Với yếu-tố tai thiên thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nghe được cả những âm thanh cõi trời và cõi người, dù ở xa hay ở gần. (3) “Người đó hiểu được tâm của những chúng sinh và người khác (tha tâm thông), sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ. Người đó hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là

•3

tâm không có si; tâm co cụm (thụ động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng] là tâm bao la, và một cái tâm không bao la là tâm không bao la; một cái tâm chưa vô thượng [còn có thể vượt trên] là tâm chưa vô thượng, và một cái tâm vô thượng [không thể vượt trên] là tâm vô thượng; một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định; một cái tâm được giải thoát là tâm được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát. (4) “Người đó có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh); đó là, một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh; nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (ta nhớ rõ) ‘Ở (kiếp) đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục … ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ … và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.’ Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy. (5) “Với yếu-tố mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nhìn thấy nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vầy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi-đến xấu

dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy. (6) "Với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận minh), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. "Có được có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

3 (3) Các Căn "Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Sáu đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh- niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ, và, với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

•5

4 (4) Các Lực "Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Sáu đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, năng lực trí tuệ, và, với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

5 (5) Thuần Chủng (1) "Này các Tỳ kheo, có được sáu yếu tố, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của vua là xứng đáng của nhà vua, là một thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Sáu đó là gì? Ở đây, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của vua kiên nhẫn chịu đựng những hình- sắc, kiên nhẫn chịu đựng những âm-thanh, kiên nhẫn chịu đựng những mùi-hương, kiên nhẫn chịu đựng những mùi-vị,

kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc, và được phú cho vẻ đẹp (sự đẹp mã, cân đối). Có được sáu yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của vua là xứng đáng của nhà vua, là một thứ của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều.1253 “Cũng giống như vậy, có được sáu phẩm chất, một thứ là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc, kiên nhẫn chịu đựng những âm-thanh, kiên nhẫn



chịu đựng những mùi-hương, kiên nhẫn chịu đựng những mùi-vị, kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc, và kiên nhẫn chịu đựng những hiện-tượng thuộc tâm. Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

6 (6) Thuần Chủng (2) [Y hệt đoạn đầu kinh kế trên, chỉ khác điều thứ sáu đổi thành “được phú cho sức mạnh”] …

[Y hệt đoạn sau kinh kế trên]

7 (7) Thuần Chủng (3) [Y hệt đoạn đầu kinh kế trên, chỉ khác điều thứ sáu đổi thành “được phú cho tốc độ”] … [Y hệt đoạn sau kinh kế trên]

8 (8) Những Điều Vô Thượng “Này các Tỳ kheo, có sáu điều vô thượng. Sáu đó là gì? Sự nhìn thấy vô thượng, sự nghe vô thượng, sự có-được vô thượng, sự tu tập vô thượng, sự phục vụ vô thượng, và sự tưởng niệm vô thượng. Đây là sáu điều vô thượng.”1254

9 (9) Những Chủ Đề Tưởng Niệm “Này các Tỳ kheo, có sáu chủ đề (đề mục) để tưởng niệm về (quán tưởng, niệm). Sáu đó là gì? Tưởng niệm về Phật, tưởng niệm về Giáo Pháp, tưởng niệm về Tăng Đoàn, tưởng niệm về giới-hạnh, tưởng niệm về tâm rộng lòng bố-thí, và tưởng niệm về những thiên-thần. Đây là sáu sự



tưởng niệm.”1255

10 (10) Mahānāma Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-ca (Sakya), ở Ka-pilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, một đệ tử thánh thiện đã đạt tới thánh quả và thấu hiểu giáo pháp thì thường an trú theo cách nào?”1256 “Này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện đã đạt tới thánh quả và thấu hiểu giáo pháp thường an trú theo cách này:1257 (1) “Ở đây, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức- hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người

cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Như Lai. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng,1258 là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp,1259 người đó tu tập sự tưởng niệm về Đức Phật. (2) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về



Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Giáo Pháp. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Giáo Pháp. (3) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Tăng Đoàn. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không

•9

bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Tăng Đoàn. (4) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình là không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào giới-hạnh. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan- hỷ, sự sảng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sảng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về giới-hạnh. (5) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về sự bố-thí của mình như vầy: ‘Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị sự ố-nhiễm của tính keo-kiệt, rộng lòng hào hiệp, dang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về sự rộng lòng bố-thí của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào sự bố-thí. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được n] ự

• 11

“Này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện là người đã đạt tới thánh quả và thấu hiểu giáo lý thì thường an trú đơn thuần theo cách này.”

NHÓM 2. SỰ HÒA HỢP

11 (1) Sự Hòa Hợp (1) “Này các Tỳ kheo. Có sáu nguyên tắc để hòa hợp.1261 Sáu đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình luôn giữ hành-động từ ái đối với với những đồng đạo của mình. Đây là một nguyên tắc để hòa hợp. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình luôn giữ lời-nói từ ái đối với với những đồng đạo của mình. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa hợp. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình đều luôn giữ tâm-ý từ ái đối với với những đồng đạo của mình. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa hợp. (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo chia sẻ chứ không giữ lại1262 lợi-lộc chân chính đã có được một cách chân chính, ngay cả chỗ thức-ăn có được trong bình bát, và dùng những thứ đó chung với những đồng đạo của mình. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa hợp. (5) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình cùng có chung với với những đồng đạo của mình loại giới-hạnh (có tính chất) lành mạnh, không sứt mẻ, không ô nhiễm, không vết nhơ, hướng tới giải

thoát, được khen ngợi bởi bậc hiền trí, không bị dính-chấp, dẫn đến sự định-tâm. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp. (6) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình cùng có chung với với những đồng đạo của mình loại cách-nhìn (chánh kiến) thuộc tính thiện và giúp giải thoát, và dẫn dắt người khác tu tập theo cách-



nhìn đó đi đến sự chấm-dứt khổ. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa hợp. “Này các Tỳ kheo, đây là sáu nguyên tắc để hòa hợp.”

12 (1) Sự Hòa Hợp (2) “Này các Tỳ kheo, có sáu nguyên tắc để hòa hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. Sáu đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình luôn giữ hành-động từ ái đối với với những đồng đạo của mình. Đây là một nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình luôn giữ lời-nói từ ái đối với với những đồng đạo của mình. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng … (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình đều luôn giữ tâm-ý từ ái đối với với những đồng đạo của mình. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng … (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo chia sẻ chứ không giữ lại những lợi lộc chân chính đã có được một cách chân chính, ngay cả chỗ thức ăn có được trong bình bát, và dùng những thứ đó chung với những đồng đạo của mình. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng … (5) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình cùng có chung với với những đồng đạo của mình loại giới-hạnh (có tính chất) lành mạnh, không sứt mẻ, không ô nhiễm, không vết nhơ, hướng tới giải thoát, được khen ngợi bởi bậc hiền trí, không bị dính-chấp, dẫn đến sự định-tâm. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng … (6) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình cùng có chung với với những đồng đạo của mình loại cách-nhìn (chánh kiến)



thuộc tính thiện và giúp giải thoát, và dẫn dắt người khác tu tập theo cách- nhìn đó đạt đến sự diệt khổ. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng … “Này các Tỳ kheo, đây là sáu nguyên tắc để hòa hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.” (giống kinh kế trên, chỉ khác câu dẫn nhập và câu kết thúc)

13 (3) Sự Thoát Khỏi “Này các Tỳ kheo, có sáu yếu tố của (làm nên) của sự thoát-khỏi.1263 Sáu đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo có thể nói như vầy: ‘Tôi đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ, đã làm nó (pháp tu đó) thành cỗ xe (tu thừa) và căn bản của tôi, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, nhưng sự ác-ý vẫn còn ám muội tâm trí tôi.’ - “Nếu vậy người đó nên được khuyên như vầy: ‘Không phải vậy! Đừng nói như vậy. Đừng diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn; vì sẽ không tốt lành nếu nói sai lời của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn chắc chắn không nói

như vậy. Này đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một người đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của người đó, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, mà sự ác-ý vẫn còn ám muội tâm trí người đó. Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát khỏi sự ác-ý đó chính là sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ.' (2) "Lại nữa, một Tỳ kheo có thể nói như vầy: 'Tôi đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của tôi, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, nhưng ý nghĩ làm-hại vẫn còn ám muội tâm trí tôi.' - "Nếu vậy người đó nên được khuyên như vầy: 'Không phải vậy! ... Này đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một người



đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của người đó, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, mà ý nghĩ làm-hại vẫn còn ám muội tâm trí người đó. Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát- khỏi ý nghĩ làm-hại đó chính là sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi.' (3) "Lại nữa, một Tỳ kheo có thể nói như vầy: 'Tôi đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-(tùy)-hỷ, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của tôi, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, nhưng sự không vui-lòng (không hài-lòng, bất mãn) vẫn còn ám muội tâm trí tôi.'1264 - "Nếu vậy người đó nên được khuyên như vầy: 'Không phải vậy! ... Này đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một người đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-(tùy)-hỷ, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của người đó, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, mà ý nghĩ không vui-lòng vẫn còn ám muội tâm trí người đó. Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát-khỏi sự không vui-lòng đó chính là sự giải-thoát của tâm bằng tâm-tùy-hỷ.' (4) "Lại nữa, một Tỳ kheo có thể nói như vầy: 'Tôi đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của tôi, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, nhưng ý nghĩ tham-dục vẫn còn ám muội tâm trí tôi.' - "Nếu vậy người đó nên được khuyên như vầy: 'Không phải vậy! ... Này đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một người đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của người đó, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, mà ý nghĩ tham-dục vẫn còn ám muội tâm trí người đó. Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát-khỏi ý nghĩ tham-dục đó chính là sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả.'1265



(5) "Lại nữa, một Tỳ kheo có thể nói như vầy: 'Tôi đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát vô dấu-hiệu (vô tướng) của tâm,1266 đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của tôi, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, nhưng thức của tôi vẫn còn chạy theo những dấu-hiệu.'1267 - "Nếu vậy người đó nên được khuyên như vầy: 'Không phải vậy! ... Này đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một

người đã tu tập và tu dưỡng sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm, đã làm nó thành cỗ xe và căn bản của người đó, đã thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó một cách đúng đắn, mà thức của người đó vẫn chạy theo những dấu- hiệu. Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát-khỏi tất cả những dấu-hiệu đó chính là sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm.' (6) "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể nói: 'Tôi đã vứt bỏ [quan niệm] cái 'Ta' và tôi không coi [bất cứ gì như] 'Đây là ta', nhưng mũi tên nghi-ngờ và hoang-mang vẫn ám muội tâm trí tôi.' - "Nếu vậy người đó nên được khuyên như vầy: 'Không phải vậy! ... Này đạo hữu, không thể có được và không thể hình dung được một người, sau khi đã vứt bỏ [quan niệm] cái 'Ta' và không còn coi [bất cứ gì như] 'Đây là ta', mà mũi tên nghi-ngờ và hoang-mang vẫn ám muội tâm trí người đó.' Không thể có chuyện đó. Bởi vì, này đạo hữu, cái được gọi là sự thoát-khỏi mũi tên nghi-ngờ và hoang-mang đó chính là sự bứng-bỏ cái sự tự-ta 'Đây là ta' (tự ngã).'1268 "Này các Tỳ kheo, đây là sáu yếu tố của (làm nên) sự thoát-khỏi."

14 (4) Cái Chết Tốt Lành

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!"

"Dạ, đạo hữu!", các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này:

(I) "Này các đạo hữu, một Tỳ kheo sống qua thời gian của mình1269



theo cách làm cho mình không có một cái chết tốt lành.1270 Và theo cách nào một Tỳ kheo sống qua thời gian của mình làm cho mình không có một cái chết tốt lành? "Ở đây, (1) một Tỳ kheo thích thú làm việc, thích thú với công việc, chỉ lo (hết mình với) công việc;1271 (2) người đó thích nói chuyện, thích thú với sự nói chuyện, chỉ lo sự nói chuyện; (3) người đó thích ngủ, thích thú với sự ngủ, chỉ lo ngủ; (4) người đó thích gặp gỡ người này người nọ, thích thú với sự gặp gỡ, chỉ lo gặp gỡ; (5) người đó thích dính líu người này người nọ, thích thú với sự dính líu, chỉ lo sự dính líu; (6) người đó thích tăng phóng (phóng tâm, bội tăng ô-nhiễm), thích thú với sự tăng phóng, chỉ lo sự tăng phóng.1272 Khi một Tỳ kheo sống qua thời gian của mình theo cách như vậy, người đó không có được một cái chết tốt lành. Đây được gọi là một Tỳ kheo thích thú sự hiện-hữu cá thể (danh tính),1273 là người chưa dẹp bỏ sự hiện-hữu cá thể để làm nên sự chấm-dứt khổ (= chấm dứt sự hiện-hữu). (II) "Này các đạo hữu, một Tỳ kheo sống qua thời gian của mình theo cách làm cho mình có một cái chết tốt lành. Và theo cách nào một Tỳ kheo sống qua thời gian của mình làm cho mình có một cái chết tốt lành? "Ở đây, (1) một Tỳ kheo không thích làm việc, không thích thú với công việc, không chỉ lo (hết mình với) công việc; (2) người đó không thích nói chuyện, không thích thú với sự nói chuyện, không chỉ lo sự nói chuyện; (3) người đó không thích ngủ, không thích thú với sự ngủ, không chỉ lo ngủ; (4) người đó không thích gặp gỡ người này người nọ, không thích thú với sự gặp gỡ, không chỉ lo gặp gỡ; (5) người đó không thích dính líu người này người nọ, không thích thú với sự dính líu, không chỉ lo sự dính líu; (6) người đó không thích tăng phóng, không thích thú với sự tăng phóng, không chỉ lo sự tăng phóng. Khi một Tỳ kheo sống qua thời gian của mình theo cách như vậy, người đó có

được một cái chết tốt lành. Đây được gọi là một Tỳ kheo vui thích Niết-bàn, là người đã dẹp bỏ sự hiện-hữu cá thể để làm nên sự chấm-dứt khổ.” Sinh vật1274 chỉ lo sự phóng tâm [tăng phóng],

• 17

Là người chỉ thích thú sự phóng tâm,
Đã không chứng được Niết-bàn:
Là sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc.
Nhưng ai biết dẹp bỏ sự phóng tâm,
Vui thích với sự không phóng tâm,
Đã chứng được Niết-bàn:
Là sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc.

15 (5) Sự Hối Tiếc Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo … (I) [Tiếp tục y hệt 6 điều đoạn (I) kinh 6:14 kế trên, và tiếp tục:] … Khi một Tỳ kheo sống qua thời gian của mình theo cách như vậy, người đó chết với sự hối-tiếc. Đây được gọi là một Tỳ kheo thích thú sự hiện-hữu cá thể (danh tính), là người chưa dẹp bỏ sự hiện-hữu cá thể để làm nên sự chám-dứt khổ. (II) [Tiếp tục y hệt 6 điều đoạn (II) kinh 6:14 kế trên, và tiếp tục:] … Khi một Tỳ kheo sống qua thời gian của mình theo cách như vậy, người đó chết không có sự hối-tiếc. Đây được gọi là một Tỳ kheo vui thích Niết- bàn, là người đã dẹp bỏ sự hiện-hữu cá thể để làm nên sự chấm-dứt khổ.” [Tiếp tục phần thi kệ như kinh kế trên]

16 (6) Nakula Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Bhagga, ở Suṃsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Bấy giờ, vào lúc đó có gia chủ tên Nakulapitā [cha của Nakula] bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Rồi vợ của gia chủ là bà Nakulamātā [mẹ của Nakula] đã nói với ông ta điều này: “Này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng.1275 Chết mà mang đầy



lo lắng sẽ đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.1276 (1) “Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: ‘Sau khi tôi mất, Naku- lamātā] mẹ của Nakula sẽ không thể nuôi nấng con cái và giữ gìn nhà cửa.’ Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Tôi giỏi nghề se bông và dệt len. Sau khi ông mất, tôi sẽ có thể nuôi nấng con cái và giữ gìn nhà cửa. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách. (2) “Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: ‘Sau khi tôi mất, mẹ của Nakula sẽ lấy chồng khác.’1277 Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Này chủ gia, ông và tôi đều biết rõ, suốt mười sáu năm qua chúng ta đã sống đời sống độc-thân của người tại gia.1278 Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách. (3) “Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: ‘Sau khi tôi mất, mẹ của Nakula sẽ không còn muốn đến thăm đức Thế Tôn và Tăng Đoàn các Tỳ kheo.’ Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Sau khi ông mất, tôi thậm chí còn thêm nhiệt thành (hăng

hái, siêng hơn) đến gặp đức Thế Tôn và Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách. (4) “Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: ‘Mẹ của Nakula không hoàn thiện giới-hạnh.’1279 Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Tôi là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của đức Thế Tôn đã hoàn thiện về giới-hạnh. Nếu có ai còn nghi ngờ hay không chắc về điều này, thì đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang trú ở giữa xứ người Bhagga, ở Suṃsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Họ có thể đến hỏi đức Thế Tôn. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách.

• 19

(5) “Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: ‘Mẹ của Nakula chưa đạt tới sự vắng-lặng bên trong của tâm [sự định-tâm].’ Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Tôi là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của đức Thế Tôn đã đạt được sự vắng-lặng bên trong của tâm. Nếu có ai còn nghi ngờ hay không chắc về điều này, thì đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang trú ở giữa xứ người Bhagga, ở Suṃsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Họ có thể đến hỏi đức Thế Tôn. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách. (6) “Này chủ gia, có thể ông nghĩ như vầy: ‘Mẹ của Nakula chưa đạt được chân đứng, chỗ đứng vững chắc, sự bảo đảm trong Giáo Pháp và giới luật này;1280 cô ta chưa vượt qua sự nghi-ngờ, chưa loại bỏ hết sự ho- ang-mang, chưa đạt được sự tự-tin, và chưa hết phụ thuộc vào người khác về giáo lý của Vị Thầy (Phật).’ Nhưng ông không nên nhìn vấn đề theo cách như vậy. Tôi là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của đức Thế Tôn đã đạt được chân đứng, chỗ đứng vững chắc, sự bảo đảm trong Giáo Pháp và giới luật này; tôi là một trong số họ đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã loại bỏ hết sự hoang-mang, đã đạt được sự tự-tin, và đã độc lập không cần nhờ người khác về giáo lý của Vị Thầy. Nếu có ai còn nghi ngờ hay không chắc về điều này, thì đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang trú ở giữa xứ người Bhagga, ở Suṃsumāragira, trong khu vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Họ có thể đến hỏi đức Thế Tôn. Vì vậy, này chủ gia, đừng chết mà mang đầy lo lắng. Chết mà mang đầy lo lắng là đau khổ. Sự chết mà mang đầy lo lắng đã bị đức Thế Tôn quở trách. Rồi, trong khi gia chủ Nakulapitā [cha của Nakula] đang được khởi xướng theo cách như vậy bởi người vợ Nakulamātā [mẹ của Nakula], bệnh tình của ông ta lắng lặn ngay tại chỗ. Ông Nakulapitā đã khỏi bệnh, và đó là cách bệnh tình của ông ta được loại bỏ. Rồi, không lâu sau khi ông đã phục hồi khỏi bệnh, gia chủ Nakulapi- tā, chống gậy bước đi, đến gặp đức Thế Tôn. Ông kính lễ đức Thế Tôn, và

20 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông: “Này gia chủ, đó quả thực là phúc lành và lợi lạc cho chú, rằng người vợ Nakulamātā có lòng bi-mẫn đối với chú, mong muốn điều tốt lành cho chú, và đã khởi xướng và hướng dẫn cho chú. Thím Nakulamātā là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của ta đã hoàn thiện về

giới- hạnh. Thím ấy là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của ta đã đạt được sự vắng-lặng bên trong của tâm. Thím ấy là một trong những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng của ta đã đạt được chân đứng, chỗ đứng vững chắc, sự bảo đảm trong Giáo Pháp và giới luật này, là người đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã loại bỏ hết sự hoang-mang, đã đạt được sự tự-tin, và đã độc lập không cần nhờ người khác về giáo lý của Vị Thầy. Này gia chủ, điều đó quả thực là phúc lành và lợi lạc cho chú, rằng người vợ Nakulamātā có lòng bi-mẫn đối với chú, mong muốn điều tốt lành cho chú, và đã khởi xướng và hướng dẫn cho chú."

17 (7) Thiện Lành Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến chỗ sảnh đường, ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị. Vào buổi cuối chiều, Ngài Xá-lợi- phất cũng ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến chỗ sảnh đường, đến nơi thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Ngài Mục-kiền-liên … Ngài Đại Ca-diếp … Ngài Đại Ca-chiên-diên … Ngài Đại Câu-ti-la … Ngài Đại Cunda … Ngài Đại Kappina … Ngài A-nậu-lâu-đà … Ngài Revata … Ngài Ānanda, cũng ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến chỗ sảnh đường, đến nơi thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi, sau khi đã qua gần hết phiên ngồi thiền ban đêm, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở. Ngay sau khi đức Thế Tôn đã đi, các ngài Tỳ kheo, cũng đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở. Nhưng những Tỳ kheo mới được thụ giới, chưa xuất gia lâu và mới vừa đến với

• 21

Giáo Pháp và giới luật này, thì ngủ, ngáy đều cho tới khi mặt trời mọc. Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc vượt trên loài người, đức Thế Tôn đã nhìn thấy những Tỳ kheo đó ngủ, ngáy đều cho tới khi mặt trời mọc. Rồi đức Thế Tôn đã đi ra chỗ sảnh đường, ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn cho mình, và nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, Xá-lợi-phất ở đâu? Mục-kiền-liên ở đâu? Đại Ca- diếp ở đâu? Đại Câu-ti-la ở đâu? Đại Cunda ở đâu? Đại Kappina? A-nậu- lâu-đà ở đâu? Revata ở đâu? Ānanda ở đâu? Những đệ tử trưởng lão đó đã đi đâu?" "Thưa Thế Tôn, không lâu sau khi đức Thế Tôn đi, những ngài đó cũng đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của họ." "Này các Tỳ kheo, khi những Tỳ kheo trưởng lão đi về, tại sao các thầy là những người mới thụ giới lại ngồi ngủ ngáy cho tới khi mặt trời mọc như vậy? (1) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe một vị vua được phong vương [được xức dầu lên đầu], trong suốt đời làm việc trị vì của mình, liệu ông có được quý mến và hài lòng đối với đất nước nếu phần nhiều thời gian của ông chỉ khoái thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ?"1281 "Không, thưa Thế Tôn." "Tốt, này các Tỳ kheo. Ta cũng chưa bao giờ thấy hay nghe điều như vậy. (2) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe một quan triều đình … (3) … một hoàng tử nối dõi … (4) … một vị tướng … (5) … một trưởng làng … (6) … một trưởng bang hội, trong suốt đời làm lãnh đạo, liệu ông có được quý mến và hài lòng đối với phường hội nếu phần nhiều thời gian của ông chỉ khoái thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ?" "Không, thưa Thế Tôn."

“Tốt, này các Tỳ kheo. Ta cũng chưa bao giờ thấy hay nghe điều như vậy. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Ví dụ có một tu sĩ hay bà-la- môn dành phần nhiều thời gian của ông cho việc khoái thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ; là một người tu mà không phòng-hộ các cửa của các căn cảm-nhận (giác quan), là người không tiết-độ trong ăn uống, và không để-tâm (chú ý, để ý, hướng tâm trí) đến sự tỉnh-thức; là người thiếu sự minh-sát (thiền quán) nhìn vào những phẩm chất thiện lành; người không sống để-tâm tới sự cố-gắng tu tập ‘những phần trợ giúp giác- ngộ’ vào những canh đầu và canh sau của đêm. Các thầy có từng thấy hay nghe một người như vậy mà lại có thể chứng đắc như vầy: ‘Với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải- thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’, hay không?” “Không, thưa Thế Tôn.” “Tốt, này các Tỳ kheo. Ta cũng chưa bao giờ thấy hay nghe điều như vậy. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ phòng-hộ các cửa của các căn cảm-nhận, tiết-độ trong ăn uống, và để-tâm tới sự tỉnh-thức; chúng ta sẽ có sự minh-sát nhìn vào những phẩm chất thiện lành, và sẽ sống để-tâm tới sự cố-gắng tu tập “những phần trợ giúp giác-ngộ” vào những canh đầu và canh sau của đêm.’1282 Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

18 (8) Người Bán Cá Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn nhiều Tỳ kheo. Rồi, khi đang đi trên đường lộ cái, đến một chỗ nọ đức Thế Tôn nhìn thấy một người bán cá đang làm thịt cá để bán. Đức Thế Tôn ra khỏi đường lộ,



đến ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn dưới một gốc cây, và nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy người bán cá đang giết cá để bán hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” (1) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe một người bán cá nào nhờ công việc và nghề giết cá bán thịt nên sau này (nghiệp quả là) được đi lại bằng voi hay ngựa, bằng xe ngựa hay xe voi, hay thụ hưởng sự giàu có hay sống trên đống của cải to lớn, hay không?” “Không, thưa Thế Tôn.” “Tốt, này các Tỳ kheo, ta cũng chưa thấy hay nghe chuyện như vậy. Vì lý do gì? Vì người đó nhìn một cách tàn nhẫn vào những con cá bị bắt (trong chậu, trong thùng) khi chúng bị mang đến nơi giết thịt. Do vậy nên sau này người đó đâu được đi lại bằng voi hay ngựa, bằng xe ngựa hay xe voi, hay thụ hưởng sự giàu có hay sống trên đống của cải to lớn nào. (2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe một người bán thịt bò nào nhờ công việc và nghề giết bò bán thịt … (3) … một người bán thịt cừu … (4) … một người bán thịt heo … (5) … một người bán thịt gia cầm … (6) … một người bán thịt nai nào nhờ công việc và nghề giết nai bán thịt sau này (nghiệp quả là) được đi lại bằng voi hay ngựa, bằng xe ngựa hay xe voi, hay thụ hưởng sự giàu có hay sống trên đống của cải to lớn, hay không?” “Không, thưa Thế Tôn.” “Tốt, này các Tỳ kheo, ta cũng chưa thấy hay nghe chuyện như vậy. Vì lý do gì? Vì người đó nhìn một cách tàn

nhẫn vào những con bò … những con nai bị bắt khi chúng bị mang đến nơi giết thịt. Do vậy nên sau này người đó đâu được đi lại bằng voi hay ngựa, bằng xe ngựa hay xe voi, hay thụ hưởng sự giàu có hay sống trên đống của cải to lớn nào.

24 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

“Này các Tỳ kheo, những ai nhìn một cách tàn nhẫn vào những con vật đã bị bắt khi chúng bị mang đến nơi giết thịt thì sau này (nghiệp quả là) sẽ không được đi lại bằng voi hay ngựa, bằng xe ngựa hay xe voi, hay thụ hưởng sự giàu có hay sống trên đống của cải to lớn nào. Như vậy phải nói sao về những người nhìn một cách tàn nhẫn vào một người bị kết án đang bị mang đi xử tử? Điều đó (sự nhìn một cách tàn nhẫn đó) sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau dài lâu của họ. Khi thân tan rã, sau khi chết, họ sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.”

19 (9) Chánh Niệm Về Cái Chết (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nādika, trong hội trường gạch. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, sự chánh-niệm về cái chết, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất- tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó.1283 Nhưng, này các Tỳ kheo, các thầy có tu tập sự chánh-niệm về cái chết hay không?” (1) Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con có tu tập sự chánh-niệm về cái chết.” “Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?” “Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống một ngày và một đêm nữa, vậy ta nên chú-tâm (tác ý) tới giáo lý của đức Thế Tôn.1284 Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!’1285 Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết.” (2) Một Tỳ kheo khác nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con cũng tu tập sự chánh-niệm về cái chết.”

• 25

“Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?” “Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống một ngày nữa, vậy ta nên chú-tâm tới giáo lý của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!’ Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết.” (3) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con cũng tu tập sự chánh-niệm về cái chết.” “Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?” “Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống khoảng 20 phút nữa [nguyên văn: một khoảng thời gian đủ để ăn một bữa cơm khất thực],1286 vậy ta nên chú-tâm tới giáo lý của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!’ Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết.” (4) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con cũng tu tập sự chánh-niệm về cái chết.” “Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?” “Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: ‘Biết đâu ta chỉ còn sống khoảng 2 phút nữa [nguyên văn: một khoảng thời gian đủ để nhai và nuốt bốn hay năm miếng ăn], vậy ta nên chú-tâm tới giáo lý của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có

thể thành tựu nhiều!' Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết." (5) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con cũng tu tập sự chánh-niệm về cái chết." "Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?" "Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống



khoảng nửa phút nữa [nguyên văn: một khoảng thời gian đủ để nhai và nuốt một miếng ăn], vậy ta nên chú-tâm tới giáo lý của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!' Chính theo cách này con tu tập sự chánh- niệm về cái chết." (6) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con cũng tu tập sự chánh-niệm về cái chết." "Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?" "Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống khoảng 1-2 giây nữa [nguyên văn: một khoảng thời gian đủ để thở-ra sau khi thở-vô, hoặc để thở-vô sau khi thở-ra], vậy ta nên chú-tâm tới giáo lý của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!' Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết." Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo đó: "Này các Tỳ kheo, (1) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống một ngày và một đêm …'; và (2) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống một ngày …'; (3) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống 20 phút …'; (4) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống 2 phút …": đây được gọi là những Tỳ kheo còn sống một cách lơ-tâm phóng dật. Họ tu tập sự chánh-niệm về cái chết một cách chậm chạp (cho mục-tiêu) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Nhưng, (5) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống nửa phút …'; và (6) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống 1-2 giây …": đây được gọi là những Tỳ kheo sống một cách chuyên-chú. Họ tu tập sự chánh-niệm về cái chết một cách nhiệt-tâm (miên mật) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. "Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ sống một cách chuyên-chú. Chúng ta sẽ tu tập sự chánh-niệm



về cái chết một cách nhiệt-tâm đạt tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm.' Các thầy nên tu tập bản thân như vậy."

20 (10) Chánh Niệm Về Cái Chết (2) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nādika, trong hội trường gạch. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, sự chánh-niệm về cái chết, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất- tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó. Nhưng, này các Tỳ kheo, các thầy có tu tập sự chánh-niệm về cái chết hay không?" (I) "Ở đây, này các Tỳ kheo, khi ngày đã hết và đêm đã tới,1287 một Tỳ kheo quán chiếu như vầy: 'Ta có thể chết bởi nhiều nguyên nhân. (1) Do rắn cắn, hay bò cạp hay bò sát cắn ta, và ta có thể chết; đó là một sự cản trở cho ta. (2) Ta có thể vấp té, hoặc (3) thức ăn (độc, xấu) có

thể hại chết ta, hoặc (4) túi mật của ta có thể bị kích động, hoặc (5) đờm đãi của ta có thể bị kích động, hoặc (6) khí độc trong (thân) ta có thể bị kích động, làm ta chết; đó sẽ là sự cản trở cho ta.' (Những khả năng gây chết này cũng có ghi trong kinh 5:77, đoạn (2), trong đó gọi là 'những hiểm-họa tương lai' của một người sống tu trong rừng)

(a) "Tỳ kheo đó nên quán chiếu như vầy: 'Liệu ta có còn những phẩm chất bất thiện xấu ác nào chưa được trừ bỏ, điều đó sẽ trở thành sự cản trở cho ta nếu ta chết tối nay?' Nếu, sau khi quán xét, Tỳ kheo đó biết: 'Ta còn những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa được trừ bỏ, điều đó sẽ trở thành sự cản trở cho ta nếu ta chết tối nay', thì người đó cần đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt-tâm, sự nhiệt-thành, sự không biết mệt-mỏi, sự chánh-niệm, sự rõ-biết (tỉnh giác) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện xấu ác đó. "Ví dụ một người có quần áo hay đầu tóc đang bị lửa cháy cần phải có ngay sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt-tâm, sự nhiệt- thành, sự không biết mệt-mỏi, sự chánh-niệm, sự rõ-biết để dập tắt [lửa



cháy trên] áo quần hay đầu tóc của mình. Cũng giống như vậy, Tỳ kheo đó phải đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt-tâm, sự nhiệt-thành, sự không biết mệt-mỏi, sự chánh-niệm, sự rõ-biết để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện xấu ác đó. (b) "Nhưng nếu, sau khi quán xét, Tỳ kheo đó biết như vầy: 'Ta không còn những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa được trừ bỏ, điều đó sẽ không trở thành sự cản trở cho ta nếu ta chết tối nay', thì người đó sống trong sự khoan-khoái và hoan-hỷ đó, tu tập ngày và đêm trong những phẩm chất thiện lành. (II) "Nhưng khi đêm đã hết và ngày đã tới, một Tỳ kheo quán chiếu như vầy: 'Ta có thể chết bởi nhiều nguyên nhân. (1) Do rắn cắn … hoặc (6) khí độc trong (thân) ta có thể bị kích động, làm ta chết; đó sẽ là sự cản trở cho ta.' [Tiếp tục giống hệt phần (I), (a), (b) ở trên, chỉ khác là chữ "tối nay" được thay bằng chữ "ngày hôm nay".]

"Này các Tỳ kheo, đó là, sự chánh-niệm về cái chết, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó."

NHÓM 3. NHỮNG ĐIỀU VÔ THƯỢNG

21 (1) Sāmaka (1) "Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ Thích-ca ở Sāmagāmaka, gần hồ sen. Lúc đó, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết hồ sen, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, có ba phẩm chất này dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo. Ba đó là gì? (1) Thích thú làm công việc, (2) thích thú nói chuyện,



và (3) thích thú ngủ. Đây là ba phẩm chất dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo." Đây là lời vị thiên thần đã nói. Vị Thầy đồng ý. Rồi vị thiên thần đó, do nghĩ 'Vị Thầy đã đồng ý với mình' nên đã kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó. Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, tối

qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời … [Phật kể lại như trên] … và biến mất ngay tại đó. “Này các Tỳ kheo, đó là điều bất hạnh và mất mát đối với những thầy nào ở đây mà ngay cả những thiên thần cũng biết là đang sa sút những phẩm chất thiện lành.1288 “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy thêm ba phẩm chất [khác] dẫn tới sự sa- sút. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì có ba phẩm chất [khác] dẫn tới sự sa- sút? (4) Thích thú gặp gỡ giao lưu, (5) là (người) khó tu sửa được, và (6) có bạn bè (đạo hữu) xấu. Đây là ba phẩm chất [khác] dẫn tới sự sa sút. “Này các Tỳ kheo, những ai trong quá khứ đã sa sút những phẩm chất thiện lành đều sa sút bởi do sáu phẩm chất này. Những ai trong tương lai sẽ sa sút những phẩm chất thiện lành đều sa sút bởi do sáu phẩm chất này. Và những ai trong hiện tại đang sa sút những phẩm chất thiện lành đều sa sút bởi do sáu phẩm chất này.”

22 (2) Không Sa Sút “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sáu phẩm chất dẫn tới sự không sa-sút. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sáu phẩm chấtt dẫn tới sự không sa



sút? (1) Không thích thú làm công việc, (2) không thích thú nói chuyện, (3) không thích thú ngủ, (4) không thích thú gặp gỡ giao lưu, (4) là (người) dễ được tu sửa, và (5) có bạn (đạo hữu) tốt. Đây là sáu phẩm chất dẫn tới sự không sa-sút. “Này các Tỳ kheo, những ai trong quá khứ đã không sa sút những phẩm chất thiện lành đều không sa sút nhờ sáu phẩm chất này. Những ai trong tương lai sẽ không sa sút những phẩm chất thiện lành đều không sa sút nhờ sáu phẩm chất này. Và những ai trong hiện tại đang không sa sút những phẩm chất thiện lành đều không sa sút nhờ sáu phẩm chất này.”

23 (3) Hiểm Họa (1) “Này các Tỳ kheo, ‘hiểm họa’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác quan (dục lạc). (2) ‘Khổ’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác quan. (3) ‘Bệnh’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác quan. (4) ‘Ung nhọt’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác quan. (5) ‘Sự trói buộc’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác quan. (6) ‘Bãi lầy’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác quan. “Và, này các Tỳ kheo, tại sao ‘hiểm họa’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác quan? Người ta bị kích thích bởi tham-dục giác quan, bị trói buộc bởi tham-muốn và nhục-dục, không thoát khỏi những hiểm họa thuộc kiếp này hay những hiểm họa thuộc kiếp sau; do vậy ‘hiểm-họa’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác quan. “Và tại sao ‘khổ’ … ‘bệnh’ … ‘ung nhọt’ … ‘sự trói buộc’ … ‘bãi lầy’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác quan? Người ta bị kích thích bởi tham-dục giác quan, bị trói buộc bởi tham-muốn và nhục-dục, không thoát khỏi những hiểm họa thuộc kiếp này hay những hiểm họa thuộc kiếp sau; do vậy ‘hiểm họa’ là một cách để chỉ những khoái-lạc giác quan.” Hiểm họa, khổ, bệnh



Ung nhọt, sự trói buộc, bãi lầy:
Những chữ này mô tả những khoái-lạc giác quan

Mà những người phàm phu bị trói buộc vào đó.
Họ đã nhìn thấy sự hiểm-họa của sự dính-chấp (thủ),
Là nguồn gốc của sinh-tử.
Sau khi được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp (diệt thủ),
Trong sự (trạng thái đã) tuyệt dứt sinh-tử:
Những bậc hạnh-phúc đó đã đạt được sự an-toàn;
Họ đã đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này.
Sau khi đã vượt qua mọi sự sân-hận và sự hiểm-họa,
Họ đã siêu thoát khỏi mọi sự khổ đau."1289

24 (4) Núi Himalaya "Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo có thể chẻ phá dãy núi Himalaya (Hy-mã-lạp sơn), vua của những ngọn núi, sá gì sự vô-minh đốn mạt! 1290 Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là (1) thiện khéo về chứng- đắc sự định-tâm (tầng thiền định); (2) thiện khéo về thời-gian chứng nhập trong sự định-tâm; (3) thiện khéo về sự thoát-ra khỏi sự định-tâm; (4) thiện khéo về sự phù-hợp cho sự định-tâm; (5) thiện khéo về những trú-xứ của sự định-tâm; và (6) thiện khéo về giải-pháp đối với sự định-tâm.1291 Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo có thể chẻ dãy núi Himalaya, vua của những ngọn núi, sá gì sự vô-minh đốn mạt!"

25 (5) Tưởng Niệm "Này các Tỳ kheo, có sáu chủ-đề này để tưởng niệm.1292 Sáu đó là gì? (1) "Ở đây, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc- lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những



người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham, bản thân tự do khỏi nó, thoát ra khỏi nó. Này các Tỳ kheo, 'tham' là một cách để chỉ năm đối-tượng khoái-lạc giác quan. Sau khi đã làm (sự tưởng niệm) này thành một cơ-sở,1293 một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. (2) "Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Giáo Pháp, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham … một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. (3) "Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Tăng Đoàn như vầy: 'Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường,

đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công- đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).' là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Tăng Đoàn, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. (4) "Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình là không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết



nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới- hạnh của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. (5) "Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về sự rộng lòng bố-thí của mình như vầy: 'Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ố-nhiễm bởi tính keo-kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị ố-nhiễm bởi tính keo-kiệt, rộng lòng hào hiệp, dang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về tâm bố-thí của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. (6) "Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vầy: 'Có những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương (bốn vị vua trời lớn), những thiên thần ở cõi trời Đạo-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33), những thiên thần ở cõi trời Dạ-ma (Yāma), những thiên thần ở cõi trời Đâu-suất (Tusita), những thiên thần vui thích sáng tạo (hóa lạc thiên), những thiên thần kiểm soát những thứ được sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần trong đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên), và những thiên thần cao hơn những thiên thần đó. Trong tôi cũng có loại niềm-tin mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó; trong tôi cũng có loại giới-hạnh ... sự học-hiểu ... sự bố-thí ... trí-tuệ mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm niềm-tin, giới-hạnh, sự học-



hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham ... một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. Này các Tỳ kheo, 'tham' là một cách để chỉ năm đối-tượng khoái-lạc giác quan. Sau khi đã làm (sự tưởng niệm) này thành một cơ-sở, một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. "Này các Tỳ kheo, đây là sáu chủ-đề để tưởng niệm."

26 (6) Ngài Ca-Chiên-Diên Ở đó Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói điều này: “Này các đạo hữu, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, rằng đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người biết và thấy, đã tìm ra lối-mở [nguyên văn: lối mở giữa nơi bị giam cầm, bị nhốt kín] để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não), để thành tựu phương pháp (cách tu, pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn, đó là, sáu chủ-đề để tưởng niệm.1294 Sáu đó là gì? (1) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán … bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham, bản thân tự do khỏi nó, thoát ra khỏi nó. Này các Tỳ kheo, ‘tham’ là một cách để chỉ năm đối-tượng khoái-lạc giác quan. Người đệ tử thánh thiện này sống với một cái tâm hoàn toàn giống như không-gian: rộng lớn [quảng đại], bao la [được



khuếch đại, mở rộng], vô lượng, không sự thù-ghét và không sự ác-ý. Sau khi đã làm (sự tưởng niệm) này thành một cơ-sở, một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. 1295 (2) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo … được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Giáo Pháp, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham … một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. (3) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Tăng Đoàn như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành … là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Tăng Đoàn, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham … một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. (4) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình là không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham … một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. (5) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về sự rộng lòng bố-thí của mình như vầy: ‘Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ố-nhiễm bởi tính keo-kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị ố-nhiễm bởi tính keo-kiệt, rộng lòng hào hiệp, dang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về tâm

bố-thí của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham … một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. (6) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vầy: ‘Có những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương … trong tôi cũng có loại giới-hạnh … sự học-hiểu … sự bố-thí … trí-tuệ mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực. Người đó rời khỏi tham … một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. Này các Tỳ kheo, ‘tham’ là một cách để chỉ năm đối-tượng khoái-lạc giác quan. Người đệ tử thánh thiện này sống với một cái tâm hoàn toàn giống như không-gian: rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét và không sự ác-ý. Sau khi đã làm (sự tưởng niệm) này thành một cơ-sở, một số chúng sinh ở đây được thanh lọc theo cách như vậy. “Này các đạo hữu, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, rằng đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người biết và thấy, đã tìm ra lối-mở để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (cách tu, pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn, đó là, sáu chủ-đề để tưởng niệm.”

27 (7) Thời Lúc (1) Lúc đó có một Tỳ kheo đã đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu thời lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính?”1296 “Này Tỳ kheo, có sáu thời thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng

• 37

kính. Sáu đó là gì? (1) “Ở đây, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và khống chế bởi tham-dục, và người đó không hiểu được sự thoát-khỏi tham-dục đúng như nó thực là, thì trong thời đó người đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tâm của tôi bị ám muội và khống chế bởi tham-dục, và tôi không hiểu được sự thoát-khỏi tham-dục đúng như nó thực là gì. Mong thầy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp để loại bỏ tham-dục.’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để loại bỏ tham- dục. Đây là thời lúc thích hợp thứ nhất để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. (2) “Lại nữa, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và khống chế bởi sự ác-ý, và người đó không hiểu được sự thoát-khỏi sự ác-ý đã khởi sinh đúng như nó thực là, thì trong thời đó người đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tâm của tôi bị ám muội và khống chế bởi sự ác-ý …’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để loại bỏ sự ác-ý. Đây là thời lúc thích hợp thứ hai để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. (3) “Lại nữa, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và khống chế bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, và người đó không hiểu được sự thoát-khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh đúng như nó thực là, thì trong thời đó người đó đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tâm của tôi bị ám muội và khống chế bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ …’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính sẽ chỉ dạy cho người

đó Giáo Pháp để loại bỏ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. Đây là thời lúc thích hợp thứ ba để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. (4) “Lại nữa, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và khống chế bởi sự bất-an và hối-tiếc, và người đó không hiểu được sự thoát-khỏi sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh đúng như nó thực là, thì trong thời đó người đó đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tâm của tôi bị ám muội và khống chế bởi sự bất-an và hối-tiếc …’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để loại bỏ sự bất-an và hối-tiếc. Đây là thời lúc thích hợp thứ tư để đến gặp một Tỳ kheo đáng



kính. (5) “Lại nữa, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và khống chế bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu được sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ đã khởi sinh đúng như nó thực là, thì trong thời đó người đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tâm của tôi bị ám muội và khống chế bởi sự nghi-ngờ …’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để loại bỏ sự nghi-ngờ. Đây là thời lúc thích hợp thứ năm để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. (6) “Lại nữa, khi một Tỳ kheo không biết và thấy đối-tượng nào để dựa vào nó và chú tâm tới nó để đạt tới sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm,1297 thì trong thời đó người đó nên đến gặp một Tỳ kheo đáng kính và thưa với vị ấy: ‘Này đạo hữu, tôi không biết và thấy đối-tượng nào để dựa vào nó và chú tâm tới nó để đạt tới sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm.’ Rồi vị Tỳ kheo đáng kính đó sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để đạt tới sự tiêu-diệt ô- nhiễm. Đây là thời lúc thích hợp thứ sáu để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. “Này Tỳ kheo, đây là sáu thời lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.”

28 (8) Thời Lúc (2) Trong một lần có một số Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), trong khu vườn nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi những thiên thần hạ giới). Rồi, sau khi trở về sau một vòng đi khất thực, sau khi ăn trưa, những Tỳ kheo đó tụ tập và cùng ngồi với nhau trong hội trường, lúc đó trong số họ đã khởi sinh cuộc đàm đạo như vầy: “Này các đạo hữu, cái gì là thời lúc thích hợp để đi gặp một Tỳ kheo đáng kính?” (a) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã nói với các trưởng lão: “Này các đạo hữu, sau khi một Tỳ kheo đáng kính trở về sau một



vòng khất thực, sau khi ăn trưa, vị ấy rửa chân, và ngồi xuống với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt mình: đó là thời lúc thích hợp để đến gặp vị ấy.” (b) Sau khi người đó nói xong, một Tỳ kheo khác nói với người đó: “Này đạo hữu, đó không phải lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. Sau khi một Tỳ kheo đáng kính trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, vị ấy rửa chân, và ngồi xuống với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt mình, sự mệt mỏi của vị ấy [sau khi đi khất thực] và bữa ăn trưa của vị ấy cũng chưa tiêu bớt. Vì vậy đó không phải thời lúc thích hợp để đến gặp vị ấy. Nhưng vào buổi cuối chiều, khi một Tỳ kheo đáng kính ra khỏi chỗ ẩn cư và ngồi dưới chái hiên chỗ-ở với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã

thiết lập sự chánh-niệm trước mặt mình: đó là thời lúc thích hợp để đến gặp vị ấy." (c) Sau khi người đó nói xong, một Tỳ kheo khác nữa nói với người đó: "Này đạo hữu, đó không phải lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. Vào buổi cuối chiều, khi một Tỳ kheo đáng kính ra khỏi chỗ ẩn cư và ngồi dưới mái hiên chỗ-ở với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt mình, lúc đó đối-tượng thiền định mà vị ấy đã chú-tâm vào vẫn còn có mặt đối với vị ấy.1298 Vì vậy đó không phải thời lúc thích hợp để đến gặp vị ấy. Nhưng khi một Tỳ kheo đáng kính thức dậy khi đêm bắt đầu tàn và đang ngồi với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt mình: đó là lúc thích hợp để đến gặp vị ấy." (d) Sau khi người đó nói xong, một Tỳ kheo khác lại nói với người đó: "Này đạo hữu, đó không phải lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. Khi một Tỳ kheo đáng kính thức dậy khi đêm bắt đầu tàn và đang ngồi với hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, sau khi đã thiết



lập sự chánh-niệm trước mặt mình, lúc đó thân của vị ấy còn tươi mới; sẽ dễ dàng cho vị ấy chú-tâm tới giáo lý của các vị Phật. Vì vậy đó không phải thời lúc thích hợp để đến gặp vị ấy." Sau khi điều này được nói ra, Ngài Đại Ca-chiên-diên đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão đó: "Này các đạo hữu, trước mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: "'Này Tỳ kheo, có sáu thời lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, này Tỳ kheo, khi tâm của một Tỳ kheo bị ám muội và khống chế bởi tham-dục ... [tiếp tục nguyên đoạn này được Phật nói trong kinh 6:27 kế trên:] ... (2) ... bị ám muội và khống chế bởi sự ác-ý ... (3) ... bị ám muội và khống chế bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ... (4) ... bị ám muội và khống chế bởi sự bất-an và hối-tiếc ... (5) ... bị ám muội và khống chế bởi sự nghi-ngờ ... (6) ... khi một Tỳ kheo không biết và thấy đối-tượng nào để dựa vào và chú-tâm vào để đạt tới sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm ... Rồi vị Tỳ kheo đáng kính đó sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp để tiêu diệt ô-nhiễm. Đây là sáu thời lúc thích hợp thứ sáu để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.' "Này các đạo hữu, trước mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: 'Này Tỳ kheo, đây là sáu thời lúc thích hợp để đến gặp một Tỳ kheo đáng kính.'"

29 (9) Ngài Udāyī Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Udāyī: "Này Udāyī, có bao nhiêu chủ-đề để tưởng niệm?" Khi điều này được nói ra, thầy Udāyī im lặng ... Và (Phật hỏi lại) đến lần thứ ba thầy Udāyī vẫn im lặng. Rồi Ngài Ānanda mới nói với thầy Udāyī: "Kìa đạo hữu Udāyī, Vị Thầy đang nói với thầy mà."

• 41

"Tôi có nghe đức Thế Tôn nói, này đạo hữu Ānanda." "Ở đây, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo nhớ lại (tưởng niệm, quán tưởng) nhiều cõi kiếp quá khứ của mình, đó là một lần sinh, hai lần sinh ... [giống đoạn (4) kinh 6:02] ... Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy." Rồi đức Thế Tôn mới nói với thầy Ānanda: "Này Ānanda, ta biết con người nông cạn như Udāyī không tận tụy hết mình để đạt tới phần tâm bậc cao.1299 Này Ānanda, có bao nhiêu chủ- đề để tưởng niệm?"

“Thưa Thế Tôn, có năm chủ-đề để tưởng niệm. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó. (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’ “Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ dẫn đến sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này.1300 (2) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo chú tâm tới nhận-thức về ánh sáng; người đó tập trung vào nhận-thức về ban ngày như vầy: ‘Ngày



sao, đêm vậy; đêm sao ngày vậy.’ Như vậy, với một cái tâm là mở rộng và không che đậy, người đó tu tập một cái tâm thấm nhuần sự sáng-tỏ.1301 Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ dẫn đến sự đạt được sự-biết và sự-thấy. (3) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo quán sát chính thân này từ gót chân trở lên, từ đỉnh tóc trở xuống, được bao bọc trong da, chứa đầy những thứ không-sạch: ‘Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, đờm, màng phổi, lá lách, ruột non, phổi, màng treo (mỡ sa), bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nhớt, nước bọt, nước mũi, dịch khớp, và nước tiểu.’ Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ dẫn đến sự loại bỏ nhục-dục (diệt dục). (4) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, (i) giả sử một Tỳ kheo nhìn thấy một xác chết bị quăng ra nghĩa địa sau khi chết được một, hai, hay ba ngày, sình lên, thâm tím, chảy dịch mủ. Người đó so sánh thân của mình với xác chết như vầy: ‘Thân này (của mình) cũng giống bản chất đó; rồi cũng sẽ như vậy; chẳng hơn gì xác chết đó.’1302 Hoặc (ii) giả sử người đó nhìn thấy một xác chết bị quăng ra nghĩa địa, đang bị cắn mổ bởi những con quạ, diều hâu, kền kền, chó, chó rừng, hay những sinh vật khác. Người đó so sánh thân của mình với xác chết như vầy: ‘Thân này cũng giống bản chất đó; rồi cũng sẽ như vậy; chẳng hơn gì xác chết đó.’ Hoặc (c) giả sử người đó nhìn thấy một xác chết bị quăng ra nghĩa địa, (iii) là một bộ xương với thịt và máu, được dính với nhau bằng những sợi gân … (iv) là một bộ xương không thịt còn máu, được dính với nhau bằng những sợi gân … (v) là một bộ xương không thịt không máu, được dính với nhau bằng những sợi gân … (vi) là những phần xương rớt rời ra đủ hướng: này là xương tay, kia là xương chân, này là xương ống, kia là xương đùi, này là xương chậu, kia là xương sống, và kia là xương sọ. Người đó so sánh thân của mình với xác chết như vầy: ‘Thân này cũng giống bản chất đó; rồi cũng sẽ như vậy; chẳng hơn gì xác chết đó.’ Hoặc (d) giả sử người đó nhìn thấy một xác chết bị quăng ra nghĩa địa, (vii) là những phần xương đã phai

thành màu trắng, màu của vỏ sò … (viii) là những phần xương nằm dồn lại, đã hơn một năm … (ix) … là những phần xương đã mục nát, rã thành bụi đất. Người đó so sánh thân của mình với xác chết như vầy: 'Thân này cũng giống bản chất đó; rồi cũng sẽ như vậy; chẳng hơn gì xác chết đó.' Người đó so sánh thân của mình với xác chết như vầy: 'Thân này cũng giống bản chất đó; rồi cũng sẽ như vậy; chẳng hơn gì xác chết đó.' Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ dẫn tới sự bứng bỏ cái 'ta' (phá ngã). (5) "Lại nữa, thưa Thế Tôn: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.' Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ dẫn tới sự thâm nhập của nhiều loại yếu-tố.1303 "Thưa Thế Tôn, đây là năm chủ-đề tưởng niệm." "Tốt, tốt, này Ānanda! Vậy thì, này Ānanda, hãy ghi nhớ luôn chủ-đề tưởng niệm thứ sáu này. (6) "Ở đây, khi bước tới một Tỳ kheo luôn có chánh-niệm, khi bước lại người đó luôn có chánh-niệm, khi đứng người đó luôn có chánh-niệm, khi ngồi người đó luôn có chánh-niệm, khi nằm xuống [để ngủ] người đó luôn có chánh-niệm, khi làm việc gì người đó luôn có chánh-niệm. Chủ-đề tưởng niệm này, nếu được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác)."

30 (10) Những Điều Vô Thượng "Này các Tỳ kheo, có sáu điều vô thượng [không còn cao hơn nữa, không thể vượt trên]. Sáu đó là gì? (1) Sự nhìn-thấy vô thượng, (2) sự- nghe vô thượng, (3) sự có-được vô thượng, (4) sự tu-tập vô thượng, (5) sự phục-vụ vô thượng, và (6) sự tưởng-niệm vô thượng.1304



(1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nhìn-thấy vô thượng? Ở đây, có người đến để nhìn thấy voi báu, ngựa báu, ngọc báu, hoặc đến để nhìn thấy những cảnh quan khác nhau; hoặc khác, họ đến để nhìn thấy một tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc (tà kiến), có sự thực-hành sai lạc (tà tu). Có sự nhìn-thấy như vầy; điều này ta không chối cãi. Nhưng sự nhìn-thấy như vậy là thấp, tầm thường, phàm tục, không thánh thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có niềm-tin được ổn định, sự kính-mộ được ổn định, đã nhất-quyết, đầy sự tự-tin, đến để nhìn-thấy (gặp) Như Lai hay một đệ tử của Như Lai: sự nhìn-thấy vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não), để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự nhìn-thấy vô thượng. Như vậy là sự nhìn-thấy vô thượng. (2) "Và theo cách nào thì có sự-nghe vô thượng? Ở đây, có người nghe âm thanh tiếng trống, tiếng đàn, tiếng hát, hoặc nghe những âm thanh khác nhau; hoặc khác, họ đến để nghe Giáo Pháp của những tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc (tà kiến), có sự thực-hành sai lạc. Có sự-nghe như vậy; điều này ta không chối cãi. Nhưng sự-nghe như vậy là thấp, tầm thường, phàm tục, không thánh

thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có niềm-tin ổn định, sự kính-mộ được ổn định, đã nhất-quyết, đầy sự tự-tin, đến để nghe Như Lai hay một đệ tử của Như Lai: sự-nghe vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự-nghe vô thượng. Như vậy là sự-nghe vô thượng. (3) "Và theo cách nào là sự có-được vô thượng? Ở đây, có người có được con trai, có vợ, hoặc sự giàu có; hoặc họ có được nhiều thứ đồ đạc

• 45

hàng hóa; hoặc khác, họ có được niềm-tin vào những tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc (tà kiến), có sự thực-hành sai lạc. Có sự có- được như vậy; điều này ta không chối cãi. Nhưng sự có-được như vậy là thấp, tầm thường, phàm tục, không thánh thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có niềm-tin ổn định, sự kính-mộ được ổn định, đã nhất-quyết, đầy sự tự-tin, có-được niềm-tin vào Như Lai hay một đệ tử của Như Lai: sự có-được vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự có- được vô thượng. Như vậy là sự có-được vô thượng. (4) "Và theo cách nào là sự tu-tập vô thượng? Ở đây, có người tập luyện về (điều khiển) voi, về ngựa, về xe, về cung tên, về kiếm thuật; hoặc họ tập luyện về những lĩnh vực khác nhau; hoặc khác, họ tu tập dưới/theo một tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc (tà kiến), có sự thực- hành sai lạc. Có sự tập-luyện như vậy; điều này ta không chối cãi. Nhưng sự tập luyện này là thấp, tầm thường, phàm tục, không thánh thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có niềm-tin ổn định, sự kính-mộ được ổn định, đã nhất-quyết, đầy sự tự-tin, đến tu tập theo Như Lai hay một đệ tử của Như Lai: sự tu-tập vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự tu-tập vô thượng. Như vậy là sự tu-tập vô thượng. (5) "Và theo cách nào là sự phục-vụ vô thượng? Ở đây, có người phục vụ một người giai cấp chiến-sĩ (khattiya), một bà-la-môn (brahmin), một gia-chủ; hoặc họ phục vụ nhiều người khác nhau; hoặc khác, họ phục vụ một tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc (tà kiến), có sự thực-hành sai lạc. Có sự phục-vụ như vậy; điều này ta không chối cãi.



Nhưng sự phục vụ này là thấp, tầm thường, phàm tục, không thánh thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có niềm-tin ổn định, sự kính-mộ được ổn định, đã nhất-quyết, đầy sự tự-tin, phục vụ Như Lai hay một

đệ tử của Như Lai: sự phục-vụ vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự phục-vụ vô thượng. Như vậy là sự phục-vụ vô thượng. (6) “Và theo cách nào là sự tưởng-niệm vô thượng? Ở đây, có người tưởng niệm sự có-được con trai, vợ, sự giàu có; hoặc khác, họ tưởng niệm những sự có-được (đắc lợi) khác nhau; hoặc khác, họ tưởng niệm một tu sĩ hay bà-la-môn có những cách-nhìn sai lạc (tà kiến), có sự thực-hành sai lạc. Có sự tưởng-niệm như vậy; điều này ta không chối cãi. Nhưng sự tưởng niệm này là thấp, tầm thường, phàm tục, không thánh thiện, và không ích lợi; nó không dẫn tới sự không còn mê-thích (tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, và Niết-bàn. Tuy nhiên, khi một người có niềm-tin ổn định, sự kính-mộ được ổn định, đã nhất-quyết, đầy sự tự-tin, tưởng niệm Như Lai hay một đệ tử của Như Lai: sự tưởng-niệm vô thượng này là để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, để thành tựu phương pháp (pháp tu, cách tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Đây được gọi là sự tưởng-niệm vô thượng. Như vậy là sự tưởng-niệm vô thượng. “Này các Tỳ kheo, đây là sáu điều vô thượng.” Sau khi đã có được sự nhìn-thấy tốt nhất, Và sự-nghe vô thượng, Và sự có-được vô thượng, Vui thích với sự tu-tập vô thượng, Chú tâm vào sự phục-vụ, Họ tu tập sự tưởng-niệm nối kết với sự sống tách-ly,

• 47

Sự an-toàn, dẫn tới sự bất-tử.
Hoan hỷ trong sự chuyên-chú (tu tập),
Cẩn trọng (về tương lai), được kiềm chế bởi giới-hạnh,
Vào lúc họ chứng ngộ
Cũng là lúc sự khổ chấm dứt.
NHÓM 4. NHỮNG THIÊN THẦN

31 (1) Học Nhân (1) “Này các Tỳ kheo, sáu phẩm chất này dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân. Sáu đó là gì? Thích thú làm công việc, thích thú nói chuyện, thích thú ngủ, thích thú gặp gỡ giao lưu, không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác quan), và không tiết độ trong ăn uống. Sáu phẩm chất này dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân. “Này các Tỳ kheo, sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân. Sáu đó là gì? Không thích thú làm công việc, không thích thú nói chuyện, không thích thú ngủ, không thích thú gặp gỡ giao lưu, luôn phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, và tiết độ trong ăn uống. Sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân.”

32 (2) Sự Không Sa Sút (1) Lúc đó, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo. Sáu đó là gì? Tôn kính trọng Vị Thầy (Phật), tôn kính Giáo Pháp, tôn kính Tăng Đoàn, tôn kính sự tu-tập, tôn kính sự

chuyên-chú, và



tôn kính sự hiếu-khách.1305 Đây là sáu phẩm chất dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo.” Đây là lời vị thiên thần đã nói. Vị Thầy đồng ý. Rồi vị thiên thần đó, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý với mình’ nên đã kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó. Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời … [Phật kể lại nguyên câu chuyện trên] … và biến mất ngay tại đó.” Tôn trọng đối với Vị Thầy, Tôn trọng đối với Giáo Pháp, Sâu sắc tôn kính Tăng Đoàn, Tôn trọng đối với sự chuyên-chú Tôn kính sự hiếu-khách: Thì Tỳ kheo này không thể rớt khỏi Mà gần với Niết-bàn.

33 (3) Sự Không Sa Sút (2) “Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đến gặp ta, kính lễ và đứng qua một bên, và thưa với ta: “‘Thưa Thế Tôn, có sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo. Sáu đó là gì? Tôn kính trọng Vị Thầy (Phật), tôn kính Giáo Pháp, tôn kính Tăng Đoàn, tôn kính sự tu-tập, tôn kính sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và tôn kính sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức. Đây là sáu phẩm chất dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo.’ Đây là lời vị thiên thần đã nói. Rồi vị thiên thần đó kính lễ ta, đi vòng ra giữ ta ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.” Tôn trọng đối với Vị Thầy,



Tôn trọng đối với Giáo Pháp,
Sâu sắc tôn kính Tăng Đoàn,
Có đủ sự biết xấu-hổ và biết sợ-hãi về mặt đạo đức,
Cung kính và tôn kính:
Người như vậy không thể rớt khỏi
Mà gần với Niết-bàn.

34 (4) Ngài Mục-Kiền-Liên Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, trong khi Ngài Mục-kiền- liên đang ở một mình ở nơi ẩn dật, dòng ý nghĩ này đã khởi sinh trong thầy ấy: “Những thiên thần nào biết rằng: ‘Chúng ta là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ’?” Bấy giờ, lúc đó có một Tỳ kheo tên là Tissa vừa mới chết và được tái sinh trong một cõi trời brahmā (phạm thiên giới). Ở đó họ đều biết thầy ấy bây giờ là “vị trời Tissa, uy dũng và uy lực”. Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay, thầy Mục-kiền-liên biến mất khỏi Khu Vườn Jeta và hiện ra trong cõi trời brahmā đó. Khi nhìn thấy thầy Mục- kiền-liên đi đến từ xa, vị trời Tissa đã nói với thầy ấy: “Nào, thầy Mục-kiền-liên đáng kính! Hân hạnh đón tiếp thầy, thầy Mục-kiền-liên đáng kính! Đã từ lâu giờ mới có cơ hội thầy ghé đến đây. Xin mời ngồi, thầy Mục-kiền-liên đáng kính. Chỗ ngồi đã được dọn sẵn.” Thầy Mục-kiền-liên ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Vị trời Tissa kính lễ và đứng sang

một bên. Thầy Mục-kiền-liên mới nói với vị trời: “Này Tissa, những thiên thần nào biết rằng: ‘Chúng ta là bậc Nhập- lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ’?”

50 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

(1) “Thầy Mục-kiền-liên đáng kính, những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương [bốn vị vua trời lớn] có biết như vậy.” “Này Tissa, có phải tất cả những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương đều biết như vậy?” “Không phải tất cả, thưa thầy Mục-kiền-liên đáng kính. Những ai không có được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và những ai thiếu giới-hạnh (đức-hạnh) được quý trọng bởi những bậc thánh, thì không có biết điều đó. Nhưng những ai có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và những ai có được giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh, thì biết được: ‘Chúng ta là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác- ngộ.’” (2) “Có phải chỉ có những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương có biết điều đó hay những thiên thần ở cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, 33) … (3) những thiên thần ở cõi trời Dạ-ma (Yāma) … (4) những thiên thần ở cõi trời Đâu-suất (Tusita) … (5) những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên) … (6) những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên) cũng có biết như vậy?” “Thưa thầy Mục-kiền-liên đáng kính, những thiên thần Tha hóa tự tại thiên có biết như vậy.” “Này Tissa, có phải tất cả những thiên thần Tha hóa tự tại thiên đều có biết như vậy?” “Không phải tất cả, thưa thầy Mục-kiền-liên đáng kính. Những ai không có được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và những ai thiếu giới-hạnh (đức-hạnh) được quý trọng bởi những bậc thánh, thì không có biết điều đó. Nhưng những ai có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Phật, Pháp, Tăng, và những ai có được giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh, thì biết được: ‘Chúng ta là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác- ngộ.’”

• 51

Rồi, sau khi hài lòng và hoan hỷ với lời nói của vị trời Tissa, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, thầy Mục-kiền-liên biến mất khỏi cõi trời đó và hiện tra lại ở Khu Vườn Jeta.

35 (5) Thuộc Trí Biết Đích Thực “Này các Tỳ kheo, sáu điều này thuộc trí-biết đích thực. Sáu đó là gì? Nhận-thức về sự vô-thường, nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô thường, nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, nhận-thức về sự dẹp-bỏ, nhận-thức về sự chán-bỏ, nhận-thức về sự chấm-dứt.1306 Đây là sáu điều thuộc trí-biết đích thực (minh).”

36 (6) Những Tranh Chấp “Này các Tỳ kheo, sáu gốc rễ tạo ra những tranh-chấp. Sáu đó là gì? (1) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo hay nóng giận và bực tức. Khi một Tỳ kheo sống hay nóng giận và bực tức, thì người đó sống không có sự tôn trọng và Tôn trọng đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu-tập. Một Tỳ kheo như vậy tạo ra những tranh-chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới nguy hại và

bất hạnh cho nhiều người, dẫn tới sự mất mát, sự nguy hại và sự khổ cho những thiên thần và loài người. Giờ nếu các thầy nhận thấy được bất kỳ gốc rễ nào có trong chính mình hoặc trong người khác gây ra tranh-chấp, thì các thầy phải chuyên-cần tu (tinh cần) để trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra tranh-chấp đó. Và nếu các thầy không nhận thấy gốc rễ nào có trong chính mình hoặc trong người khác gây ra tranh-chấp, thì các thầy cũng phải chuyên-cần tu theo cách như vậy để cho gốc rễ gây tranh-chấp không phát sinh lại trong tương lai. Như vậy là (a) có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh-chấp; như vậy là (b) có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây ra tranh-chấp trong tương lai. (2) "Lại nữa, một Tỳ kheo kinh thường và xấc xược … (3) ghen tỵ và



keo kiệt … (4) lừa dối và gian lận … (5) có những ý-định xấu và cách- nhìn sai lạc (tà kiến) … (6) cố chấp theo những cách-nhìn sai lạc của mình, bám chặt vào chúng một cách ngoan cố, khó mà từ bỏ chúng. Khi một Tỳ kheo sống (2) kinh thường và xấc xược … (6) cố chấp theo những cách-nhìn sai lạc của mình, bám chặt vào chúng một cách ngoan cố, khó mà từ bỏ chúng, thì người đó sống không có sự tôn trọng và Tôn trọng đối với Vị Thầy, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu-tập. Một Tỳ kheo như vậy tạo ra những tranh-chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới nguy hại và bất hạnh cho nhiều người, dẫn tới sự mất mát, sự nguy hại và sự khổ cho những thiên thần và loài người. Giờ nếu các thầy nhận thấy được bất kỳ gốc rễ nào có trong chính mình hoặc trong người khác gây ra tranh-chấp, thì các thầy phải chuyên-cần tu (tinh cần) để trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra tranh-chấp đó. Và nếu các thầy không nhận thấy gốc rễ nào có trong chính mình hoặc trong người khác gây ra tranh-chấp, thì các thầy cũng phải chuyên-cần tu theo cách như vậy để cho gốc rễ gây tranh- chấp không phát sinh lại trong tương lai. Như vậy là (a) có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh-chấp; như vậy là (b) có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây ra tranh-chấp trong tương lai. "Này các Tỳ kheo, đây là sáu gốc rễ tạo ra những tranh-chấp."

37 (7) Sự Cho Đi Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có vị nữ đệ tử tại gia tên là Veḷukaṇṭakī Nandamātā [mẹ của (Tỳ kheo) Nanda] đã chuẩn bị 'bữa cúng-dường có được sáu yếu-tố' cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Mục-kiền-liên. Với mắt thiên thánh (thiên nhãn), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, đức Thế Tôn nhìn thấy vị nữ đệ tử tại gia Veḷukaṇṭakī Nandamātā đang chuẩn bị bữa cúng dường, Đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, nữ đệ tử tại gia Veḷukaṇṭakī Nandamātā đang



chuẩn bị 'bữa cúng-dường có được có sáu yếu-tố' cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Và theo cách nào là một 'sự cúng-dường gồm có sáu yếu-tố'? Ở đây, người cúng dường (thí chủ) có ba yếu-tố và những người nhận có ba yếu tố. "Cái gì là ba yếu-tố của người cúng dường? (1) Người cúng dường là hoan-hỷ trước khi bố-thí; (2) cô ấy có tâm bình-lặng và tự-tin trong hành động bố-thí; và (3) cô

ấy là phấn-khởi sau khi bố-thí. Đây là ba yếu-tố của người cúng dường. “Và cái gì là ba yếu-tố của những người nhận? Ở đây, (4) những người nhận là không có tham, hoặc đang tu tập để loại bỏ tham; (5) họ không có sân, hoặc đang tu tập để loại bỏ sân; (6) họ không có si, hoặc đang tu tập để loại bỏ si. Đây là ba yếu-tố của những người nhận. “Như vậy người cúng dường có ba yếu-tố và những người nhận có ba yếu-tố. Theo cách như vậy là sự cúng-dường có được sáu yếu-tố. Không dễ gì đo được công-đức của một sự cúng-dường như vậy để nói như kiểu: ‘Dòng chảy công-đức là rất nhiều như vầy, dòng chảy thiện-lành là rất nhiều như vậy, đó là dưỡng-chất của hạnh phúc—là thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa dẫn tới cõi trời—sẽ dẫn tới điều được ước, được mong và đáng thích, đưa đến ích lợi và hạnh phúc của một người (người cúng dường)’; mà phải nói đó là vô-lường [không thể đếm được], vô-lượng [không thể đo được], là một khối công-đức khổng lồ. “Này các Tỳ kheo, giống như không dễ gì đo được lượng nước trong đại dương mà nói như kiểu: ‘Có rất nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’, hay ‘nhiều ngàn thùng nước’, hay ‘nhiều trăm ngàn thùng nước’ như vầy hay như vậy; mà phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô-lường, vô-lượng. Cũng giống như vậy, không dễ gì đo được công-đức của một sự cúng-dường như vậy để nói như kiểu: ‘Dòng chảy công-đức là rất nhiều như vầy, dòng chảy thiện-lành là rất nhiều như vậy …’ … mà phải nói đó là vô-lường, vô-lượng, là một khối công-đức khổng lồ.” Trước khi bố-thí một người hoan-hỷ;



Trong khi đang bố-thí người đó ổn định tâm trong sự thành-tín;
Sau khi bố-thí người đó phấn khởi:
Đây là sự thành công trong hành động cúng-dường.
Khi họ (những người nhận) không có tham và sân,
Không có si và những ô-nhiễm,
Tự-chủ, sống đời sống tâm linh,
Thì đó là ruộng phước cho sự cúng-dường được tròn vẹn.
Sau khi đã làm sạch bản thân,1307
Và bố-thí bằng chính tay mình,
Hành động từ-thiện đó là rất nhiều phước quả,
Cho bản thân mình và trong liên quan những người khác.
Sau khi làm một việc từ-thiện như vậy,
Với một cái tâm không dính tính keo-kiệt,
Người có trí, giàu có niềm-tin,
Sẽ được tái sinh trong một cõi hạnh phúc, không khổ đau.

38 (8) Tự Phát Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, tôi nắm giữ một luận thuyết và quan điểm như vầy: ‘Không có sự tự mình chủ-động, không có sự chủ-động bởi người khác.’”1308 “Này bà-la-môn, ta chưa bao giờ thấy hay nghe ai nắm giữ một luận thuyết và quan điểm như vậy. Bởi vì,

làm sao một người có thể tự mình đi tới và tự mình đi lui theo ý mình mà có thể nói: ‘Không có sự tự mình chủ-động, không có sự chủ-động bởi người khác.’? (1) “Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? Có yếu tố (thành tố là sự) chủ- động [tự-phát, khởi-sự], hay không?”1309

• 55

“Có, thưa thầy.” “Khi có yếu tố chủ-động, những chúng sinh được thấy có chủ-động hoạt động, đúng không? “Đúng, thưa thầy.” “Khi những chúng sinh được thấy chủ-động hoạt động bởi vì có yếu tố chủ-động, thì đây là sự tự mình chủ-động, đây là sự chủ-động bởi người khác, đúng không?” “Đúng vậy, thưa thầy.” (2) “Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? Có yếu tố (thành tố là sự) kiên-trì … (3) … có yếu tố cố-gắng … (4) … có yếu tố sức-mạnh1310… (5) có yếu tố liên-tục … (6) … có yếu tố ép-buộc, hay không?” “Có, thưa thầy.” “Có, thưa thầy.” “Khi có yếu tố ép-buộc, những chúng sinh được thấy có chủ-động hoạt động, đúng không? “Đúng, thưa thầy.” “Khi những chúng sinh được thấy chủ-động hoạt động bởi vì có yếu tố ép-buộc, thì đây là sự tự mình chủ-động, đây là sự chủ-động bởi người khác, đúng không?” “Đúng vậy, thưa thầy.” “Này bà-la-môn, ta chưa bao giờ thấy hay nghe ai nắm giữ một luận thuyết và quan điểm [như của ông]. Bởi vì, làm sao một người có thể tự đi tới và tự đi lui theo ý mình mà có thể nói: ‘Không có sự tự mình chủđộng, không có sự chủ-động bởi phần người khác.’? “Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy



các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

39 (9) Sự Khởi Sinh (I) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân này làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? (1) Tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; (2) sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; và (3) si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp. “Không phải sự vô-tham khởi sinh từ tham; mà chỉ có tham khởi sinh từ tham. Không phải sự vô-sân khởi sinh từ sân; mà chỉ có sân khởi sinh từ sân. Không phải sự vô-si khởi sinh từ si; mà chỉ có si khởi sinh từ si. “Không phải [những cõi] những thiên thần và loài người—hay những nơi-đến tốt lành nào khác—được nhìn thấy là do nghiệp được sinh ra từ tham, sân, si; mà chỉ có địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ thống khổ—cũng như những nơi-đến xấu dữ—được nhìn thấy do nghiệp sinh ra từ tham, sân, si. Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp. (II) “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? (4) Vô-tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; (5) vô-sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; và (6) vô-si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp. “Không phải tham khởi sinh từ sự vô-tham; mà chỉ có vô-tham khởi sinh từ vô-tham. Không phải sân khởi sinh từ sự vô-sân; mà chỉ

có vô-sân khởi sinh từ vô-sân. Không phải si khởi sinh từ sự vô-si; mà chỉ có vô-si khởi sinh từ vô-si. “Không phải địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ thống khổ—hay những nơi-đến xấu dữ nào khác—được nhìn thấy do nghiệp sinh ra từ sự vô-tham, vô-sân, và vô-si; mà, chỉ có [những cảnh giới] những thiên thần và loài người—cũng như những nơi-đến tốt lành khác—

• 57

được nhìn thấy do nghiệp sinh ra từ sự vô-tham, vô-sân, và vô-si. Có ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”

40 (10) Ngài Kimbila Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kimbilā, trong một vườn cây nicula (lộc vừng).1311 Lúc đó có Ngài Kimbila đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: (I) “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn? “(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát niết-bàn [chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng khi qua đời], những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp. (3) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu-tập. (5) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự chuyên- chú. (6) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự hiếu-khách (tiếp đãi). Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn. (II) “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn?” “(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát niết-bàn, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp. (3) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu- tập. (5) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự chuyên-chú. (6) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự hiếu-khách. Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn.”



41 (11) Một Khối Gỗ Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi xuống khỏi Đỉnh Núi Kền Kền cùng với một số Tỳ kheo. Tới một chỗ thầy ấy nhìn thấy một khối gỗ to lớn, và nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu các thầy có thấy khối gỗ to lớn đó không?” “Có, thưa đạo hữu.” (1) “Này các đạo hữu, nếu muốn một Tỳ kheo có thần thông [năng lực tâm linh siêu thường], là người đã đạt được sự làm-chủ cái tâm, có thể chú-tụ (tập trung, hội tụ, chú tâm) vào khối gỗ đó (như) là đất. Cái gì là cơ sở cho điều này? Bởi yếu-tố đất có mặt trong khối gỗ đó. Dựa trên cơ sở này, một Tỳ kheo có được thần thông, người đó đã đạt tới sự làm-chủ cái tâm có thể chú-tụ vào nó là đất. (2)–(4) “Này các đạo hữu, nếu muốn

một Tỳ kheo có thần thông, là người đã đạt được sự làm-chủ cái tâm, có thể chú-tụ vào khối gỗ đó là nước … là lửa … là khí. Cái gì là cơ sở cho điều này? Bởi yếu-tố đất có mặt trong khối gỗ đó. Dựa trên cơ sở này, một Tỳ kheo có được thần thông, người đó đã đạt tới sự làm-chủ cái tâm có thể chú-tụ vào nó là nước … là lửa … là khí. (5)–(6) “Này các đạo hữu, nếu muốn một Tỳ kheo có thần thông, là người đã đạt được sự làm-chủ cái tâm, có thể chú-tụ vào khối gỗ đó là đẹp … là không hấp dẫn. Cái gì là cơ sở cho điều này? Bởi yếu tố đẹp … yếu tố không hấp dẫn có mặt trong khối gỗ đó. Dựa trên cơ sở này, một Tỳ kheo có được thần thông, người đó đã đạt tới sự làm-chủ cái tâm có thể chú-tụ vào nó là đẹp … là không hấp dẫn.”

42 (12) Ngài Nāgita 1312

• 59

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó mới tới khu làng Icchānaṅgala của những bà-la-môn người Kosala. Ở đó đức Thế Tôn trú trong khu rừng rậm ở vùng Icchānaṅgala. Các gia chủ bà-la-môn ở làng Icchānaṅgala nghe tin: [“Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-Ca, vừa mới đến làng Icchānaṅgala, và giờ đang trú ở khu rừng rậm ở Ic- chānaṅgala. Giờ tin đồn tốt về Thầy Cồ-đàm đã lan truyền như vầy: ‘Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh, chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.”] Giờ sẽ tốt lành để đi gặp những vị A-la-hán đó.” Rồi, khi đêm đã qua, những gia chủ bà-la-môn của làng Icchānaṅgala mang nhiều thứ thức-ăn khác nhau và đi đến khu rừng rậm vùng Ic- chānaṅgala. Họ đứng ở bên ngoài cửa rừng và gây ra những tiếng ồn ào huyên náo. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Nāgita là người hầu cận của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn mới nói với thầy Nāgita: “Này Nāgita, ai đang làm những tiếng ồn ào huyên náo vậy? Ai nghe cứ tưởng như một đám ngư dân đang hò hét lúc vây bắt một đàn cá.” “Thưa Thế Tôn, đó là những gia chủ bà-la-môn ở làng Icchānaṅgala, họ mang đến nhiều thứ thức-ăn khác nhau. Họ đang đứng ngoài cửa rừng [và muốn cúng dường chúng] cho Thế Tôn và Tăng đoàn các Tỳ kheo.” “Này Nāgita, cầu cho ta đừng bao giờ nổi tiếng. Cầu cho danh tiếng



đừng đến với ta. Có những người không thể có được niềm chân phúc của sự từ-bỏ, niềm chân phúc của sự tách-ly (ẩn dật), niềm chân phúc của sự bình-an, niềm chân

phúc của sự giác-ngộ khi họ muốn có; ta thì dễ dàng có được, không khó khăn hay rắc rối gì. Hãy để họ thụ hưởng khoái lạc thấp hèn, khoái lạc lười nhác, khoái lạc của 'lợi, vinh, danh'." "Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn đồng ý! Mong bậc Phúc Lành đồng ý! Giờ là lúc đức Thế Tôn hãy đồng ý. Vì dù đức Thế Tôn có đi đâu, những bà-la-môn và gia chủ ở thành thị hay vùng quê cũng sẽ đi theo. Giống như khi trời mưa lớn và nước đều chảy dồn xuống dốc. Tương tự vậy, dù đức Thế Tôn đi đâu, những bà-la-môn và gia chủ ở thành thị hay vùng quê cũng sẽ đi theo. Vì lý do gì? Vì đức-hạnh và trí-tuệ của đức Thế Tôn." "Này Nāgita, cầu cho ta đừng bao giờ nổi tiếng. Cầu cho danh tiếng đừng đến với ta. Có những người không thể có được niềm chân phúc của sự từ-bỏ … Hãy để họ thụ hưởng khoái lạc thấp hèn, khoái lạc lười nhác, khoái lạc của 'lợi, vinh, danh'. (1) "Ở đây, này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống gần rìa một khu làng đang ngồi trong trạng thái định-tâm. Rồi ý này xảy đến với ta: 'Giờ một người giúp việc hay một sa-di hay một người đồng-đạo sẽ làm vị ấy rớt khỏi sự định-tâm.'1313 Vì lý do này, ta không hài lòng với sự trú-ở của Tỳ kheo đó gần rìa một khu làng. (2) "Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống tu trong rừng đang ngồi trong rừng và đang ngủ gật. Rồi ý này xảy đến với ta: 'Giờ vị này sẽ xua tan sự buồn ngủ và chú tâm duy nhất vào nhận-thức về khu rừng, [một trạng thái của] sự duy-nhất.'1314 Vì lý do này, ta hài lòng với sự trú-ở của Tỳ kheo đó trong rừng. (3) "Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống tu trong rừng đang ngồi trong rừng trong trạng thái không định-tâm. Ý này xảy đến với ta: 'Giờ vị này sẽ tập trung [định] cái tâm chưa đạt định của mình hoặc phòng hộ cái tâm chưa đạt định của mình.' Vì lý do này, ta hài lòng với sự trú-ở



của Tỳ kheo đó trong rừng. (4) "Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống tu trong rừng đang ngồi trong rừng trong trạng thái định-tâm. Ý này xảy đến với ta: 'Giờ vị này sẽ giải thoát cái tâm chưa được giải thoát của mình hoặc phòng hộ cái tâm chưa được giải thoát của mình.' Vì lý do này, ta hài lòng với sự trú-ở của Tỳ kheo đó trong rừng. (5) "Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống ở gần rìa một khu làng, là người nhận được (từ thí chủ) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc- thang với chu cấp cho người bệnh. Do ham muốn sự 'lợi, vinh, danh' nên người đó lơ là sự sống tách-ly (ẩn dật); người đó lơ là sự sống ở những nơi-ở xa lánh trong rừng núi. Sau khi vô những khu làng, những thị trấn, và những kinh thành, người đó chọn chỗ cư-trú trong đó luôn. Vì lý do này, ta không hài lòng với sự trú-ở của Tỳ kheo đó gần rìa một khu làng. (6) "Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống tu trong rừng, là người nhận được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Sau khi đã xua tan mọi sự 'lợi, vinh, danh', người đó không lơ là sự sống tách-ly; người đó không lơ là sự sống ở những nơi-ở xa lánh trong rừng núi. Vì lý do này, ta hài lòng với sự trú-ở của Tỳ kheo đó trong rừng. "Này Nāgita, khi ta đang đi du hành trên đường lộ và không nhìn thấy có ai trước mặt hay sau lưng mình, ngay cả những người đang đi đại tiện hay tiểu tiện, thì trong thời đó ta thấy an nhiên."1315



NHÓM 5. DHAMMIKA

43 (1) Nāga Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn nói với Ngài Ānanda: “Này Ānanda, chúng ta hãy đến chỗ Lâu Đài của Migāramātā [mẹ của Migāra] trong Khu Vườn Phía Đông để an trú qua ngày.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Rồi đức Thế Tôn, cùng với thầy Ānanda, đi đến chỗ Lâu Đài của Migāramātā trong Khu Vườn Phía Đông. Rồi vào buổi cuối chiều đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và nói với thầy Ānanda: “Này, Ānanda, chúng ta hãy đến chỗ gần cổng phía đông để tắm.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Rồi đức Thế Tôn, cùng với thầy Ānanda, đi đến chỗ cổng phía đông để tắm. Sau khi tắm xong ở chỗ gần cổng phía đông và đi ra, đức Thế Tôn vẫn mặc đồ và đứng lau khô mình (thân, đầu tóc, chân, tay). Trong lúc đó, có con voi đực của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la), nó tên là “Seta” (Bạch tượng), đang đi ra cổng phía đông cùng với dàn hợp âm gồm nhạc và trống. Người ta nhìn thấy voi và nói: “Voi đực của nhà vua thật đẹp! Voi đực của nhà vua thật đẹp dáng! Voi đực của nhà vua thật to lớn! Đó là một nāga, thực sự là một nāga.”1316 Khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, chỉ vì người ta nhìn thấy một con voi có thân hình to lớn thì họ nói đó là: ‘Một nāga, thực sự là một nāga!’ hay người ta cũng nói như vậy khi nhìn thấy những thứ [khác] có thân to lớn khổng lồ?”

• 63

“(1) Này Udāyī, khi người ta nhìn thấy một con voi có thân hình to lớn thì họ nói đó là: ‘Một nāga, thực sự là một nāga!’ (2) Khi người ta nhìn thấy một con ngựa … (3) … một con bò … (4) … một con rắn … (5) … một cây to … (6) … một con người có thân hình to lớn thì họ nói đó là: ‘Một nāga, thực sự là một nāga!’. Nhưng, này Udāyī, trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta gọi một người là nāga (người to lớn) là người không làm gì ác bằng thân, lời- nói, và tâm.”1317 “Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thế Tôn, về cách mà điều này đã được nói ra bởi đức Thế Tôn rằng: ‘Nhưng, này Udāyī, trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta gọi một người là nāga (người to lớn) là người không làm gì ác bằng thân, lời-nói, và tâm.’ Thưa Thế Tôn, con xin góp vui với lời dạy tốt lành này của Thế Tôn bằng mấy dòng kệ sau đây:1318 “Một con người là bậc đã giác-ngộ toàn thiện, Thuần hóa bản thân, và đạt định, Đang bước đi theo đạo của trời brahmā, Người đó vui thích sự bình-an của tâm. “Tôi đã nghe từ bậc A-la-hán đó rằng: Ngay cả những thiên thần cũng kính lễ bậc ấy, Loài người cũng tôn kính bậc ấy, Đó là bậc đã vượt trên tất cả. “Bậc ấy đã vượt thoát khỏi mọi gông-cùm, Đã ra khỏi rừng rậm đến được chỗ quang-đãng;1319 Vui thích sự từ-bỏ những khoái-lạc giác quan, Bậc ấy như vàng tinh được thoát hết quặng thô. “Bậc ấy là một nāga, bậc chiếu sáng hơn tất cả, Như dãy núi Himalaya giữa những núi non khác.

Giữa tất tất cả mọi thứ, bậc ấy được gọi là nāga,
Đó là bậc vô-thượng,mới thực sự xứng danh như vậy.1320
“Tôi sẽ tuyên dương vì ngài, thưa ‘nāga’:
Đúng thực, bậc ấy không làm điều xấu-ác.
Sự hiền-từ và sự vô-hại,
Là hai chân của một nāga.
“Sự sống thanh-bần và độc-thân,
Là hai chân còn lại của nāga.1321
Niềm-tin là thân người to lớn của nāga,
Và sự buông-xả là hai ngà của nāga.
“Chánh-niệm là cổ của bậc ấy; đầu bậc ấy là trí-tuệ,
Sự điều-tra và sự quán-chiếu về những hiện-tượng.1322
Giáo Pháp là nhiệt độ cân bằng ở bụng nāga,
Và sự sống tách-ly (ẩn dật) là đuôi nāga.1323
“Bậc thiền giả này vui thích sự yên-ủi,1324
Đã giỏi đạt-định ở bên trong.
Khi đi, nāga đạt-định;
Khi đứng, nāga đạt-định.
“Khi nằm, nāga đạt-định;
Khi ngồi nāga cũng đạt-định.
Ở mọi nơi nāga đều trì giới:
Đây là sự thành tựu của nāga.
“Bậc ấy ăn thức ăn không bị chê trách (phi tội lỗi),
Chứ không ăn những thứ đáng bị chê trách.
Khi bậc ấy nhận được thức-ăn và y-phục,
Bậc ấy không cất trữ chúng.
“Sau khi đã cắt bỏ mọi sự gông-cùm và sự trói-buộc,
Từ loại thô tế tới loại vi tế:
Thì dù có đi phương nào,
Bậc ấy cũng đi không sự lo-lắng.
• 65

“Như bông sen được sinh ra,
Và lớn lên trong nước bùn,
Nhưng không bị nhiễm bùn nhơ,
Vẫn tươi đẹp và tỏa hương thơm ngát.
“Cũng vậy, Đức Phật được thiện sinh trong thế gian,
Sống trú trong thế gian,1325
Nhưng không bị dính dơ bởi thế gian,

Như bông sen [không bị nhiễm dơ] bởi nước bùn.
“Ngọn lửa lớn cháy rực,
Sẽ tắt đi khi hết nhiên liệu,
Và khi tất cả than cháy cũng không còn,
Đó được gọi là sự tắt-ngấm.1326
“Ví dụ này, chuyển tải ý nghĩa,
Đã được dạy bởi bậc trí hiền.
Những nāga lớn sẽ biết nāga (này)
Đã được dạy bởi bậc nāga.1327
“Hết tham, hết sân,
Hết si, hết những ô-nhiễm (lậu tận),
Bậc nāga, sau khi đã bỏ thân này,
Vô-nhiễm, đã hoàn toàn tắt ngấm (hết dục)
Và đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn).”1328

44 (2) Cô Migasālā Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, tới đó thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn cho mình. Rồi nữ đệ tử tại gia Migasālā đã ra gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa thầy Ānanda, lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc-thân và người không sống độc-thân đều có



cùng nơi-đến trong kiếp sau? Cha của con là Purāṇa sống độc-thân, sống tách-ly (ẩn dật), kiêng cữ tính dục, kiêng cữ những thói tật cá nhân phàm tục. Khi cha chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: ‘Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai1329 và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita).’ Chú của con1330 là Isidatta không sống độc-thân mà sống một đời sống hôn nhân mãn nguyện. Khi chú chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: ‘Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita).’ Thưa thầy Ānanda, vậy lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc-thân và người không sống độc-thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau?” “Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.”1331 Rồi, sau khi thầy Ānanda đã nhận thức-ăn cúng dường từ nhà Migasālā, thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Sau khi trở về sau một vòng đi khất thực đó, sau khi ăn trưa, thầy Ānanda đã đến gặp Đức Thế Tôn, thầy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng, con mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà của nữ đệ tử tại gia Migasālā … [thầy ấy kể lại toàn bộ chuyện như trên, cho tới:] … Khi cô ấy hỏi con điều này, con đã trả lời: ‘Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.’” [Đức Thế Tôn nói:] “Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ dốt, không giỏi, với trí hiểu biết của một phụ nữ, như vậy?1332 Và ai là những người có sự-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn?1333 “Này Ānanda, có sáu loại người được thấy có trong thế gian.

Sáu đó là gì? (1) “Ở đây, này Ānanda, có một người là hiền từ, là một người đồng hành dễ mến, những Tỳ kheo đồng đạo đều vui vẻ sống với người đó. Nhưng người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [về chúng], và không thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó không đạt tới sự giải-thoát tạm thời nào.1334 Khi thân tan rã, sau khi chết, người

• 67

đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt cao hơn nào; người đó là người đi tới chỗ suy-đồi, không đi tới chỗ khác-biệt cao hơn nào. (2) “Rồi nữa, này Ānanda, có một người là hiền từ, là một người đồng hành dễ mến, những Tỳ kheo đồng đạo đều vui vẻ sống với người đó. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [về chúng], và thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới khác-biệt cao hơn, không hướng tới sự suy-đồi; người đó là người đi tới chỗ khác-biệt cao hơn, không đi tới chỗ suy-đồi. + “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ: ‘Người này có cùng phẩm chất như người kia. Tại sao người này là kém hơn và người kia là ưu hơn?’ Sự phán xét đó của họ1335 sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi. “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người (2) [là hiền từ … và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời’] là vượt trên và siêu xuất hơn người (1) kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi.1336 Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)? “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta. Đừng phán xét này nọ về người ta. Những ai phán xét về người ta là tự làm hại chính mình. Chỉ ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta.- (3) “Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và nhiều lúc có những trạng thái tham1337 khởi sinh trong người đó. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [về chúng], và không thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó không đạt tới sự giải-thoát tạm thời nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt cao hơn nào; người đó là người đi tới chỗ suy-đồi, không đi tới chỗ khác-biệt cao hơn nào. (4) “Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận

68 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

(sân) và tự-ta (ngã mạn), và nhiều lúc có những trạng thái tham khởi sinh trong người đó. Nhưng người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [về chúng], và thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới khác- biệt cao hơn, không hướng tới sự suy-đồi; người đó là người đi tới chỗ khác-biệt cao hơn, không đi tới chỗ suy-đồi. + “Này Ānanda, những ai hay phán xét người ta sẽ phán xét về họ … Chỉ ta, hay bậc giống ta, có thể phán xét về người ta.-1338 (5) “Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và có nhiều lúc người đó tham gia vào những cuộc lời qua tiếng lại.1339 Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [về chúng], và không thâm nhập [chúng] bằng chánh- kiến, và người đó không đạt tới sự giải-thoát tạm thời nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi,

không hướng tới sự khác-biệt cao hơn nào; người đó là người đi tới chỗ suy-đồi, không đi tới chỗ khác- biệt cao hơn nào. (6) “Rồi nữa, này Ānanda, trong một người thấy có tính tức-giận (sân) và tự-ta (ngã mạn), và có nhiều lúc người đó tham gia vào những cuộc lời qua tiếng lại. Nhưng người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [về chúng], và thâm nhập [chúng] bằng chánh-kiến, và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới khác-biệt cao hơn, không hướng tới sự suy-đồi; người đó là người đi tới chỗ khác-biệt cao hơn, không đi tới chỗ suy-đồi. + “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ: ‘Người này có cùng phẩm chất như người kia. Tại sao người này là kém hơn và người kia là ưu hơn?’ Sự phán xét đó của họ sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi. “Này Ānanda, giữa hai người đó thì người (6) [trong người đó thấy có tính tức-giận (sân) … và người đó đạt tới sự giải-thoát tạm thời] thì vượt trên và siêu xuất hơn người (5) kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo

• 69

Pháp mang người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)? “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta. Đừng phán xét này nọ về người ta. Những ai phán xét về người ta là tự làm hại chính mình. Chỉ ta, hay bậc giống ta, có thể phán xét về người ta.- “Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ dốt, không giỏi, với sự hiểu biết của một phụ nữ, như vậy? Và ai là những người có sự-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn? “Đây là sáu loại người được thấy có trong thế gian. “Này Ānanda, cho dù Isidatta có được cùng loại giới-hạnh mà Purāṇa đã có, thì ngay cả Purāṇa lúc đó còn không thể biết về nơi-đến (tái sinh) của mình. Và cho dù Purāṇa có được cùng loại trí-tuệ mà Isidatta đã có, thì ngay cả Isidatta lúc đó còn không thể biết về nơi-đến của mình. Này Ānanda, theo cách này thì hai người này mỗi người đều kém hơn (người kia) một phương diện.”1340 (tức Purāṇa kém hơn Isidatta về trí-tuệ, Isidat- ta kém hơn Purāṇa về giới-hạnh)

45 (3) Nợ (1) “Này các Tỳ kheo, có phải nghèo là cái khổ trong thế gian đối với người thích thụ hưởng dục-lạc (khoái-lạc giác quan)?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” (2) “Nếu một người nghèo, nghèo khó, bần cùng bị mắc nợ, có phải nợ cũng là cái khổ trong thế gian đối với người thích hưởng dục-lạc? “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” (3) “Nếu một người nghèo, nghèo khó, bần cùng đã bị mắc nợ, hứa trả tiền lời, có phải tiền lời cũng là cái khổ trong thế gian đối với người thích hưởng dục-lạc?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn”

70 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

(4) “Nếu một người nghèo, nghèo khó, bần cùng đã hứa trả tiền lời nhưng không thể trả tiền lời, họ (chủ nợ) chửi bới người đó. Có phải sự bị chửi bới cũng là cái khổ trong thế gian đối với người thích hưởng dục- lạc?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn” (5) “Nếu một người nghèo, nghèo khó, bần cùng bị chửi bới mà không trả tiền, họ sẽ tố giác người đó. Có phải sự bị tố giác cũng là cái khổ trong thế gian đối với người thích hưởng dục-lạc?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn” (6) “Nếu một người nghèo, nghèo khó, bần cùng bị tố giác mà không trả tiền, họ sẽ bỏ tù người đó. Có phải sự bị nhốt tù cũng là cái khổ trong thế

gian đối với người thích hưởng dục-lạc?" "Dạ đúng, thưa Thế Tôn" "Vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với người thích hưởng dục-lạc, thì sự nghèo là cái khổ trong thế gian; sự mắc nợ là cái khổ trong thế gian; sự phải trả tiền lời là cái khổ trong thế gian; sự bị chửi trách là cái khổ trong thế gian; sự bị tố giác là cái khổ trong thế gian; và sự bị nhốt tù là cái khổ trong thế gian. (1) "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một người không có niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, khi một người không có sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức để có [tu dưỡng] những phẩm chất thiện, khi một người không có sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, khi một người không có sự nỗ-lực (tinh tấn) để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, khi một người không có trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì theo Giới Luật của Thánh Nhân người đó được gọi là một kẻ nghèo nàn, nghèo khó, bần cùng. (2) "Do đã không có niềm-tin, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, không biết sợ-hãi về mặt đạo đức, không nỗ-lực, không trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, nên người nghèo nàn, nghèo khó, bần

• 71

cùng đó dính vào những hành-vi sai trái cua thân, lời-nói, và tâm (ba ác hành). Ta gọi đây là "sự mắc nợ" của người đó. (3) "Để che giấu hành-vi thân sai trái của mình, người đó dung dưỡng ý muốn xấu ác. Người đó ước: 'Cầu cho không có ai biết 'tẩy' của ta.'; người đó cố ý [với ý đồ]: 'Cầu cho không có ai biết 'tẩy' của ta.'; người đó nói những câu nói [với ý đồ]: 'Cầu cho không có ai biết 'tẩy' của ta.'; người đó cố làm những hành động [với ý đồ]: 'Cầu cho không có ai biết 'tẩy' của ta.' "Để che giấu hành-vi lời-nói sai trái của mình … Để che giấu hành- vi tâm sai trái của mình, người đó dung dưỡng ý muốn xấu ác. Người đó ước: 'Cầu cho không có ai biết 'tẩy' của ta.'; người đó cố ý [với ý đồ]: 'Cầu cho không có ai biết 'tẩy' của ta.'; người đó nói những câu nói [với ý đồ]: 'Cầu cho không có ai biết 'tẩy' của ta'; người đó cố làm những hành động [với ý đồ]: 'Cầu cho không có ai biết 'tẩy' của ta.' Ta gọi đây là "tiền lời phải trả" của người đó. (4) "Những Tỳ kheo hành-vi tốt thiện (thiện hành) nói (chê, trách) người đó: 'Ông thầy này hành vi kiểu vậy, hành xử kiểu vậy.' Ta gọi đây là "sự bị chửi" của người đó. (5) "Rồi sau khi người đó đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, những ý-nghĩ bất thiện xấu ác đi kèm sự hối-tiếc sẽ tấn công (hành hung) người đó. Ta gọi đây là "sự bị tố giác" của người đó. (6) "Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người nghèo nàn, nghèo khó, bần cùng đó, là người đã dính vào những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm, sẽ bị dính trong sự tù đày của địa-ngục hay trong sự tù đày của cõi súc-sinh. Này các Tỳ kheo, ta không thấy sự tù đày nào khác khủng kiếp và khắc nghiệt [và] sự trở-ngại nào khác cản trở sự đạt tới 'sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc' hơn là sự tù đày của địa-ngục hay sự tù đày của cõi súc-sinh."

Sự nghèo được gọi là cái khổ trong đời, Sự mắc nợ cũng là như vậy.

72 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

Một người nghèo thì thành bị nợ nần,
Bị rắc rối trong khi lo thụ hưởng bản thân.

Khi người ta xử tội người đó,
Và người đó cũng bị tù đày.
Sự tù đày thực sự là nỗi khổ
Đối với người mong muốn lợi lộc và dục lạc.
Cũng vậy, theo giới luật của Thánh Nhân,
Người bên trong mình thiếu niềm-tin
Là người không biết xấu-hổ và bất chấp,
Sẽ tích đầy cả đống nghiệp xấu ác.
Sau khi đã dính vào hành-vi sai trái
Bởi thân, lời-nói, và tâm,
Người đó tạo nên mong muốn:
“Cầu không có ai biết được ‘tẩy’ của ta.”
Người đó vặn vẹo bằng thân,
[Vặn vẹo] bừng lời-nói hay bằng tâm;
Người đó chồng chất những việc làm xấu ác,
Lặp đi lặp lại, theo cách này hay cách khác.
Kẻ ngu làm điều ác này, biết rõ
Những việc làm xấu ác của mình, như một người nghèo nàn,
Người rớt vào nợ nần,
Bị rắc rối trong khi lo thụ hưởng bản thân.
Rồi những ý-nghĩ của người đó sẽ xử tội người đó;
Những trạng thái tâm khổ đau được inh ra từ sự hối-hận
[Theo sát người đó dù người đó có đi đâu]
Dù vô làng hay vô rừng.
Kẻ ngu làm điều ác này,
Biết rõ những việc làm xấu ác của mình,
Sẽ đi tới một cõi [suc sinh]
• 73

Hoặc thậm chí hướng tới địa ngục.
Đây thực sự là nỗi khổ của sự trói-buộc1341
Từ đó một người có trí được thoát khỏi nó,
Sự bố thí bằng của cải mình làm ra một cách chân chính,
Ổn định tâm mình trong sự tự-tin.
Người tại gia được phú cho niềm-tin
Đã tạo được vận may cho cả hai trường hợp:
Cho phúc lợi của mình trong kiếp này
Và cho sự hạnh phúc trong những kiếp sau.
Như vậy điều này dành cho những người sống tại gia
Công-đức này gia tăng thông qua sự rộng lòng bố-thí.1342

Cũng vậy, theo giới luật của Thánh Nhân,
Người có niềm-tin là vững chắc,
Là người được phú sự biết xấu-hổ, biết sợ hãi điều sai trái,
Có trí và được kiềm chế bởi giới-hạnh,
Thì được cho là sống một cách hạnh phúc
Theo giới luật của Thánh Nhân.
Sau khi đã đạt được sự hạnh phúc về tâm linh,
Rồi người đó ngã về sự buông-xả.
Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại,
Luôn phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn),
Người đó chứng nhập trong những tầng thiền định,
Được hợp-nhất, tỉnh-giác, và có chánh-niệm.
Sau khi đã biết mọi sự đúng như chúng thực là,
Thông qua hoàn toàn không còn dính-chấp (thủ diệt),
Tâm được giải-thoát một cách đúng đắn
Bằng sự đã phá bỏ tất cả những gông-cùm (kiết sử diệt)
Với sự đã phá bỏ những gông-cùm của sự hiện-hữu,
Đối với bậc vững-chãi, đã chân chánh giải-thoát,


Thì sự-biết này xảy ra:
“Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển.”
Đây là trí-biết tối thượng;
Đây là sự hạnh-phúc tối thượng.
Hết ưu sầu, hết bụi bẩn, và được an-toàn,
Đây là ‘sự hết khỏi nợ-nần’ cap nhất.
46 (4) Ngài Cunda Tôi nghe như vầy. Trong một lần có Ngài Đại Cunda (Mahācunda) đang sống giữa xứ người Ceti ở Sahajāti. Ở đó thầy ấy đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Cunda nói điều này: (1) “Ở đây, này các đạo hữu, những Tỳ kheo là những người chuyên về Giáo Pháp1343 chê bai những Tỳ kheo là người tu thiền như vầy: ‘Họ cứ thiền ngẫm và suy ngẫm, [còn nói rằng]: “Chúng tôi là những thiền giả, chúng tôi là những thiền giả!”1344 Tại sao họ lại thiền? Họ thiền theo đường lối nào? Họ thiền theo cách nào?’ Trong trường hợp [1] này, những Tỳ kheo chuyên Giáo Pháp không hài lòng, và những Tỳ kheo chuyên tu thiền cũng không hài lòng, và cả hai họ đang không thực hành vì ích lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người. (2) “Nhưng những Tỳ kheo tu thiền thì chê bai những Tỳ kheo chuyên Giáo Pháp như vầy: ‘Họ bất an, kiêu căng, vô tích sự, nói nhiều, nói dong dài, có tâm rối-mờ (thiếu chánh-niệm), thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh-giác), không đạt định, với những cái tâm lan man trôi giạt, với các căn cảm-nhận (giác quan) lơi lỏng, [còn nói rằng]: “Chúng tôi là những người chuyên Giáo

Pháp, chúng tôi là những người chuyên Giáo Pháp!”

• 75

Tại sao họ lại là những người chuyên về Giáo Pháp? Họ chuyên về Giáo Pháp theo đường lối nào? Họ chuyên về Giáo Pháp theo cách nào?’ Trong trường hợp [2] này, những người tu thiền không hài lòng, và những người chuyên Giáo Pháp cũng không hài lòng, và cả hai họ đang không thực hành vì ích lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người. (3) “Này các đạo hữu, những Tỳ kheo là những người chuyên Giáo Pháp chỉ khen ngợi những Tỳ kheo cũng chuyên về Giáo Pháp, không khen những người tu thiền. Trong trường hợp [3] này, những Tỳ kheo chuyên Giáo Pháp không hài lòng, và những Tỳ kheo chuyên tu thiền cũng không hài lòng, và cả hai họ đang không thực hành vì ích lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người. (4) “Nhưng những Tỳ kheo là những người tu thiền chỉ khen ngợi những Tỳ kheo là những người cũng tu thiền, không khen những người chuyên Giáo Pháp. Trong trường hợp [4] này, những người tu thiền là không hài lòng, và những người chuyên những người tu thiền không hài lòng, và những người chuyên Giáo Pháp cũng không hài lòng, và cả hai họ đang không thực hành vì ích lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người. (5) “Do vậy, này các đạo hữu, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Những ai trong chúng ta là những người chuyên Giáo Pháp sẽ khen ngợi những Tỳ kheo tu thiền.’ Các thầy nên luyện tập mình như vậy. Vì lý do gì? Này các đạo hữu, bởi vì những người đó là tuyệt vời và hiếm có trong thế gian, đó là những người sống sau khi đã bằng thân mình chạm vào yếu tố bất-tử.1345 (6) “Do vậy, này các đạo hữu, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Những ai trong chúng ta là những người tu thiền sẽ khen ngợi những người chuyên Giáo Pháp.’ Các thầy nên luyện tập mình như vậy. Vì lý do



gì? Này các đạo hữu, bởi vì những người đó là tuyệt vời và hiếm có trong thế gian, đó là những người nhìn thấy được một thứ (pháp, vấn đề, chất liệu) thâm sâu và giản minh (gọn và rõ rệt, cô đọng và rõ ràng) sau khi đã thâm nhập nó bằng trí-tuệ.”1346

47 (5) Trực Tiếp Nhìn Thấy Được (1) Lúc đó có du sĩ tên Moliyasīvaka đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn.1347 Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thưa Ngài, thường nghe nói: ‘Có thể trực tiếp nhìn thấy được, có thể trực tiếp nhìn thấy được.’ Thưa Ngài, theo cách nào Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí’?”1348 “Vậy thì, này Sīvaka, giờ đến lượt ta hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được. Này Sīvaka, ông nghĩ sao? (1) Khi có tham bên trong mình ông có biết: ‘Có tham bên trong mình’ và khi không có tham bên trong mình ông có biết: ‘Không có tham bên trong mình’, hay không?” “Có biết, thưa Ngài.” “Như vậy đó, này Sīvaka, khi có tham trong mình, ông

biết ‘Có tham bên trong mình’, và khi không có tham trong mình, ông biết ‘Không có tham bên trong mình’: theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí. “Này Sīvaka, ông nghĩ sao? (2) Khi có sân bên trong mình … (3) … Khi có si bên trong mình … (4) … Khi có một trạng thái kết nối với tham bên trong mình …1349 (5) … Khi có một trạng thái kết nối với sân bên trong mình … (6) … Khi có một trạng thái kết nối với si bên trong mình, ông có biết: ‘Có một trạng thái kết nối với si bên trong mình’, và khi



không có một trạng thái kết nối với si bên trong mình, ông có biết: ‘Không có một trạng thái kết nối với si bên trong mình’, hay không?” “Có biết, thưa Ngài.” “Như vậy đó, này Sīvaka, khi có một trạng thái kết nối với si bên trong mình, ông có biết ‘Có một trạng thái kết nối với si bên trong mình’, và khi không có một trạng thái kết nối với si bên trong mình, ông có biết ‘Không có một trạng thái kết nối với si bên trong mình’: theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.” “Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! … [tiếp tục như đoạn cuối kinh 6:38 ở trên] … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

48 (6) Trực Tiếp Nhìn Thấy Được (2) Lúc đó có một bà-la-môn đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: ‘Có thể trực tiếp nhìn thấy được, có thể trực tiếp nhìn thấy được.’ Thầy Cồ-đàm, theo cách nào Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí’?” “Vậy thì, này bà-la-môn, giờ đến lượt ta hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được. Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? (1) Khi có tham bên trong mình ông có biết: ‘Có tham bên trong mình’ và khi không có tham bên trong mình ông có biết: ‘Không có tham bên trong mình’, hay không?” “Có biết, thưa Ngài.” “Như vậy đó, này bà-la-môn, khi có tham trong mình, ông biết ‘Có



tham bên trong mình’, và khi không có tham trong mình, ông biết ‘Không có tham bên trong mình’: theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí. “Này bà-la-môn, ông nghĩ sao? (2) Khi có sân bên trong mình … (3) … Khi có si bên trong mình … (4) … Khi có tội lỗi thuộc thân bên trong mình1350 … (5) … Khi có tội lỗi thuộc lời-nói bên trong mình … (6) … Khi có tội lỗi thuộc tâm bên trong mình ông có biết: ‘Có tội lỗi thuộc tâm bên trong mình’, và khi không có tội lỗi về tâm bên trong mình ông có biết: ‘Không có tội lỗi thuộc tâm bên trong mình’, hay không?” “Có biết, thưa thầy.” “Như vậy đó, này bà-la-môn, khi có tội lỗi thuộc tâm bên trong mình, ông có biết ‘Có tội lỗi thuộc tâm bên trong mình’, và khi không có tội lỗi thuộc

tâm bên trong mình, ông có biết ‘Không có lỗi thuộc tâm bên trong mình’: theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.” “Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! … [tiếp tục như đoạn cuối kinh 6:38 ở trên] … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

49 (7) Ngài Khema (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Khe- ma và Ngài Sumana cũng đang ở Sāvatthī, trong Khu Vườn Của Người Mù. Lúc đó họ đến gặp đức Thế Tôn, và kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi thầy Khema mới thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã diệt sạch ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm,

• 79

đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc sự) hiện-hữu, người đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng, thì điều này: (1) ‘Có người siêu hơn ta’, hay (2) ‘Có người bằng ta’, hay (3) ‘Có người kém ta’ không còn xảy ra với người đó.” Đây là điều thầy Khema đã nói. Vị Thầy đồng ý. Rồi thầy Khema, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý với mình’ nên đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra. Rồi, ngay sau khi thầy Khema đi khỏi, thầy Sumana đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã diệt sạch ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu, đã phá sạch những gông-cùm hiện-hữu, người đã hoàn toàn giải thoát thông qua trí-biết cuối cùng, thì điều này: (4) ‘Không có người siêu hơn ta’, hay (2) ‘Không có người bằng ta’, hay (3) ‘Không có người kém ta’ không còn xảy ra với người đó.” Đây là điều thầy Sumana đã nói. Vị Thầy đồng ý. Rồi thầy Sumana, do nghĩ ‘Vị Thầy đồng ý với mình’ nên đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và ra về.1351 Rồi, ngay sau khi cả hai vị Tỳ kheo đó đi khỏi, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy những người họ tộc tuyên bố trí-biết cuối cùng (của mình). Họ tuyên bố ý nghĩa nhưng không mang bản ngã của mình vào trong bức tranh.1352 Nhưng hình như có một số người ngu ở đây lại tuyên bố trí-biết cuối cùng của mình như một trò đùa. Họ sẽ gặp phải sự phiền khổ.” Họ không [xếp hạng mình] là ưu hay kém, Họ cũng không xếp hạng mình là ngang bằng.1353 Sự sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống; Họ tiếp tục như vậy, hết bị những gông-cùm.

80 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

50 (8) Các Căn Cảm Nhận 1354 (I) “Này các Tỳ kheo, (1) khi không có sự kiềm-chế các căn cảm- nhận (các giác quan), đối với người thiếu sự kiềm-chế các căn cảm-nhận, là (2) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh. Khi không có giới- hạnh, người thiếu hụt về giới-hạnh là (3) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự chánh-định. Khi không có chánh-định, người thiếu chánh-định là (4) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết

và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là. Khi không có sự-biết và sự-thấy, người thiếu sự-biết và sự-thấy như vậy là (5) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ [sự không còn mê-thích] và sự chán-bỏ. Khi không có sự tỉnh-ngộ và sự chán- bỏ, người thiếu sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là (6) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) của sự giải-thoát. “Ví dụ có một cây mà thiếu hụt cành và lá, thì chồi, vỏ, phần gỗ mềm và gỗ lõi của nó sẽ không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) khi không có sự kiềm-chế các căn cảm-nhận, đối với người thiếu sự kiềm-chế các căn cảm-nhận, là (2) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh … là (3) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự chánh-định … là (4) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là … là (5) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ … là (6) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy của sự giải-thoát. (II) “Này các Tỳ kheo, (1) khi có sự kiềm-chế các căn cảm-nhận, đối với người có sự kiềm-chế các căn cảm-nhận, là (2) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh. Khi có giới-hạnh, đối với người có đủ giới-hạnh là (3) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự chánh-định. Khi có sự chánh-định, người có được sự chánh-định là (4) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là. Khi có sự-biết và sự-thấy, người có được sự-biết và sự-thấy như vậy là (5) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ [sự không còn mê-thích] và sự chán-bỏ. Khi có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, người có được sự tỉnh-ngộ



và sự chán-bỏ là (6) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự- thấy của sự giải-thoát. “Ví dụ có một cây có đủ cành và lá, thì chồi, vỏ, phần gỗ mềm và gỗ lõi của nó sẽ phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) khi có sự kiềm- chế các căn cảm-nhận, đối với người có sự kiềm-chế các căn cảm-nhận, là (2) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh … là (3) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự chánh-định … là (4) có được nguyên- nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là … là (5) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ … là (6) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy của sự giải-thoát.”

51 (9) Ngài Ānanda Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp Ngài Xá-lợi-phất và chào hỏi qua lại với nhau. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào một Tỳ kheo (a) nghe được một giáo lý người đó chưa nghe trước đó, (b) không quên những giáo lý người đó đã nghe trước đó, (c) mang đến tâm những giáo lý mà người đó đã quen thuộc,1355 và (d) hiểu được điều người đó chưa hiểu trước đó?” “Thầy Ānanda học hiểu nhiều. Vậy xin mời thầy hãy tự mình làm rõ vấn đề này luôn. “Vậy, đạo hữu Xá-lợi-phất, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói.” “Được, này đạo hữu”, thầy Xá-lợi-phất đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này: “Ở đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, (1) một Tỳ kheo học Giáo Pháp theo những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh

trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. (2) Người đó chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như mình đã nghe nó và học nó. (3) Người đó làm cho người khác lặp lại Giáo Pháp một cách chi tiết như họ đã nghe nó và học nó. (4) Người đó tụng đọc lại Giáo Pháp một cách chi tiết như mình đã nghe nó và học nó. (5) Người đó suy ngẫm, xem xét, và dùng tâm kiểm tra Giáo Pháp như mình đã nghe nó và học nó. (6) Người đó nhập kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) ở một nơi an cư có những Tỳ kheo trưởng lão sống ở đó là những người học rộng, là những người thừa tự của di sản (tức Phật Pháp), là những người thiện thạo về Giáo Pháp, những người thiện thạo về giới luật, những người thiện thạo về những toát-yếu (đại cương, mẫu đề, mat- ika; của kinh điển). Rồi lúc này lúc khác (trong kỳ an cư), người đó đến gặp họ và vấn hỏi: 'Thưa quý thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?' Rồi những vị trưởng lão đó sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ cho người đó những điều còn mập mờ, và xua tan sự nghi ngờ của người đó về những chỗ (luận điểm) còn làm nghi ngờ. Này đạo hữu Xá-lợi-phất, chính theo cách này (giúp cho) một Tỳ kheo nghe được một giáo lý người đó chưa nghe được trước đó, không quên những giáo lý người đó đã nghe được, mang tâm đến với những giáo lý đó mà người đó đã quen thuộc, và hiểu được điều người đó chưa hiểu được." "Này đạo hữu, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, là cách mà điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Ānanda. Và chúng tôi coi thầy Ānanda là người có được sáu phẩm chất này: (1) Vì thầy Ānanda đã học hiểu Giáo Pháp bằng những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. (2) Thầy Ānanda chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như mình đã nghe nó và học nó. (3) Thầy Ānanda làm cho người khác lặp lại Giáo Pháp một cách chi tiết như họ đã nghe nó và học nó. (4) Thầy Ānanda tụng đọc lại Giáo Pháp một cách chi tiết như mình đã nghe nó và học nó. (5) Thầy Ānanda suy ngẫm, xem xét, và dùng tâm kiểm tra Giáo Pháp như mình đã nghe nó và học nó. (6) Thầy Ānanda



nhập kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) ở một nơi an cư có những Tỳ kheo trưởng lão sống ở đó là những người học rộng, là những người thừa tự của di sản (tức Phật Pháp), là những người thiện thạo về Giáo Pháp, những người thiện thạo về giới luật, những người thiện thạo về những toát-yếu (của kinh điển). Rồi lúc này lúc khác (trong kỳ an cư), thầy Ānanda đến gặp họ và vấn hỏi: 'Thưa quý thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?' Rồi những vị trưởng lão đó khai mở cho thầy những điều chưa được khai mở, làm rõ cho thầy những điều còn mập mờ, và xua tan sự nghi ngờ của thầy về những chỗ (luận điểm) còn làm nghi ngờ."

52 (10) Người Giai Cấp Chiến Sĩ Lúc đó bà-la-môn Jāṇussoṇī đã đến gặp và và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: (1) "Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những người giai cấp chiến- sĩ (khattiya)? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự (hỗ trợ, bận tâm) cái gì? Họ chủ định về (nhắm tới) cái gì? Mục tiêu rốt ráo (tột bực) của họ là cái gì?"1356 "Này

bà-la-môn, những người giai cấp chiến-sĩ có mục tiêu là sự giàu-có; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng sự quyền-lực; họ chủ định về lãnh- thổ; và mục tiêu rốt ráo của họ là sự thống-trị.” (2) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những bà-la-môn? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?” “Này bà-la-môn, những bà-la-môn có mục tiêu sự giàu-có; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng sự những chú thuật Vệ-đà; họ chủ định về sự cúng- tế; và mục tiêu rốt ráo của họ là (được tái sinh lên) cõi trời brahmā (phạm thiên giới).” (3) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những gia-chủ? Họ



tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?” “Này bà-la-môn, những gia-chủ có mục tiêu là sự giàu-có; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng sự nghề-nghiệp của mình; họ chủ định về công- việc làm ăn; và mục tiêu rốt ráo của họ là hoàn thành công-việc làm ăn.” (4) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những phụ-nữ? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?” “Này bà-la-môn, những phụ-nữ có mục tiêu là sự giàu-có; họ tìm kiếm sự làm-đẹp (trang điểm); họ phụng sự (hỗ trợ) những con trai của họ; họ chủ định về sự không có đối-thủ (như thê thiếp của chồng …); và mục tiêu rốt ráo của họ là quyền-uy (như trong cung, trong nhà …).” (5) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những kẻ-trộm? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?” “Này bà-la-môn, những kẻ-trộm có mục tiêu là sự trộm-cướp; họ tìm kiếm những chỗ rậm rạp che núp; họ phụng sự nghề-nghiệp của họ;1357 họ chủ định những nơi tối tăm; và mục tiêu rốt ráo của họ là sự không bị nhìn thấy.” (6) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là mục tiêu của những sa-môn (tu sĩ)? Họ tìm kiếm cái gì? Họ phụng sự cái gì? Họ chủ định về cái gì? Mục tiêu rốt ráo của họ là cái gì?” “Này bà-la-môn, những sa-môn có mục tiêu là sự kiên-nhẫn và hiền-từ; họ tìm kiếm trí-tuệ; họ phụng giới-hạnh; họ chủ định về ‘sự không-có- gì’;1358 và mục tiêu rốt ráo của họ là Niết-bàn.” “Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ- đàm biết rõ mục-tiêu, sự tìm-kiếm, sự phụng-sự, sự chủ-định, và mục-tiêu rốt ráo của những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia- chủ, những phụ-nữ, những kẻ-trộm, và những sa-môn.



“Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! … [tiếp tục như đoạn cuối kinh 6:38 ở trên] … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

53 (11) Sự Chuyên Chú Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, có thứ (pháp) gì, nếu được tu tập và tu dưỡng, thì có thể thành tựu cả hai sự tốt lành, sự tốt lành thuộc kiếp này và sự tốt lành thuộc kiếp sau?” “Có một thứ như vậy, này bà-la-môn.” “Và đó là gì?” “Đó là sự chuyên-chú (không phóng dật, không lơ tâm, không lơ tu). (1) “Này bà-la-môn, giống như (như một nguyên lý rằng) mọi dấu chân của muôn thú đều nằm lọt trong dấu chân voi, và dấu chân voi

được tuyên bố là bậc nhất về kích cỡ trong số đó. Cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, thì có thể thành tựu cả hai sự tốt lành, sự tốt lành thuộc kiếp này và sự tốt lành thuộc kiếp sau. (2) “Giống như mọi thanh kèo của một ngôi nhà mái nhọn đều dựa vào đỉnh mái, ngã vào đỉnh mái, hội tụ về đỉnh mái, và đỉnh mái được tuyên bố là bậc nhất trong số đó. Cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ … có thể thành tựu cả hai sự tốt lành … (3) “Giống như một người cắt lau sậy, sau khi cắt một bó cây sậy, túm lấy đầu của chúng, giũ được phần gốc, giũ được hai bên, và đập được chúng. Cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ … có thể thành tựu cả hai sự tốt lành … (4) “Giống như khi cắt lấy cuống một chùm xoài, thì tất cả những trái



xoài trong chùm đều dính theo cuống đó. Cũng giống như vậy, sự chuyên- chú là một thứ … có thể thành tựu cả hai sự tốt lành … (5) “Giống như mọi hoàng tử đều là những hạ thần của một vị vua quay chuyển bánh xe, và vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương) đó là bậc nhất trong số họ. Cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ … có thể thành tựu cả hai sự tốt lành … (6) “Giống như sự chiếu sáng của tất cả những sao trên trời không bằng 1/16 sự chiếu sáng của mặt trăng, và sự chiếu sáng của mặt trăng được tuyên bố là bậc nhất trong số những tinh tú đó. Cũng giống như vậy, sự chuyên-chú là một thứ … có thể thành tựu cả hai sự tốt lành … “Này bà-la-môn, đây là một thứ (pháp), nếu được tu tập và tu dưỡng, thì có thể thành tựu cả hai sự tốt lành, sự tốt lành thuộc kiếp này và sự tốt lành thuộc kiếp sau.” “Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! … [tiếp tục như đoạn cuối kinh 6:38 ở trên] … Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

54 (12) Ngài Dhammika Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Vào dịp đó có Ngài Dhammika là Tỳ kheo cư trú ở huyện thị quê hương của mình, hay trú ở trong tất cả bảy tịnh xá trong huyện nhà của mình.1359 Ở đó, thầy Dhammika đã xúc phạm những Tỳ kheo đến viếng trú, mắng chửi họ, làm hại họ, tấn công họ, và quát tháo họ, và những Tỳ kheo đó đã bỏ đi. Họ không trú lại, bỏ đi khỏi tịnh xá. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với một đệ tử tại gia ở huyện nhà: “Chúng tôi đã phục vụ Tăng Đoàn các Tỳ kheo những y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh, nhưng những Tỳ kheo viếng trú đã bỏ đi. Họ không trú lại mà đi khỏi tịnh xá. Tại sao như vậy?” (i) Rồi ý nghĩ này xảy đến với họ: “Thầy Dhammika này đã xúc phạm



những Tỳ kheo đến viếng trú, mắng chửi họ, làm hại họ, tấn công họ, và quát tháo họ, và những Tỳ kheo đó đã bỏ đi. Họ không trú lại, bỏ đi khỏi tịnh xá. Chắc chúng ta nên tống tiễn thầy Dhammika khỏi tịnh xá.” Rồi những đệ tử tại gia đó đã đến chỗ thầy Dhammika và nói với thầy ấy: “Thưa thầy, mời thầy rời khỏi tịnh xá. Thầy đã trú ở đây đủ lâu rồi.” Rồi thầy Dhammika đã bỏ đi đến ở một tịnh xá khác (thứ hai); rồi ở đó thầy ấy lại tiếp xúc phạm những Tỳ kheo đến viếng trú, mắng chửi họ, làm hại họ, tấn công

họ, và quát tháo họ, và những Tỳ kheo đó đã bỏ đi. Họ không trú lại, bỏ đi khỏi tịnh xá. (ii) Rồi ý nghĩ này lại xảy đến với những đệ tử tại gia ở huyện nhà … [tiếp tục diễn ra như đoạn trên, đến chỗ họ đến gặp thầy Dhammika và mời thầy ấy đi khỏi:] “Thưa thầy, mời thầy đi khỏi tịnh xá. Thầy đã trú ở đây đủ lâu rồi.” Rồi thầy Dhammika bỏ đi đến ở một tịnh xá khác (thứ ba); rồi ở đó thầy ấy lại tiếp xúc phạm những Tỳ kheo đến viếng trú … Họ không trú lại, bỏ đi khỏi tịnh xá. (iii) Rồi ý nghĩ này lại xảy đến với những đệ tử tại gia ở huyện nhà: “Thầy Dhammika này đã xúc phạm những Tỳ kheo đến viếng trú … Họ không trú lại, bỏ đi khỏi tịnh xá. Chắc chúng ta nên tống tiễn thầy Dhammika khỏi cả bảy tịnh xá ở huyện nhà.” Rồi những đệ tử tại gia đó đã đến chỗ thầy Dhammika và nói với thầy ấy: “Thưa thầy, mời thầy đi khỏi cả bảy tịnh xá ở huyện nhà.” Rồi thầy Dhammika nghĩ rằng: “Ta đã bị tống khứ bởi những đệ tử tại gia khỏi tất cả bảy tịnh xá ở huyện nhà. Giờ ta phải đi đâu?” Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy ấy: “Vậy ta đến gặp đức Thế Tôn.” Rồi thầy Dhammika mang theo bình bát và cà sa và đi đến Rājagaha. Đi dần dà sau nhiều chặng thầy ấy cũng đến được Rājagaha, và rồi thầy ấy đi lên Đỉnh Núi Kền Kền, ở đó thầy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã hỏi thầy ấy: “Từ đâu thầy đến đây, này Bà-la-môn Dhammika?”1360



“Thưa Thế Tôn, những đệ tử tại gia ở huyện nhà của con đã tống khứ con khỏi tất cả bảy tịnh xá ở đó.” “Đủ rồi, này Bà-la-môn Dhammika! Giờ thầy đã đến chỗ ta, tại sao còn lo lắng rằng thầy đã bị tẩy chay khỏi những chỗ đó? Này Bà-la-môn Dhammika, trong quá khứ có một số nhà buôn đường biển đã giông thu- yền ra khơi, mang theo một con chim chỉ địa. Khi con thuyền vẫn chưa đến chỗ có thể nhìn thấy đất liền, họ thả con chim ra. Nó lập tức bay phía đông, phía tây, phía bắc, phía nam, bay lên, bay tứ hướng. Nếu nó nhìn thấy đất liền ở đâu, nó bay thẳng tới đó. Nhưng nếu nó không thấy đất liền, nó bay trở lại thuyền. Theo cách giống vậy, khi thầy đã bị tống khứ khỏi những nơi đó, thầy đã tới chỗ ta.” “Này Bà-la-môn Dhammika, trong quá khứ Vua Koravya có một cây đa đề (banyan) hoàng gia tên là cây “Khéo Trồng”, nó có năm cành thân, có bóng mát dịu, và đẹp mắt. Tán của nó trải rộng tới mười hai do-tuần (dặm Ấn); hệ rễ của nó trải rộng năm do-tuần. Những trái quả của nó to bằng nồi nấu ăn và ngọt như mật ong nguyên chất. Nhà vua và những cung phi của ông dùng trái cây của một cành, quân đội dùng của một cành khác, dân thị thành và dân quê dùng của một cành khác, những tu sĩ và bà- la-môn dùng của một cành khác, và những con thú và chim chóc ăn của một cành khác. Chẳng ai cần canh giữ cành trái cây của mình, cũng không ai lấy trái cây ở cành của người khác. “Rồi, Bà-la-môn Dhammika, có một người đến hái ăn nhiều trái tới mức no tràn, ăn xong bẻ gảy cành, rồi bỏ đi. Ý nghĩ này đã xảy đến với một vị thiên thần đang sống trên cây đó: ‘Thật đáng ngạc nhiên và lạ lùng, con người này xấu xa tới mức nào! Ông ta hái ăn nhiều trái cây tới mức no tràn, rồi bẻ gảy cành, và bỏ đi! Mình thấy chuyện này sẽ khiến sau này cây đa đề sẽ không ra trái nữa.’ Rồi sau đó cây đa đề đó không ra trái nữa. Sau đó, Vua Koravya đã đến gặp vua trời Đế-thích (Sakka), người trị vì những thiên thần, và thưa với vị trời: ‘Xin ngài lắng nghe, thưa đức trời được tôn kính, ngài nên được biết rằng cây đa đề hoàng gia không còn ra

trái nữa.’

• 89

“Rồi vua trời Đế-thích, vua của những thiên thần, đã thực hiện một chiêu thức thần thông làm xảy ra một trận mưa bão lớn kéo đến đó, cuốn xoáy1361 và bứng gốc cây đa đề. “Rồi, này Bà-la-môn Dhammika, vị thiên thần đã sống trên cây đó đứng qua một bên, buồn rầu và khổ sở, khóc đầy nước mắt. Vua trời Đế- thích đến gặp thiên thần đó và nói: ‘Này tiên, tại sao tiên lại đứng một bên, buồn rầu và khổ sở, khóc đầy nước mắt như vậy?’ – ‘Thưa Trời, là bởi do một trận mưa bão lớn đã đến, cuốn xoáy và bứng gốc chỗ-ở của con.’ – ‘Nhưng, này tiên, tiên có làm theo phận sự của một cây trồng khi trận mưa bão lớn đến, cuốn xoáy và bứng gốc chỗ-ở của tiên, hay không?’ – ‘Nhưng, thưa Trời, theo cách nào là một cây trồng làm theo phận sự của một cây trồng?’ – ‘Ở đây, này tiên, những ai cần rễ thì lấy rễ; những ai cần vỏ cây thì lấy vỏ cây; những ai cần lá thì lấy lá cây; những ai cần hoa thì lấy hoa; và những ai cần trái thì lấy trái. Vì có điều như vậy tiên không cần phải khó chịu hay bất mãn. Đó là cách một cây trồng làm theo phận sự của một cây trồng’ (tức không sân không ưu với điều vốn thường xảy ra) – ‘Thưa Trời, con đã không làm theo phận sự của một cây trồng khi có trận mưa bão lớn đến, cuốn xoáy và bứng gốc chỗ-ở của con.’ – ‘Này tiên, nếu tiên muốn làm theo phận sự của một cây trồng, thì chỗ-ở của tiên có thể được hoàn phục trở lại như trước đây.’ – ‘Thưa Trời, con sẽ làm theo phận sự của một cây trồng. Mong sao chỗ-ở của con được trở lại như trước.’ “Rồi, này Bà-la-môn Dhammika, vua trời Đế-thích, vua của những thiên thần, đã làm một chiêu thức thần thông làm một trận mưa bão lớn đến, dựng đứng lại cây đa đề hoàng gia và rễ cây được bọc vỏ rễ trở lại. Cũng giống như vậy, này Bà-la-môn Dhammika, thầy có làm theo phận sự của một sa-môn khi những đệ tử tại gia ở huyện nhà đã tống khứ thầy khỏi tất cả bảy tịnh xá ở đó, hay không?” “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào là một sa-môn làm theo phận sự của một tu sĩ?” “Ở đây, này Bà-la-môn Dhammika, một sa-môn thì không sỉ nhục (lại) người sỉ nhục mình, không mắng chửi người mắng chửi mình, và



không tranh cãi với người tranh cãi mình. Đó là cách một sa-môn làm theo phận sự của một tu sĩ.” “Thưa Thế Tôn, con đã không làm theo phận sự của một sa-môn khi những đệ tử tại gia ở huyện nhà đã tống khứ con khỏi tất cả bảy tịnh xá ở đó.” (1) “Này Bà-la-môn Dhammika, trong quá khứ có một vị thầy tên là Sunetta (Diệu Nhãn), là giáo chủ một giáo phái tâm linh, là người không còn tham-muốn đối với những dục-lạc (khoái-lạc giác quan). Vị thầy Sunetta có nhiều trăm đệ tử. Ông dạy một Giáo Pháp cho những đệ tử của mình để họ được (tái sinh) cộng trú (với những thiên thần và trời) trong cõi trời brahmā.1362 Khi ông đang chỉ dạy một Giáo Pháp như vậy, (i) những ai không đặt niềm-tin vào ông thì khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục; (ii) nhưng những ai đã đặt niềm-tin vào ông thì được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời. (2) “Trong quá khứ có một vị thầy tên là Mūgapakkha … (3) … có một vị thầy tên là Aranemi … (4) … có một vị thầy tên là Kuddālaka … (5) … có một vị thầy tên là

Hatthipāla … (6) … có một vị thầy tên là Jotipāla, là giáo chủ một giáo phái tâm linh, là người không còn tham- muốn đối với những dục-lạc. Vị thầy Jotipāla có nhiều trăm đệ tử. Ông dạy một Giáo Pháp cho những đệ tử của mình để họ được (tái sinh) cộng trú (với những thiên thần và trời) trong cõi trời brahmā. Khi ông đang chỉ dạy một Giáo Pháp như vậy, (i) những ai không đặt niềm-tin vào ông thì khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục; (ii) nhưng những ai đã đặt niềm-tin vào ông thì được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời. “Này Bà-la-môn Dhammika, ông nghĩ sao? Có sáu vị thầy là những người sáng lập những giáo phái tâm linh, là những người không còn tham-muốn đối với những dục-lạc, họ có nhiều trăm đệ tử. Nếu một người nào, với một cái tâm thù-ghét, sỉ nhục và mắng chửi họ và những cộng đồng đệ



tử của họ, thì người đó không tạo được chút phước-đức nào, có đúng không?” “Đúng vậy, thưa Thế Tôn.” “Nếu một người, với một cái tâm thù-ghét, đã sỉ nhục và mắng chửi sáu vị thầy và những cộng đồng đệ tử của họ, thì người đó đã tạo nhiều thất-phước. Nhưng nếu, một người, với một cái tâm thù-ghét, chỉ cần sỉ nhục và mắng chửi một người đã thành tựu về chánh-kiến,1363 thì người đó còn tạo rất nhiều thất-phước hơn nữa. Vì lý do gì? Này Bà-la-môn Dhammika, ta nói rằng, không có sự tổn thương nào1364 đối với những người ngoài (ngoại đạo)1365 cho bằng (sự tổn thương) đối với những tu sĩ đồng đạo (của thầy). Bởi vậy, này Bà-la-môn Dhammika, thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta không để sân-hận đối với những tu-sĩ đồng đạo khởi sinh trong tâm mình.’1366 Này Bà-la-môn Dhammika, thầy nên tu tập bản thân như vậy.” Sunetta, Mūgapakkha Bà-la-môn Aranemi, Kuddālaka, và Hatthipāla thanh niên bà-la-môn, Là những vị thầy. Và Jotipāla [được biết với tên] là Govinda Quan chẩn tế của bảy [vị vua]: Họ là những bậc vô hại, Sáu vị thầy đều có được danh tiếng. Không bị hư bại, được giải-thoát nhờ sự bi-mẫn, Họ đã vượt thoát khỏi gông-cùm của nhục-dục. Sau khi đã hết nhục-dục, Họ được tái sinh trên cõi trời brahmā. Những đệ tử của họ cũng vậy Có tới hàng trăm người, Cũng không bị hư bại; được giải-thoát trong sự bi-mẫn, Đã vượt thoát khỏi gông-cùm của nhục-dục.



Sau khi đã hết nhục-dục,
Họ cũng được tái sinh trên cõi trời brahmā.
Ai có những ý nghĩ thù ghét,
Mắng chửi những bậc nhìn-thấy ngoài đạo,
Là những bậc đã không còn tham-dục,
[Là những bậc có tâm] đã đạt định—
Thì người đó đã tạo ra nhiều thất-phước!
Nhưng cái người có ý nghĩ thù ghét,
Mắng chửi một đệ tử của Phật,
Là một Tỳ kheo đã thành tựu về (chánh) kiến,

Thì càng tạo rất nhiều thất-phước hơn nữa!
Không ai nên tấn công một người thánh thiêng,
Là người đã dẹp bỏ những tà-kiến này nọ (bậc Nhập-lưu)
Người này được gọi là bậc thánh thứ bảy,
Trong Tăng đoàn của những bậc thánh,
Là người không phải không còn tham-muốn đối với những dục-lạc,
Với các căn vẫn còn yếu:
Đó là tín, niệm, tấn, định, tuệ.
Nếu ai công kích một Tỳ kheo như vậy,
Thì trước tiên người đó đã làm hại chính mình;
Rồi, sau khi đã làm hại chính mình,
Người đó gây hại người khác.
Khi một người biết phòng hộ bản thân,
Tức là người khác cũng được phòng hộ.
Vì vậy người nên biết phòng hộ bản thân,
Thì người trí hiền luôn không bị làm tổn thương.
• 93

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai] NHÓM 1. NHÓM LỚN

55 (1) Ngài Soṇa Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Bấy giờ, vào dịp đó Ngài Soṇa cũng đang ở Rājagaha, trong khu Rừng Mát.1367 Rồi, trong khi thầy Soṇa đang ở một mình trong sự tách-ly (ẩn dật), dòng ý nghĩ sau đây đã khởi lên trong tâm thầy ấy: “Mình là một trong những đệ tử nỗ-lực (tinh tấn) nhất của đức Thế Tôn, nhưng tâm mình vẫn chưa được giải thoát khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc) bằng sự không còn dính-chấp (thủ diệt). Giờ trong nhà mình có nhiều của cải, và mình có khả năng vừa thụ hưởng sự giàu có vừa làm việc công đức. Hay mình bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục, như vậy mình có thể thụ hưởng sự giàu có và làm việc công đức.” Rồi, sau khi biết được dòng ý nghĩ trong tâm của thầy Soṇa, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, đức Thế Tôn biến khỏi Đỉnh Núi Kền Kền và hiện ra ở khu Rừng Mát ngay trước mặt thầy Soṇa. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi mới được dọn sẵn cho mình. Thầy Soṇa kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với thầy ấy: “Này Soṇa, khi thầy đang ở một mình trong sự tách-ly, có phải dòng ý nghĩ này đã khởi lên trong tâm thầy: ‘Mình là một trong những đệ tử nỗ- lực (tinh tấn) nhất của đức Thế Tôn, nhưng tâm mình vẫn chưa được giải thoát khỏi những ô-nhiễm bằng sự không còn dính-chấp. Giờ trong nhà mình có nhiều của cải, và mình có khả năng vừa thụ hưởng sự giàu có vừa làm việc công đức. Hay mình bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục, như vậy mình có thể thụ hưởng sự giàu có và làm việc công đức’, đúng vậy không?”

“Dạ đúng vậy, thưa Thế Tôn.” “Này Soṇa, hãy nói ta nghe, trước kia khi thầy còn sống ở nhà, thầy có giỏi chơi đàn tỳ-bà không?” “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” “Này Soṇa, thầy nghĩ sao? Khi dây đờn quá căng, cây đàn có kêu tiếng hay và dễ chơi hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Khi dây đờn quá lỏng, cây đàn có kêu tiếng hay và dễ chơi hay không?” “Dạ cũng không, thưa Thế Tôn.” “Nhưng, này Soṇa, khi dây đờn không quá căng và không quá lỏng mà được chỉnh ở bậc cân bằng, cây đàn có kêu tiếng hay và dễ chơi hay không?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Cũng giống như vậy, này Soṇa, nếu sự nỗ-lực được phát khởi một cách quá cố ép thì sẽ dẫn tới sự bất-an, và nếu sự nỗ-lực quá lơi lỏng thì dẫn đến sự lười-biếng. Do vậy, này Soṇa, hãy chọn ra một mức cân bằng của sự nỗ-lực, đạt được sự cân-đối của các căn tâm linh, và chọn lấy đối- tượng ngay đó.”1368 “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Soṇa đáp lại. Sau khi đức Thế Tôn đã ban cho thầy Soṇa sự khởi xướng (giáo giới) như vậy, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, đức Thế Tôn biến khỏi khu Rừng Mát và hiện ra lại trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi, một thời gian sau, thầy Soṇa đã chọn ra một mức cân-bằng của sự nỗ-lực, đạt được sự cân-đối của các căn tâm linh, và chọn lấy đối-tượng ngay đó. Rồi, sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, không bao lâu sau đó thầy Soṇa, với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, thầy ấy đã tự mình chứng ngộ

• 95

sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, thầy ấy an trú trong đó. Thầy ấy trực tiếp biết: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.” Và thầy Soṇa đã trở thành một trong những vị A-la-hán. Sau khi đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán, thầy nghĩ: “Vậy mình sẽ đến gặp đức Thế Tôn và tuyên bố về trí-biết cuối cùng trước mặt đức Thế Tôn.” Rồi thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã diệt sạch ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc sự) hiện-hữu, người đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng, người đó ý-định (nhắm tới, chí hướng) tới sáu điều: sự từ-bỏ, sự sống độc-cư (một mình), sự không đau-đớn, sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận), sự phá bỏ sự dính-chấp (phá thủ), và sự không ngu-mờ (vô si).1369 (1) “Thưa Thế Tôn, có thể có quý thầy ở đây nghĩ rằng: ‘Có thể do vị này chỉ dựa vào niềm-tin mà chí hướng tới sự từ-bỏ?’ Nhưng quý thầy không nên nghĩ như vậy. Một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), đã sống đời sống tâm linh và làm xong trách nhiệm, thì không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm hay [cần phải] làm thêm điều đã làm xong.1370 Người đó chí hướng tới sự từ-bỏ là vì người đó không còn tham nhờ đã phá bỏ tham-dục; là vì người đó không còn sân nhờ đã phá bỏ sân- hận; là vì người đó không còn si nhờ đã phá bỏ si-mờ. (2) “Có thể có quý thầy ở đây nghĩ rằng: ‘Có thể do vị này chỉ khao khát ‘lợi, vinh, danh’ mà chí hướng tới sự sống độc-cư?’ Nhưng quý thầy không nên nghĩ như vậy. Một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm … Người đó chí hướng tới sự sống độc-cư là vì người đó không còn tham nhờ đã phá bỏ tham-dục … không còn

sân nhờ đã phá bỏ sân-hận … không còn si đã phá bỏ si-mờ.

96 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

(3) Có thể có quý thầy ở đây nghĩ rằng: ‘Có thể do vị này đã từng rớt vào ‘sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện’ (giới-cấm thủ) cho nên mới chú hướng tới sự không đau-đớn (sự không hành xác)?’1371 Nhưng quý thầy không nên nghĩ như vậy. Một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm … Người đó chí hướng tới sự không đau-đớn là vì người đó không còn tham nhờ đã phá bỏ tham-dục … không còn sân nhờ đã phá bỏ sân-hận … không còn si đã phá bỏ si-mờ. (4) “ … Người đó chí hướng tới sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận) là vì người đó không còn tham nhờ đã phá bỏ tham-dục … không còn sân nhờ đã phá bỏ sân-hận … không còn si đã phá bỏ si-mờ.1372 (5) “ … Người đó chí hướng tới sự phá bỏ sự dính-chấp (phá thủ) là vì người đó không còn tham nhờ đã phá bỏ tham-dục … không còn sân nhờ đã phá bỏ sân-hận … không còn si đã phá bỏ si-mờ. (6) “ … Người đó chí hướng tới sự không ngu-mờ (vô si) là vì người đó không còn tham nhờ đã phá bỏ tham-dục … không còn sân nhờ đã phá bỏ sân-hận … không còn si đã phá bỏ si-mờ. “Thưa Thế Tôn, khi một Tỳ kheo được giải-thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy, thì ngay cả những hình-sắc mạnh (khó cưỡng, hấp dẫn, tác động mạnh) được nhận biết bởi mắt có đi vào tầm của mắt, chúng cũng không ám muội được tâm của người đó; tâm người đó không bị tác động gì. Tâm vẫn vững-vàng, đã đạt tới sự bất-động, và người đó chỉ (ngồi) quan sát sự biến-qua của nó.1373 Ngay cả những âm-thanh mạnh được nhận biết bởi tâm … những mùi-hương mạnh được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị mạnh được nhận biết bởi lưỡi … những sự những đối-tượng chạm xúc mạnh được nhận biết bởi thân … những hiện-tượng mạnh được nhận biết bởi tâm có đi vào tầm của tâm, chúng cũng không ám muội được tâm của người đó; tâm của người đó không bị tác động gì. Tâm vẫn vững-vàng, đã đạt tới sự bất-động, và người đó đó chỉ quan sát sự biến-qua của nó. “Thưa Thế Tôn, ví dụ có một núi đá không có đường nứt hay khe hở

• 97

nào, là một khối đá liền. Ngay cả một trận mưa bão mạnh đến từ đông thì cũng không thể làm nó lay, lắc, hay động đậy gì; ngay cả một trận mưa bão đến từ tây … nam … bắc thì cũng không thể làm nó lay, lắc, hay động đậy gì. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo đã được giải-thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy, thì ngay cả những hình-sắc mạnh được nhận biết bởi mắt có đi vào tầm của mắt … … ngay cả những hiện-tượng mạnh được nhận biết bởi tâm có đi vào tầm của tâm, chúng cũng không ám muội được tâm của người đó; tâm người đó không bị tác động gì. Tâm vẫn vững-vàng, đã đạt tới sự bất-động, và người đó chỉ quan sát sự biếnqua của nó.” Nếu ai chủ ý tới tới sự từ-bỏ, Và sự độc-cư của tâm; Nếu ai chí hướng tới sự không đau-đớn, Và sự phá bỏ sự dính-chấp; Nếu ai chí hướng tới sự tiêu diệt dục-vọng, Và sự vô-si của tâm: Thì sau khi nhìn thấy sự khởi-sinh của các cơ-sở cảm nhận, Tâm của người đó được giải-thoát toàn vẹn. Đối với một Tỳ kheo có tâm bình-an, Là người đã giải-thoát toàn vẹn, Thì không còn điều gì nữa để làm, Cũng không [cần phải] làm thêm điều đã làm xong. Giống một núi đá, một núi đã liền, Thì không bị lay động bởi gió. Cũng giống như vậy,

những hình-sắc, Những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, Những những đối-tượng chạm xúc, và những hiện-tượng, Dù là rất đáng thích hay rất đáng chê, Cũng không quấy động được cái tâm của bậc vững-chãi. Tâm bậc ấy vững-vàng và được tự-do (tự tại), Và người ấy chỉ quan sát sự biến-qua của nó.



56 (2) Ngài Phagguṇa Bấy giờ, vào lúc có Ngài Phagguṇa bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Rồi Ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thầy Phagguṇa bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Kính mong đức Thế Tôn đến thăm thầy ấy vì lòng bi-mẫn.” Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến chỗ thầy Phagguṇa. Thầy Phagguṇa nhìn thấy đức Thế Tôn đi đến từ xa liền cử động (trở mình, xoay người) trên giường. Đức Thế Tôn đến nói với thầy ấy: “Đủ rồi, này Phagguṇa, thầy đừng cử động trên giường nữa. Có sẵn mấy chỗ ngồi. Ta sẽ ngồi xuống đây.” Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với thầy Phagguṇa: “Này Phagguṇa, ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Ta hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, được mau thấy.” “Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong con, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, càng lúc càng thấy rõ. “Giống như có một lực sĩ đang đâm chẻ đầu con ra bằng mũi kiếm sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt xuyên đầu con. Con không đỡ hơn … Giống như có một lực sĩ xiết chặt đầu con bằng sợi dây da; cũng giống như vậy, có những cơn đau dữ dội trong đầu con. Con đang không đỡ hơn … Giống như có một người bán thịt [hay người



phụ việc của ông ta] cắt rọc bụng con bò bằng cái dao hàng thịt sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt rọc trong bụng con. Con đang không đỡ hơn … Giống như có hai lực sĩ nắm giữ chặt tay một người yếu ớt và nướng anh ta trên một hố than cháy đỏ; cũng giống như vậy, có một sự thiêu đốt dữ dội trong thân con. Con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ.”1374 Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ thầy Phagguṇa bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp; rồi sau đó đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, thầy Phagguṇa đã chết. Vào lúc chết, các căn của thầy ấy đều tĩnh lặng. Rồi thầy Ānanda đến đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, không lâu sau khi Thế Tôn ra về thầy Phagguṇa đã chết. Vào lúc chết, các căn của thầy ấy đều tĩnh lặng.” “Này Ānanda, tại sao các căn của Tỳ kheo Phagguṇa đều tĩnh lặng? Mặc dù tâm của thầy chưa được giải-thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), nhưng khi thầy ấy nghe bài thuyết giảng về Giáo Pháp, tâm của thầy ấy đã được giải-thoát khỏi chúng.1375 “Này Ānanda, có sáu ích-lợi từ việc lắng nghe Giáo Pháp vào

lúc thích hợp và từ việc xem xét ý nghĩa (của Giáo Pháp) vào lúc thích hợp.1376 Sáu đó là gì? (1) "Ở đây, này Ānanda, tâm của một Tỳ kheo chưa được giải-thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn, nhưng vào lúc chết người đó gặp được Như Lai. Như Lai đã chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; Như Lai cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Khi một Tỳ kheo nghe bài thuyết giảng về Giáo Pháp, tâm người đó được giải-thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn. Đây là ích-lợi thứ nhất từ việc lắng nghe



Giáo Pháp vào lúc thích hợp. (2) "Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo chưa được giải thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn. Vào lúc chết người đó không gặp được Như Lai, nhưng người đó gặp một vi đệ tử của Như Lai. Vị đệ tử của Như Lai đã chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp ... cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh kiết. Khi một Tỳ kheo nghe bài thuyết giảng về Giáo Pháp, tâm người đó được giải-thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn. Đây là ích-lợi thứ hai từ việc lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp. (3) "Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo chưa được giải-thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn. Vào lúc chết người đó không gặp được Như Lai, cũng không gặp được một vị đệ tử của Như Lai, nhưng người đó suy ngẫm, xem xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp như mình đã nghe và đã học nó. Khi người đó làm như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn. Đây là ích-lợi thứ ba từ việc xem xét ý nghĩa của Giáo Pháp vào lúc thích hợp. (4) "Ở đây, này Ānanda, tâm của một Tỳ kheo đã được giải thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn nhưng chưa được giải-thoát trong sự tuyệt-dứt vô thượng khỏi mọi sự thu-nhập (sanh-y tận).1377 Vào lúc chết người đó gặp được Như Lai. Như Lai đã chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp ... cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh kiết. Khi một Tỳ kheo nghe bài thuyết giảng về Giáo Pháp, tâm người đó được giải thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn. Đây là ích lợi thứ tư từ việc lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp. (5) "Lại nữa, này Ānanda, tâm của một Tỳ kheo đã được giải thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn nhưng chưa được giải-thoát trong sự tuyệt- dứt vô thượng khỏi mọi sự thu-nạp (sanh-y tận). Vào lúc chết người đó không gặp được Như Lai, nhưng người đó gặp một vi đệ tử của Như Lai. Vị đệ tử của Như Lai đã chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp ... cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh kiết. Khi một Tỳ kheo nghe bài thuyết giảng về Giáo Pháp, tâm người đó được giải thoát khỏi năm gông- cùm thấp hơn. Đây là ích lợi thứ năm từ việc lắng nghe Giáo Pháp vào lúc



thích hợp. (6) "Lại nữa, này Ānanda, tâm của một Tỳ kheo đã được giải thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn nhưng chưa được giải-thoát trong sự tuyệt- dứt vô thượng khỏi mọi sự thu-nạp (sanh-y tận). Vào lúc chết người đó không gặp được Như Lai, cũng không gặp được một vị đệ tử của Như Lai, nhưng người đó suy ngẫm, xem xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp như mình đã nghe và đã học nó. Khi người đó làm như vậy, tâm người đó được giải thoát khỏi năm gông-cùm thấp hơn. Đây là ích-lợi thứ sáu từ việc xem xét ý nghĩa của Giáo Pháp vào lúc thích hợp. "Này Ānanda, đây là sáu ích-lợi từ

việc lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp và từ việc xem xét ý nghĩa (của Giáo Pháp) vào lúc thích hợp.”

57 (3) Sáu Giai Cấp Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó Ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, ông Pūraṇa Kassapa đã mô tả sáu giai cấp:1378 giai cấp đen, giai cấp xanh, giai cấp đỏ, giai cấp vàng, giai cấp trắng, và giai cấp siêu trắng. “Ông ta mô tả giai cấp đen là những người giết bán thịt cừu, heo, gia cầm (gà, vịt, chim …), và nai; những người săn bắn và đánh cá; những kẻ trộm cướp, những người đao phủ hành quyết, và những cai ngục; hay những người làm những nghề tàn ác. “Ông ta mô tả giai cấp xanh là những Tỳ kheo là người sống trên gai nhọn1379 hay bất cứ chủ trương thuyết nghiệp, thuyết nghiệp quả. “Ông ta mô tả giai cấp đỏ là những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha). “Ông ta mô tả giai cấp vàng là những người tại gia mặc áo trắng là đệ tử của những khổ sĩ lõa thể.



“Ông ta mô tả giai cấp trắng là những tu sĩ Ājīvaka nam và nữ. “Ông ta mô tả giai cấp siêu trắng là ông Nanda Vaccha, Kisa Saṅkicca, và Makkhali Gosāla. “Thưa Thế Tôn, ông Pūraṇa Kassapa đã mô tả sáu giai cấp như vậy.” “Nhưng này Ānanda, bộ cả thế gian này giao quyền (chấp thuận) cho ông Pūraṇa Kassapa mô tả sáu giai cấp như vậy sao?” “Chắc chắc không, thưa Thế Tôn.” “Này Ānanda, ví dụ có một ngươi nghèo, nghèo khó, bần cùng. Người ta cứ ép đưa cho anh ta một miếng thịt và bắt: ‘Này ông bạn, ông phải mua miếng thịt này ăn và trả tiền.’ Theo cách tương tự, không có sự đồng ý của những tu sĩ và bà-la-môn, ông Pūraṇa Kassapa đã mô tả sáu giai cấp như vậy một cách ngu xuẩn, bất tài, không chuyên môn, và không thiện khéo. Nhưng, này Ānanda, ta mô tả về sáu giai cấp [khác]. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này Ānanda, cái gì là sáu giai cấp? (1) Ở đây, có người thuộc giai cấp đen sản sinh một trạng thái đen. (2) Có người thuộc giai cấp đen sản sinh một trạng thái trắng. (3) Có người thuộc giai cấp đen sản sinh niết-bàn,1380 là trạng thái không đen cũng không trắng. (4) Rồi, có người thuộc giai cấp trắng sản sinh một trạng thái đen. (5) Có người thuộc giai cấp trắng sản sinh một trạng thái trắng. (6) Có người thuộc giai cấp trắng sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng. (1) “Và, này Ānanda, theo cách nào người thuộc giai cấp đen sản sinh một trạng thái (cảnh giới) đen? Ở đây, (i) có người được tái sinh trong một gia đình thấp kém—như một gia đình của người hạ tiện (caṇḍāla, chiên- đà-la, bần cùng), gia đình thợ đan tre, thợ săn bắn, thợ đóng xe ngựa, hay người hốt rác—gia đình thì nghèo khổ, thiếu ăn thiếu uống, khó có được thức ăn và quần áo, bươn sống vất vả; và người đó thô bỉ, xấu xí, lùn tủn, nhiều bệnh tật như mắt mù, bị què, bị gù vẹo, bị hay liệt. Người đó còn



không kiếm được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ; nói chi tới vòng hoa, nước hoa và phấn sáp; nói chi tới giường chiếu, nhà cửa và đèn sáng. 1381 (ii) Và, người đó còn dính

vào những hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm (ba tà hạnh). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Theo cách như vậy là một người thuộc giai cấp đen sản sinh một trạng thái đen. (2) "Và, này Ānanda, theo cách nào là một người thuộc giai cấp đen sản sinh một trạng thái trắng? Ở đây, (i) có người được sinh ra trong một gia đình thấp kém … (mô tả giai cấp bần cùng như đoạn (1) kế trên) … (ii) Nhưng, người đó làm những hành-vi đúng đắn bằng thân, lời-nói, và tâm (ba chánh hạnh). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Theo cách như vậy là một người thuộc giai cấp đen sản sinh một trạng thái trắng. (3) "Và, này Ānanda, theo cách nào là một người thuộc giai cấp đen sản sinh niết-bàn, là một trạng thái không đen cũng không trắng? Ở đây, (i) có người được sinh ra trong một gia đình thấp kém … (mô tả giai cấp bần cùng như đoạn (1) kế trên) … (ii) Rồi, sau khi người đó cạo bỏ râu tóc, mặc y cà sa màu vàng úa và từ giã đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã xuất gia như vậy, người đó dẹp bỏ 'năm chướng- ngại' (ngũ cái), những ô-nhiễm của tâm, là những thứ (phẩm chất) làm suy yếu trí-tuệ; và rồi, với tâm mình đã được thiết lập một cách thiện khéo trong 'bốn nền-tảng chánh-niệm' (tứ niệm xứ), người đó tu tập một cách đúng đắn bảy chi giác-ngộ (thất giác chi) và sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng. Theo cách như vậy là một người thuộc giai cấp đen sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng. (4) "Và, này Ānanda, theo cách nào là một người thuộc giai cấp trắng sản sinh một trạng thái đen? Ở đây, (i) có người được sinh ra trong một gia đình cao quý—như một gia đình giàu có của người giai cấp chiến-sĩ (khattiya), gia đình giàu có của bà-la-môn, hay gia đình giàu có của một



gia chủ—gia đình thì giàu có, với nhiều tài sản và của cải, nhiều vàng bạc, nhiều báu vật và tư trang, nhiều của cải và lúa gạo; và người đó thì đẹp trai, hấp dẫn, duyên dáng, có làn da đẹp bậc nhất. Người đó có được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ; vòng hoa, nước hoa và phấn sáp; giường chiếu, nhà cửa và đèn sáng. (ii) Nhưng người đó dính vào những hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm (ba tà hạnh). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi- đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Theo cách như vậy là một người thuộc giai cấp trắng sản sinh một trạng thái đen. (5) "Và, này Ānanda, theo cách nào là một người thuộc giai cấp trắng sản sinh một trạng thái trắng? Ở đây, (i) có người được sinh ra trong một gia đình cao quý … (mô tả giai cấp cao sang như đoạn (4) kế trên) … (ii) Và, người đó làm những hành-vi đúng đắn bằng thân, lời-nói, và tâm (ba chánh hạnh). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Theo cách như vậy là một người thuộc giai cấp trắng sản sinh một trạng thái trắng. (6) "Và, này Ānanda, theo cách nào là một người thuộc giai cấp trắng sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng? Ở đây, (i) có người được sinh ra trong một gia đình cao quý … (mô tả giai cấp cao sang như đoạn (4) kế trên) … (ii) Rồi, sau khi người đó cạo bỏ râu tóc, mặc y cà sa màu vàng úa và từ giã đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã xuất gia như vậy,

người đó dẹp bỏ ‘năm chướng-ngại’ (ngũ cái), những ô-nhiễm của tâm, là những thứ (phẩm chất) làm suy yếu trí-tuệ; và rồi, với tâm mình đã được thiết lập một cách thiện khéo trong ‘bốn nền-tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ), người đó tu tập một cách đúng đắn bảy chi giác-ngộ (thất giác chi) và sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng. Theo cách như vậy là một người thuộc giai cấp trắng sản sinh niết-bàn, là trạng thái không đen cũng không trắng. “Này Ānanda, đây là sáu giai cấp.”

• 105

58 (4) Những Ô Nhiễm “Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Sáu đó là gì? Ở đây, bằng sự kiềm-chế một Tỳ kheo đã dẹp bỏ những ô-nhiễm nên (cần, sẽ) được dẹp bỏ bằng cách kiềm-chế; bằng sự cách sử-dụng người đó đã dẹp bỏ những ô-nhiễm nên được dẹp bỏ bằng cách sử-dụng; bằng sự kiên nhẫn chịu-đựng người đó đã dẹp bỏ những ô-nhiễm nên được dẹp bỏ bằng cách kiên nhẫn chịu-đựng; bằng sự tránh-né người đó đã dẹp bỏ những ô-nhiễm nên được dẹp bỏ bằng cách tránh-né; bằng sự xua-tan người đó đã dẹp bỏ những ô-nhiễm nên được dẹp bỏ bằng cách xua-tan; và bằng sự tu-tập người đó đã dẹp bỏ những ô- nhiễm nên được dẹp bỏ bằng cách tu-tập.1382 [1] “Và, này các Tỳ kheo, những ô-nhiễm nào nên được dẹp bỏ bằng sự kiềm-chế đã được dẹp bỏ bằng cách kiềm-chế? Ở đây, sau khi suy-xét một cách kỹ càng (một cách khôn khéo; như lý quán-chiếu), một Tỳ kheo sống kiềm chế căn-mắt. Những ô-nhiễm, gây phiền khổ và sốt não, có thể khởi sinh trong những người sống không kiềm chế căn-mắt thì không khởi sinh trong người sống biết kiềm chế căn-mắt. “Sau khi suy-xét một cách kỹ càng, một Tỳ kheo sống kiềm chế căn- tai … căn-mũi … căn-lưỡi … căn-thân … căn-tâm. Những ô-nhiễm, gây phiền khổ và sốt não, có thể khởi sinh trong những người sống không kiềm chế căn-tai … căn-tâm thì không khởi sinh trong người sống biết ki M thì k sinh trong ngườ]Ẩ, 0

• 107

đựng những lời nói thô tục và nhục mạ; (iv) người đó chịu nổi những cảm- giác thân đã khởi sinh là đau đớn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống đã khởi sinh trong thân. - “Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, có thể khởi sinh trong những người không kiên nhẫn chịu-đựng [những thứ đó] thì không khởi sinh trong người sống biết kiên nhẫn chịu-đựng. “Đây được gọi là những ô-nhiễm nên được dẹp bỏ bằng sự kiên nhẫn chịu-đựng đã được dẹp bỏ bằng cách kiên nhẫn chịu-đựng. [4] “Và những ô-nhiễm nào nên được dẹp bỏ bằng sự tránh-né đã được dẹp bỏ bằng cách tránh-né? Ở đây, sau khi suy-xét một cách kỹ càng, một Tỳ kheo (i) tránh né voi dữ, ngựa hoang, bò hoang, và chó hoang; (ii) người đó tránh né rắn rít, gốc cây, gai nhọn, hầm hố, vực núi sâu, bãi rác rưởi, hầm chứa phân. Sau khi suy-xét một cách kỹ càng, người đó (iii) tránh ngồi những chỗ ngồi không thích hợp, và (iv) tránh đi khất thực ở những khu không thích hợp, và (v) tránh giao lưu với bạn xấu mà những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí có nghi ngờ những người đó có làm những nghiệp xấu ác. - “Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, có thể khởi sinh trong những người không

tránh-né [những thứ đó] thì không khởi sinh trong người sống biết tránh-né. “Đây được gọi là những ô-nhiễm nên được dẹp bỏ bằng sự tránh-né đã được dẹp bỏ bằng cách tránh-né. [5] “Và những ô-nhiễm nào nên được dẹp bỏ bằng sự xua-tan đã được dẹp bỏ bằng cách xua-tan? Ở đây, sau khi suy-xét một cách kỹ càng, một Tỳ kheo (i) không dung dưỡng ý nghĩ nhục-dục đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Sau khi suy-xét một cách kỹ càng, người đó (ii) không dung dưỡng ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh … (iii) ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh … (iv) những trạng thái bất thiện xấu ác khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết liễu chúng, và xóa sổ chúng.



- “Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, có thể khởi sinh trong những người không xua-tan [những thứ đó] thì không khởi sinh trong người sống biết xua-tan. “Đây được gọi là những ô-nhiễm nên được dẹp bỏ bằng sự xua-tan đã được dẹp bỏ bằng cách xua-tan. [6] “Và những ô-nhiễm nào nên được dẹp bỏ bằng sự tu-tập đã được dẹp bỏ bằng cách tu-tập? Ở đây, sau khi suy-xét một cách kỹ càng, một Tỳ kheo (i) tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm giác chi), [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Sau khi suy-xét một cách kỹ càng, người đó (ii) tu tập chi giác-ngộ là sự phân-giải những hiện-tượng (trạch pháp giác chi) …(iii) chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ giác chi) … (iii) chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh an giác chi) … (iii) chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn giác chi) … (v) chi giác-ngộ là sự định-tâm (định giác chi) … (vi) chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả giác chi), [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách- ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. - “Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, có thể khởi sinh trong những người không tu-tập [những chi giác-ngộ đó] thì không khởi sinh trong người sống biết tu-tập. “Đây được gọi là những ô-nhiễm nên được dẹp bỏ bằng sự tu-tập đã được dẹp bỏ bằng cách tu-tập. “Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

59 (5) Dārukammika Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Nādika, trong hội trường gạch. Lúc đó có gia chủ tên là Dārukammika (người buôn củi)1384 đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức



Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với ông: “Gia đình chú có cho tặng quà cáp hay không, này gia chủ?” “Thưa Thế Tôn, gia đình con có cho tặng quà cáp. Và những món quà được cúng tặng cho những Tỳ kheo là những A-la-hán hoặc đang trên con-đường (thánh đạo) dẫn tới quả A-la-hán, đó là những người sống tu trong rừng, những người đi khất thực thức ăn, và những người mặc y-phục (cà sa) được may từ giẻ rách.”1385 “Này gia chủ, vì chú là một người tại gia đang thụ hưởng những dục- lạc (khoái-lạc giác quan), đang sống ở nhà với đầy đủ con cháu, dùng gỗ đàn hương từ Kāsi, mang vòng hoa, dùng dầu thơm, và phấn sáp, và nhận vàng bạc, thật khó cho chú

để biết được 'ai là những A-la-hán hay ai laf đang trên con-đường dẫn tới quả A-la-hán.' (1) "Này gia chủ, nếu một Tỳ kheo là người sống tu trong rừng là bất an, kiêu căng, vô tích sự, nói nhiều, nói dong dài, có tâm rối-mờ (thất niệm), thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh-giác), không đạt-định, với một cái tâm lan man trôi giạt, với các căn cảm-nhận (giác quan) lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng nếu một Tỳ kheo là người sống tu trong rừng là không bất an, kiêu căng, hay vô tích sự, không nói nhiều, nói dong dài, mà tâm được thiết lập trong sự chánh- niệm, thường rõ-biết (tỉnh-giác), đạt-định, với một cái tâm nhất-điểm, với các căn cảm-nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi. (2) "Nếu một Tỳ kheo là người sống gần rìa một khu làng là bất an, kiêu căng ... với các căn cảm-nhận lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng một Tỳ kheo là người sống gần rìa một khu làng và không bất an, kiêu căng ... với các căn cảm-nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi. (3) "Nếu một Tỳ kheo là người đi khất thực thức-ăn là bất an, kiêu căng ... với các căn cảm-nhận lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng một Tỳ kheo là người đi khất thực thức-ăn là



không bất an, kiêu căng ... với các căn cảm-nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi. (4) "Nếu một Tỳ kheo là người nhận lời mời đến dùng bữa ở nhà những người tại gia là bất an, kiêu căng ... với các căn cảm-nhận lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng một Tỳ kheo là người nhận lời mời đến dùng bữa ở nhà những người tại gia là không bất an, kiêu căng ... với các căn cảm-nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi. (5) "Nếu một Tỳ kheo là người mặc y-phục (cà sa) được làm từ giẻ rách là bất an, kiêu căng ... với các căn cảm-nhận lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng nếu một Tỳ kheo là người mặc y-phục được làm từ giẻ rách là bất an, kiêu căng ... với các căn cảm- nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi. (6) "Nếu một Tỳ kheo là người mặc y-phục được may tặng bởi những người tại gia là bất an, kiêu căng ... với các căn cảm-nhận lơi lỏng, thì về phương diện này người đó là đáng bị chê trách. Nhưng nếu một Tỳ kheo là người mặc y-phục được may tặng bởi những người tại gia là bất an, kiêu căng ... với các căn cảm-nhận được kiềm chế, thì về phương diện này người đó là đáng được khen ngợi. "Này gia chủ, giờ chú cúng tặng quà cho Tăng Đoàn. Khi chú cúng tặng quà cho Tăng Đoàn, tâm của chú sẽ được tự-tin. Khi tâm được tự tin, thì khi thân tan rã, sau khi chết, chú được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời." "Thưa Thế Tôn, từ hôm nay trở đi con sẽ cúng dường tặng quà cho Tăng Đoàn."1386

60 (6) Ngài Hatthi Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī



(Ba-la-nại), trong khu vườn nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi những thiên thần hạ giới). Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, một

số Tỳ kheo trưởng lão đã tụ họp và ngồi với nhau trong hội trường, tham gia vào một cuộc đàm đạo về Giáo Pháp.1387 Trong khi họ đang tham gia vào cuộc đàm đạo, Ngài Citta Hatthisāriputta đã liên tục chen ngang cuộc nói chuyện của họ.1388 Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākoṭṭhita) mới nói với thầy Citta Hatthisāriputta rằng: “Khi các Tỳ kheo trưởng lão đang tham gia vào cuộc đàm đạo liên quan về Giáo Pháp, thầy đừng liên tục chen vào cuộc nói chuyện của họ mà phải chờ đến khi họ nói xong cuộc đàm đạo của họ.” Khi điều này được nói ra, những Tỳ kheo là thân hữu của thầy Citta Hatthisāriputta đã nói lại với thầy Đại Câu-hi-la: “Đừng chê bai Ngài Citta Hatthisāriputta. Ngài Citta Hatthisāriputta là có trí và có khả năng tham dự với những Tỳ kheo trưởng lão trong cuộc đàm đạo liên quan về Giáo Pháp.” [Thầy Đại Câu-hi-la nói với họ:] “Này các đạo hữu, đối với những ai không biết được tiến trình tâm của người khác thì khó mà biết được điều này. (1) “Ở đây, này các đạo hữu, có người tỏ ra cực kỳ hiền từ, khiêm tốn, và bình tĩnh khi đang ở gần Vị Thầy hay trước mặt những Tỳ kheo đồng đạo (sư phụ, sư huynh, sư hữu) đang ở vị trí là người thầy chỉ dạy cho mình. Nhưng sau khi đi khỏi Vị Thầy và những đồng đạo ở vị trí là người thầy chỉ dạy cho mình, người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ và trở nên thân thiết với họ, khi người đó buông lơi (thiếu kiềm chế các căn) và trò chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. - “Ví dụ một con bò hay ăn ruộng lúa bắp khi đang bị cột lại bằng dây



thừng hoặc bị nhốt trong chuồng. Liệu có ai nói một cách đúng đắn mà nói: ‘Từ giờ con bò sẽ không bao giờ vô ăn ruộng lúa bắp này nữa’, hay không?” “Chắc chắn không nói vậy, thưa đạo hữu. Bởi vì có khả năng con bò đó sẽ phá đứt dây thừng hoặc xổng khỏi chuồng và chạy tới ruộng lúa bắp.” “Cũng giống như vậy, có những người đang ở đây cực kỳ hiền từ … Nhưng sau khi đi khỏi Vị Thầy và những đồng đạo ở vị trí là người thầy chỉ dạy cho mình, người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác] … những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ … Với cái tâm bị xâm chiếm bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. (2) “Rồi, này các đạo hữu, có người, (i) sau khi đang tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người chứng đắc Nhất thiền rồi’, rồi người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ và trở nên thân thiết với họ, khi người đó buông lơi (thiếu kiềm chế các căn) và trò chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. - “Ví dụ ở ngã tư đường đang có mưa, mưa lớn, có thể làm hết bụi đất và tạo ra bùn lầy. Liệu có ai nói một cách đúng đắn mà nói: ‘Từ giờ sẽ không bao giờ còn bụi đất ở ngã tư đường này nữa’, hay không?” “Chắc chắn không nói vậy, thưa đạo hữu. Bởi vì có khả năng người ta sẽ đi qua đi lại ngã tư, hoặc trâu bò và dê cừu1389 sẽ đi qua đi lại, hoặc gió và nắng nóng sẽ làm bốc hơi nước, và bụi đất sẽ có trở lại.” “Cũng giống

như vậy, có người, sau khi đang tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … rồi người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác] …

• 113

những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ … Với cái tâm bị xâm chiếm bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. (3) “Rồi, này các đạo hữu, có người, (ii) với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai. [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người chứng đắc Nhị thiền rồi’, rồi người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ và trở nên thân thiết với họ, khi người đó buông lơi (thiếu kiềm chế các căn) và trò chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. - “Ví dụ ở một hồ nước lớn không xa khu làng hay thị trấn đang có mưa, mưa lớn sẽ làm che hết (biến mất) hết những con ốc con trai,1390 đá sỏi, và đá cuội. Liệu có ai nói một cách đúng đắn mà nói: ‘Từ giờ những con ốc con trai, đá sỏi và đá cuội sẽ không được thấy trong hồ này nữa’, hay không?” “Chắc chắc không nói vậy, thưa đạo hữu. Bởi vì có khả năng người ta sẽ tới lấy nước từ hồ (để uống, dùng, tưới), hoặc trâu bò và dê sẽ uống nước hồ, hoặc gió và nắng nóng sẽ làm bốc hơi nước. Rồi những con ốc con trai, đá sỏi và đá cuội sẽ được thấy trở lại.” “Cũng giống như vậy, có người, với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai … rồi người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác] … những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ … Với cái tâm bị xâm chiếm bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. (4) “Rồi, này các đạo hữu, có người, (iii) với sự phai biến của yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba. [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người chứng đắc Tam thiền rồi’, rồi người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và



những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ và trở nên thân thiết với họ, khi người đó buông lơi (thiếu kiềm chế các căn) và trò chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. - “Ví dụ chỗ thức ăn còn thừa lại từ bữa chiều hôm trước có lẽ do nó không hấp dẫn người ăn ngon ăn hết nó. Liệu có ai nói một cách đúng đắn mà nói: ‘Từ giờ thức ăn sẽ không bao giờ hấp dẫn người này nữa’, hay không?” “Chắc chắc không nói vậy, thưa đạo hữu. Bởi vì nếu thêm nhiều thức ăn sẽ không hấp dẫn người đó chừng nào những dưỡng-chất đó vẫn còn đầy đủ trong cơ thể người đó, nhưng khi những dưỡng-chất đó hết, thì có thể thức ăn đó sẽ lại hấp dẫn người đó.” “Cũng giống như vậy, có người, với sự phai biến của yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba … rồi người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác] … những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ … Với cái tâm bị xâm chiếm bởi

tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. (5) “Rồi, này các đạo hữu, có người, (iv) với sự dẹp bỏ sự sướng sự khổ … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư. [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người chứng đắc Tứ thiền rồi’, rồi người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ và trở nên thân thiết với họ, khi người đó buông lơi (thiếu kiềm chế các căn) và trò chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi tham- dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. - “Ví dụ trên một thung lũng hẹp trên núi có một hồ nước nằm kín gió và do vậy không có sóng. Liệu có ai nói một cách đúng đắn mà nói: ‘Từ giờ sóng sẽ không bao giờ xuất hiện trong hồ này nữa’, hay không?” “Chắc chắc không nói vậy, thưa đạo hữu. Bởi vì có khả năng những

• 115

trận cuồng phong mưa bão ập đến từ hướng đông, hướng tây, hướng bắc, hay hướng nam và quấy động hồ nước.” “Cũng giống như vậy, có người, với sự dẹp bỏ sự sướng sự khổ … chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư … rồi người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác] … những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ … Với cái tâm bị xâm chiếm bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. (6) “Rồi, này các đạo hữu, có người, nhờ sự không-chú-tâm (phi tác ý) tới tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng, đường nét), chứng nhập và an trú trong trong sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng) của tâm.1391 [Nghĩ rằng:] ‘Ta là một người chứng đắc định vô-tướng của tâm rồi’, rồi người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác], những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa, những quan thần, những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử của họ. Khi người đó dính líu với họ và trở nên thân thiết với họ, khi người đó buông lơi (thiếu kiềm chế các căn) và trò chuyện với họ, thì tham-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. - “Ví dụ một vị vua [hay một quan thượng thư] đã hành quân dọc đường lộ cái cùng với đội quân bốn binh chủng, và dựng lều cắm trại để nghỉ qua đêm trong một khu rừng rậm. Vì do những tiếng kêu la của voi chiến, ngựa chiến, xe chiến, của đoàn kỵ binh, và âm thanh rùm beng của tiếng trống, trống thiết, tù và, và trống cơm, nên những tiếng dế đành lặn mất. Liệu có ai nói một cách đúng đắn mà nói: ‘Từ giờ sẽ không bao giờ còn tiếng dế kêu trong khu rừng này nữa’, hay không?” “Chắc chắc không nói vậy, thưa đạo hữu. Bởi vì cũng tới lúc nhà vua đó sẽ (kéo quân) đi khỏi khu rừng, và tiếng dế kêu sẽ có trở lại.” “Cũng giống như vậy, có người, nhờ sự không-chú-tâm tới tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng, đường nét), chứng nhập và an trú trong trong sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng) của tâm … rồi người đó đi dính líu với những Tỳ kheo [khác] … những sư thầy giáo phái khác và những đệ tử

116 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

của họ … Với cái tâm bị xâm chiếm bởi tham-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.” Rồi một thời gian sau đó thầy Citta Hatthisāriputta đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Những Tỳ kheo thân hữu của thầy ấy đã đến gặp thầy Đại Câu-hi-la, và

hỏi: “Có phải thầy Đại Câu-hi-la đã bằng tâm mình bao trùm tâm của thầy Citta Hatthisāriputta nên đã hiểu được: ‘Thầy Citta Hatthisāriputta dù đã đắc những sự thiền-trú và những tầng thiền định như vậy và như vậy, nhưng thầy ấy vẫn sẽ bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục’? Hoặc có phải lúc đó những thiên thần đã mách bảo điều đó cho thầy?” “Này các đạo hữu, tôi đã bằng tâm mình bao trùm tâm của thầy Citta Hatthisāriputta và hiểu được: ‘Thầy Citta Hatthisāriputta dù đã chứng đắc những sự thiền-trú và những tầng thiền định như vậy và như vậy, nhưng thầy ấy vẫn sẽ bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục’. Và lúc đó những thiên thần cũng có mách bảo điều đó cho tôi.” Rồi những Tỳ kheo thân hữu của thầy Citta Hatthisāriputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thầy Citta Hatthisāriputta đã chứng đắc được những sự thiền-trú và tầng thiền định như vậy và như vậy, nhưng thầy ấy đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.” “Này các Tỳ kheo, chẳng bao lâu thầy Citta sẽ nghĩ đến việc xuất gia (trở lại) thôi.”1392 Rồi không lâu sau đó, thầy Citta Hatthisāriputta lại cạo bỏ râu tóc, mặc y cà-sa màu vàng úa, từ giã đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Rồi, nhờ sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, không lâu sau, ngay trong kiếp này, với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thầy Citta Hatthisāriputta, bằng sự-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, thầy ấy an trú trong đó. Thầy ấy hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì



cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.” Và thầy Citta Hatthisāriputta đã trở thành một trong những vị A-lahán.1393

61 (7) Ở Giữa Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), trong khu vườn nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi những thiên thần hạ giới). Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, một số Tỳ kheo trưởng lão đã tụ họp và ngồi với nhau trong hội trường, lúc đó sự đàm đạo này đã khởi sinh: “Này các đạo hữu, điều này đã được đức Thế Tôn nói trong chương “Pārāyana” (Đáo Bỉ Ngạn), phần ‘Những Câu Hỏi Của Metteyya’ rằng:1394 “‘Sau khi đã được cả hai đầu, Người có trí không dính ở-giữa.1395 Ta gọi người đó là một bậc đại nhân: Là người tại đây đã thoát khỏi người đan dệt.’ “Này các đạo hữu, cái gì là đầu thứ nhất? Cái gì là đầu thứ hai? Cái gì là ở giữa? Và cái gì là người đan dệt?” (1) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo nọ đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, sự tiếp-xúc là một đầu; sự khởi-sinh tiếp- xúc là đầu thứ hai; sự chấm-dứt tiếp-xúc là ở giữa; và dục-vọng là người đan dệt. Vì dục-vọng đan dệt một người tới sự sản sinh trạng thái hiện-hữu này hay nọ.1396 Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết; hoàn-toàn hiểu điều nên được hoàn-toàn hiểu; và bằng cách làm như vậy, ngay trong kiếp này người đó làm nên sự chấm-dứt khổ.”1397 (2) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo khác đã nói với các Tỳ

kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, quá khứ là một đầu; tương lai là đầu thứ hai; hiện tại là ở giữa; và dục-vọng là người đan dệt. Vì dục-vọng đan dệt một người tới sự sản sinh trạng thái hiện-hữu này hay nọ. Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết … ngay trong kiếp này người đó làm nên sự chấm-dứt khổ.” (3) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo khác nữa đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, cảm-giác sướng là một đầu; cảm- giác khổ là đầu thứ hai; cảm-giác trung tính là ở giữa; và dục-vọng là người đan dệt. Vì dục-vọng đan dệt một người tới sự sản sinh trạng thái hiện-hữu này hay nọ. Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết … ngay trong kiếp này người đó làm nên sự chấm-dứt khổ.” (4) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo khác nữa đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, phần danh là một đầu; phần sắc là đầu thứ hai; thức là ở giữa; và dục-vọng là người đan dệt.1398 Vì dục-vọng đan dệt một người tới sự sản sinh trạng thái hiện-hữu này hay nọ. Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết … ngay trong kiếp này người đó làm nên sự chấm-dứt khổ.” (5) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo khác nữa đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, sáu cơ-sở bên trong (sáu nội xứ) là một đầu; sáu cơ-sở bên ngoài (sáu ngoại xứ) là đầu thứ hai; thức là ở giữa; và dục-vọng là người đan dệt.1399 Vì dục-vọng đan dệt một người tới sự sản sinh trạng thái hiện-hữu này hay nọ. Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết … ngay trong kiếp này người đó làm nên sự chấm-dứt khổ.” (6) Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo khác nữa đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, sự hiện-hữu cá thể là một đầu; nguồn-gốc sự hiện-hữu cá thể là đầu thứ hai; sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá thể là ở giữa; và dục-vọng là người đan dệt.1400 Vì dục-vọng đan dệt một người tới sự sản sinh trạng thái hiện-hữu này hay nọ. Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực-tiếp biết; hoàn-toàn hiểu

• 119

điều nên được hoàn-toàn hiểu; và bằng cách làm như vậy, ngay trong kiếp này người đó làm nên sự chấm-dứt khổ.” Sau khi những điều này được nói ra, một Tỳ kheo nọ đã nói với các Tỳ kheo trưởng lão: “Này các đạo hữu, chúng ta mỗi người giải thích theo cảm hứng riêng của mình. Giờ chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn và thưa lại vấn đề này cho đức Thế Tôn nghe. Rồi khi đức Thế Tôn giảng giải vấn đề cho chúng ta, chúng ta hãy lưu nhớ nó trong tâm.” “Được, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi các Tỳ kheo trưởng lão đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đàm đạo đã xảy ra, [và hỏi]: “Thưa Thế Tôn, người nào trong chúng con đã đúng?” [Đức Thế Tôn nói:] “Này các Tỳ kheo, theo một cách thì tất cả các thầy đều nói hay khéo, nhưng (theo một cách khác) hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói cho các thầy ý nghĩa mà ta muốn nói trong chương “Pārāyana” (Đáo Bỉ Ngạn), trong phần ‘Những Câu Hỏi Của Metteyya’: “‘Sau khi đã được cả hai đầu, Người có trí không dính ở-giữa. Ta gọi người đó là một bậc đại nhân: Là người tại đây đã thoát khỏi người đan dệt.’ “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, sự tiếp-xúc là một đầu; sự khởi-sinh tiếp-xúc là đầu thứ hai; sự chấm-dứt tiếp-xúc là ở giữa; và dục-vọng là người đan dệt. Vì dục-vọng đan dệt một

người tới sự sản sinh trạng thái hiện-hữu này hay nọ. Chính theo cách này là một Tỳ kheo trực-tiếp biết điều nên được trực- tiếp biết; hoàn-toàn hiểu điều nên được hoàn-toàn hiểu; và bằng cách làm như vậy, ngay trong kiếp này người đó làm nên sự chấm-dứt khổ."1401

62 (8) Sự Biết (về các căn) 1402 Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa



xứ người Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó vừa đến thị trấn Daṇḍakappaka của những người Kosala. Rồi đức Thế Tôn ra khỏi đường lộ chính và đến ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho mình dưới một gốc cây, và các Tỳ kheo đó đi vô thị trấn Daṇḍakappaka để tìm một nhà trú nghỉ. Lúc đó, Ngài Ānanda cùng một số Tỳ kheo đi xuống sông Aciravatī để tắm. Sau khi tắm xong, thầy ấy trở lên, vẫn mặc đồ và đứng lau khô mình (thân, đầu tóc, chân, tay). Rồi một Tỳ kheo nọ đã đến gần thầy Ānanda và nói với thầy ấy: "Này đạo hữu Ānanda, có phải sau khi đã xem xét đầy đủ đức Thế Tôn đã tuyên bố về thầy Đề-bà-đạt-da (Devadatta): 'Đề-bà-đạt-đa bị dính vào cảnh giới đày đọa, bị dính vào địa ngục, và ông ta sẽ ở đó cả đại kiếp, không thể được cứu độ', hay đức Thế Tôn chỉ nói điều này theo nghĩa bóng?" "Này đạo hữu, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy."1403 Rồi thầy Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ chuyện [và nói thêm]: "Thưa Thế Tôn, sau khi điều này đã được nói ra, con đã nói với Tỳ kheo đó: 'Này đạo hữu, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.'" [Đức Thế Tôn nói:] "Này Ānanda, Tỳ kheo đó chắc là mới thụ giới, chưa xuất gia lâu, hoặc (nếu lâu thì) chỉ là một trưởng lão ngu khờ và dở tệ. Khi điều đó đã được ta tuyên bố một cách dứt khoát như vậy, sao Tỳ kheo đó còn thấy có gì mơ hồ bóng gió trong đó?1404 Này Ānanda, ta không thấy một người nào khác ngoài Đề-bà-đạt-đa mà ta đã tuyên bố như vậy sau khi đã suy xét đầy đủ về ông ta. Chừng nào ta còn chưa nhìn thấy thậm chí chút xíu xiu [nhỏ như đầu cọng tóc] phẩm chất sáng (thiện) nào trong con người Đề-bà-đạt-đa, thì ta vẫn tuyên bố về ông ta: 'Đề-bà-đạt-đa bị dính vào cảnh giới đày đọa, bị dính vào địa ngục, và ông ta sẽ ở đó cả đại kiếp, không thể được cứu độ'. Chính như vậy, này Ānanda, chỉ khi ta không nhìn thấy thậm chí chút xíu xiu phẩm chất sáng nào1405 trong con



người Đề-bà-đạt-đa thì ta mới tuyên bố về ông ta như vậy. "Ví dụ có một hầm chứa phân sâu hơn chiều cao của một người, và một người chìm trong đó đầu bị ngập lút. Rồi một người có mặt ở đó mong muốn người chìm được tốt lành, phúc lợi và an toàn, mong muốn kéo được anh ta lên khỏi hầm phân. Rồi ông ta bước qua bước lại quanh hầm phân mà chẳng tìm thấy một phần xíu xiu nào, thậm chí như đầu cọng tóc, của người đó mà chưa bị dính phân để ông ta có thể nắm lấy nó và kéo anh ta lên. Cũng giống như vậy, chỉ khi ta không nhìn thấy thậm chí chút xíu xiu phẩm chất sáng nào trong con người Đề-bà-đạt-đa, ta mới tuyên bố về ông ta: 'Đề-bà-đạt-đa bị dính vào cảnh giới đày đọa, bị dính vào địa ngục, và ông ta sẽ ở đó cả đại kiếp, không thể được

cứu độ'." "Này Ānanda, nếu thầy muốn lắng nghe những sự-biết của Như Lai về các căn của một người, ta sẽ phân tích (phân giải) chúng."1406 "Giờ là lúc, thưa đức Thế Tôn! Giờ là lúc để nói ra điều này, thưa bậc Phúc Lành! Đức Thế Tôn hãy phân tích những những sự-biết của mình về các căn của một người. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ lưu nhớ trong tâm." "Được rồi, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (1) "Ở đây, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vầy: 'Những phẩm chất thiện và những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.' Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vầy: 'Những phẩm chất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất bất thiện có mặt, nhưng người này có gốc thiện (căn thiện) chưa bị bứng sạch. Từ gốc thiện1407 đó phẩm chất thiện của người đó sẽ xuất hiện. Như vậy người này sẽ không bị sa-sút trong tương lai.' "Ví như những hạt giống còn nguyên vẹn, không bị hư, không bị hư hại bởi gió và nắng nóng, còn tốt tươi, được bảo quản kỹ càng, rồi được gieo xuống miếng đất đã được vun xới kỹ càng trong một ruộng tốt. Vậy



theo thầy, những hạt giống đó sẽ mọc lên, lớn lên, và trưởng thành phải không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người ... ta hiểu được có người như vầy: 'Những phẩm chất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất bất thiện có mặt, nhưng người này có gốc thiện chưa bị bứng sạch. Từ gốc thiện đó phẩm chất thiện của người đó sẽ xuất hiện. Như vậy người này sẽ không bị sa- sút trong tương lai.' - "Theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự-biết về các căn của một người, (sự-biết đó) có được bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm tâm người [khác] bằng tâm mình. (2) Rồi, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vầy: 'Những phẩm chất thiện và những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.' Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vầy: 'Những phẩm chất bất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất thiện có mặt, nhưng người này có gốc bất thiện (căn bất thiện) chưa được bứng sạch. Từ gốc bất thiện đó phẩm chất bất thiện của người đó sẽ xuất hiện. Như vậy người này sẽ bị sa-sút trong tương lai.' "Ví dụ những hạt giống còn nguyên vẹn, không bị hư, không bị hư hại bởi gió và nắng nóng, còn tốt tươi, được bảo quản kỹ càng, rồi được đặt trên một tảng đá rộng. Vậy theo thầy, những hạt giống đó sẽ không mọc lên, lớn lên, hay trưởng thành phải không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người ... ta hiểu được có người như vầy: 'Những phẩm chất



bất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất thiện có mặt, nhưng người này có gốc bất thiện chưa được bứng sạch. Từ gốc bất thiện đó phẩm chất bất thiện của

người đó sẽ xuất hiện. Như vậy người này sẽ bị sa-sút trong tương lai.' - "Theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự-biết về các căn của một người, (sự-biết đó) có được bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm tâm người [khác] bằng tâm mình. (3) Rồi, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vầy: 'Những phẩm chất thiện và những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.' Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vầy: 'Người này thậm chí không có một chút xíu xiu [nhỏ như đầu cọng tóc] phẩm chất thiện nào. Người này có toàn những phẩm chất tối, bất thiện. Khi thân tan rã, sau khi chết, người này bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.' "Ví dụ, này Ānanda, những hạt giống bị sứt bể, bị hư, bị hư hại bởi gió và nắng nóng, rồi được gieo xuống miếng đất đã được vun xới kỹ càng trong ruộng tốt. Vậy theo thầy, những hạt giống đó sẽ không mọc lên, lớn lên, hay trưởng thành phải không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người ... ta hiểu được có người như vầy: 'Người này thậm chí không có một chút xíu xiu phẩm chất sáng nào. Người này có toàn những phẩm chất đen, bất thiện. Khi thân tan rã, sau khi chết, người này bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.' - "Theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng



cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự-biết về các căn của một người, (sự-biết đó) có được bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm tâm người [khác] bằng tâm mình. Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda đã nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, Thế Tôn có thể mô tả ba loại người khác lần lượt là đối ứng với ba loại người đó?" "Được, này Ānanda", đức Thế Tôn nói. (4) "Ở đây, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vầy: 'Những phẩm chất thiện và những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.' Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vầy: 'Những phẩm chất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất bất thiện có mặt, nhưng người này có gốc thiện (căn thiện) chưa bị bứng sạch. Nhưng gốc thiện đó sắp bị phá hủy hoàn toàn. Như vậy người này sẽ bị sa-sút trong tương lai.' "Ví dụ, này Ānanda, mớ than đang cháy, đang cháy đỏ, đang cháy rực được đặt trên một tảng đá rộng. Vậy theo thầy, chỗ than đó sẽ không cháy bùng thêm, gia tăng, và lan rộng phải không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Hoặc ví dụ, này Ānanda, vào buổi cuối chiều mặt trời đang sắp lặn đi. Vậy theo thầy, ánh sáng sẽ biến mất và sự tối sẽ có mặt phải không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Hoặc ví dụ, này Ānanda, vào lúc gần tới nửa đêm, là giờ ăn.1408 Vậy theo thầy, ánh sáng đã biến mất và sự tối đã có mặt phải không? "Dạ đúng, thưa Thế Tôn." "Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người ... ta hiểu được có người như vầy: 'Những phẩm

chất

• 125

thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất bất thiện có mặt, nhưng người này có gốc thiện chưa bị bứng sạch. Nhưng gốc thiện đó sắp bị phá hủy hoàn toàn. Như vậy người này sẽ bị sa-sút trong tương lai.' - "Theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự-biết về các căn của một người, (sự-biết đó) có được bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm tâm người [khác] bằng tâm mình. (5) "Ở đây, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vầy: 'Những phẩm chất thiện và những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.' Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vầy: 'Những phẩm chất bất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất thiện có mặt, nhưng người này có gốc bất thiện (căn bất thiện) chưa bị bứng sạch. Nhưng gốc bất thiện đó sắp bị phá hủy hoàn toàn. Như vậy người này sẽ không bị sa-sút trong tương lai.' "Ví dụ, này Ānanda, mớ than đang cháy, đang cháy đỏ, đang cháy rực được đặt trên một đống cỏ khô hay củi khô. Vậy theo thầy, chỗ than đó sẽ cháy bùng thêm, gia tăng, và lan rộng phải không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Hoặc ví dụ, này Ānanda, vào lúc màn đêm đang biến đi và mặt trời đang mọc lên. Vậy theo thầy, sự tối sẽ biến mất và ánh sáng sẽ có mặt đúng không? "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Hoặc ví dụ, này Ānanda, vào lúc gần giữa trưa, là giờ ăn. Vậy theo thầy, sự tối đã biến mất và ánh sáng đã có mặt đúng không? "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm

126 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

tâm của một người ... ta hiểu được có người như vầy: 'Những phẩm chất bất thiện của người này đã biến mất, những phẩm chất thiện có mặt, nhưng người này có gốc bất thiện (căn bất thiện) chưa bị bứng sạch. Nhưng gốc bất thiện đó sắp bị phá hủy hoàn toàn. Như vậy người này sẽ không bị sa-sút trong tương lai.' - "Theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự-biết về các căn của một người, (sự-biết đó) có được bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm tâm người [khác] bằng tâm mình. (6) Rồi, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được có người như vầy: 'Những phẩm chất thiện và những phẩm chất bất thiện đều thấy có trong người đó.' Rồi lần sau, bằng tâm mình bao trùm tâm người đó, ta hiểu được như vầy: 'Người này thậm chí không có một chút xíu xiu [nhỏ như đầu cọng tóc] phẩm chất bất thiện nào. Người này có toàn những phẩm chất sáng, thiện. Người này sẽ chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.' "Ví dụ, này Ānanda, mớ than nguội đã tắt lửa được đặt trên một đống cỏ khô hay củi khô. Vậy theo thầy, chỗ than đó sẽ không cháy bùng thêm, gia tăng, và lan rộng phải không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Cũng theo cách này, này Ānanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của một người ... ta

hiểu được có người như vầy: ‘Người này thậm chí không có một chút xíu xiu phẩm chất bất thiện nào. Người này có toàn những phẩm chất sáng, thiện. Người này sẽ chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.’ - “Theo cách này, này Ānanda, Như Lai biết được một người bằng cách bao trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai có sự-biết về các căn của một người, (sự-biết đó) có được bằng cách bao

• 127

trùm tâm người đó bằng tâm mình. Theo cách này, Như Lai biết được sự khởi-sinh tương lai của những phẩm chất bằng cách bao trùm tâm người [khác] bằng tâm mình. “Này Ānanda, trong ba (loại) người trước: có người không bị sa-sút, người sẽ bị sa-sút, và người hướng tới cảnh giới đọa-đày, thậm chí địa ngục. Trong số ba người sau: có người không bị sa-sút, người sẽ bị sa-sút, và người hướng tới chứng ngộ Niết-bàn.”

63 (9) Thâm Nhập “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài giảng mang tính thâm nhập về Giáo Pháp.1409 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một bài giảng mang tính thâm nhập về Giáo Pháp? [1] “Những khoái-lạc giác quan [dục-lạc] nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi sinh của những khoái-lạc giác quan nên được hiểu; sự đa dạng của những khoái-lạc giác quan nên được hiểu; hậu quả của những khoái- lạc giác quan nên được hiểu; sự chấm-dứt những khoái-lạc giác quan được hiểu. [2] “Những cảm-giác [thọ] nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi sinh của những cảm-giác nên được hiểu; sự đa dạng của những cảm-giác nên được hiểu; hậu quả của những cảm-giác nên được hiểu; sự chấm-dứt những cảm-giác nên được hiểu. [3] “Những nhận-thức [tưởng] nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi sinh của những nhận-thức nên được hiểu; sự đa dạng của những nhận-thức nên được hiểu; hậu quả của những nhận-thức nên được hiểu; sự chấm-dứt những nhận-thức nên được hiểu. [4] “Những ô-nhiễm [lậu hoặc] nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi

128 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

sinh của những ô-nhiễm nên được hiểu; sự đa dạng của những ô-nhiễm nên được hiểu; hậu quả của những ô-nhiễm nên được hiểu; sự chấm-dứt những ô-nhiễm nên được hiểu. [5] “Nghiệp nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi sinh của nghiệp nên được hiểu; sự đa dạng của nghiệp nên được hiểu; hậu quả của nghiệp nên được hiểu; sự chấm-dứt nghiệp nên được hiểu.1410 [6] “Sự khổ nên được hiểu; nguồn gốc và sự khởi sinh của sự khổ nên được hiểu; sự đa dạng của sự khổ nên được hiểu; hậu quả của sự khổ nên được hiểu; sự chấm-dứt sự khổ nên được hiểu; con-đường dẫn tới sự chấm-dứt sự khổ nên được hiểu. (1) “Khi điều [1] (kinh gốc thì lặp lại đầy đủ lời của mỗi điều trên) được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? (a) “Này các Tỳ kheo, đây là năm đối-tượng của khoái-lạc giác quan: những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục’. Những âm- thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục

dục'. Tuy nhiên, đây không phải là những khoái-lạc giác quan; trong giới luật của Thánh Nhân, đây được gọi là 'những sự đối-tượng của khoái-lạc giác quan'. Khoái-lạc giác quan của một người là do ý-định nhục-dục của người đó.1411 "Những thứ đẹp trong thế gian: không phải là những dục-lạc: Ý-định nhục-dục của một người mới là dục-lạc của người đó; Những thứ đẹp đẽ chỉ như chúng thực là trong thế gian, Nhưng người có trí thì loại bỏ tham muốn đối với chúng. (b) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của những khoái-lạc giác quan? Chính sự tiếp-xúc là nguồn gốc và sự khởi sinh của khoái-lạc giác quan.1412 (c) "Và cái gì là sự đa dạng của những khoái-lạc giác quan? Chính

• 129

tham dục (tham muốn giác quan, nhục dục) đối với những hình-sắc là một, thêm nữa là tham dục đối với những âm-thanh, tham dục đối với những mùi-hương, tham dục đối với những mùi-vị, tham dục đối với những đối- tượng chạm xúc. Đây được gọi là sự đa dạng của những khoái-lạc giác quan. (d) "Và cái gì là hậu quả của những khoái-lạc giác quan? Một người sản sinh một sự hiện-hữu cá thể (danh tính) tương ứng với mọi thứ [khoái- lạc giác quan] người đó tham muốn và đó có thể là (thiện) quả của sự phước-đức hay (ác) quả của sự thất-phước.1413 Đây được gọi là hậu quả của những khoái-lạc giác quan. (e) "Và cái gì là sự chấm-dứt những khoái-lạc giác quan? Khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt những khoái-lạc giác quan. "Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những khoái- lạc giác quan, gồm (tám phần): chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. "Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những khoái- lạc giác quan, nguồn gốc và sự khởi sinh của những khoái-lạc giác quan, sự đa dạng của những khoái-lạc giác quan, hậu quả của những khoái-lạc giác quan, sự chấm-dứt của những khoái-lạc giác quan, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những khoái-lạc giác quan, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập này là sự (là để) chấm-dứt những khoái-lạc giác quan.1414 "Chính vì điều này nên điều [1] đã được nói như vậy. (2) "Khi điều [2] được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? (a) "Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác: cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), và cảm-giác không sướng không khổ (trung tính). (b) "Và cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của những cảm-giác? Sự tiếp-xúc là nguồn gốc và sự khởi sinh của chúng.

130 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

(c) "Và cái gì là sự đa dạng của những cảm-giác? Có cảm-giác sướng thuộc thế tục,1415 có cảm-giác sướng thuộc tâm linh; có cảm-giác khổ thuộc thế tục, có cảm-giác khổ thuộc tâm linh; có cảm-giác trung tính thuộc thế tục, có cảm-giác trung tính tâm linh. Đây được gọi là sự đa dạng của những cảm-giác. (d) "Và cái gì là hậu quả của những cảm-giác? Một người sản sinh một sự hiện-hữu cá thể (danh tính) tương tứng với mọi thứ [cảm-giác] người đó trải nghiệm và đó có thể là (thiện) quả của phước-đức hay (ác) quả của thất-phước. Đây được gọi là hậu quả của những cảm-giác. (e) "Và cái gì là sự chấm-dứt những cảm-giác? Khi chấm dứt sự tiếp- xúc là chấm dứt những cảm-giác. "Bát thánh đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những cảm- giác, gồm (tám

phần): chánh-kiến … chánh-định. “Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những cảm- giác, nguồn gốc và sự khởi sinh của những cảm-giác, hậu quả của những cảm-giác, sự chấm-dứt của những cảm-giác, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những cảm-giác, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập là sự chấm-dứt những cảm-giác. “Chính vì điều này nên điều [2] đã được nói như vậy. (3) “Khi điều [3] được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? (a) “Này các Tỳ kheo, có sáu nhận-thức: nhận-thức về những hình- sắc, nhận-thức về những âm-thanh, nhận-thức về những mùi-hương, nhận- thức về những mùi-vị, nhận-thức về những đối-tượng chạm xúc, nhận- thức về những hiện-tượng thuộc/của tâm. (b) “Và cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của những nhận-thức? Sự tiếp-xúc là nguồn gốc và sự khởi sinh của chúng. (c) “Và cái gì là sự đa dạng của những nhận-thức? Một là nhận-thức về những hình-sắc, thêm nữa là nhận-thức về những âm-thanh, nhận-thức về những mùi-hương, nhận-thức về những mùi-vị, nhận-thức về những

• 131

đối-tượng chạm xúc, nhận-thức về những hiện-tượng thuộc/của tâm. Đây được gọi là sự đa dạng về những nhận-thức. (d) “Và cái gì là hậu quả của những nhận-thức? Ta nói rằng, những nhận-thức có hệ quả là sự biểu-đạt.1416 Người ta nhận-thức (tưởng) cái gì theo bất cứ cách nào, thì người ta biểu-đạt bản thân theo cách đó, [người đó nói:] ‘Tôi nhận-thức như vầy và như vậy.’ Đây được gọi là hậu quả của sự nhận-thức. (nhận thức ra sao thể hiện như vậy; tưởng sao nói vậy). (e) “Và cái gì là sự chấm-dứt của những nhận-thức? Khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt những nhận-thức. “Bát thánh đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những nhận- thức, gồm (tám phần): chánh-kiến … chánh-định. “Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những nhận-thức, nguồn gốc và sự khởi sinh của những nhận-thức, sự đa dạng của những nhận-thức, hậu quả của những nhận-thức, sự chấm-dứt của những nhận-thức, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những nhận-thức, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập là sự chấm-dứt những nhận-thức . “Chính vì điều này nên điều [3] đã được nói như vậy. (4) “Khi điều [4] được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? (a) “Này các Tỳ kheo, có ba loại sự ô-nhiễm: ô-nhiễm của/do nhục- dục (dục lậu), ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). (b) “Và cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của những ô-nhiễm? Vô- minh là nguồn gốc và sự khởi sinh của chúng. (c) “Và cái gì là sự đa dạng của những ô-nhiễm? Có những ô-nhiễm dẫn tới (tái sinh trong) địa-ngục; có những ô-nhiễm dẫn tới cõi súc-sinh, có những ô-nhiễm dẫn tới cảnh giới hồn ma ngạ-quỷ thống khổ; có những ô-nhiễm dẫn tới cảnh giới con-người; có những ô-nhiễm dẫn tới cảnh giới thiên-thần. Đây là sự đa dạng của những ô-nhiễm.



(d) “Và cái gì là hậu quả của những ô-nhiễm? Người chìm đắm trong vô-minh sản sinh một sự hiện-hữu cá thể (danh tính) tương ứng, đó có thể (thiện) quả của phước-đức hay (ác) quả của thất-phước. Đây được gọi là hậu quả của những cảm-giác. (e) “Và cái gì là sự chấm-dứt những ô-nhiễm? Khi chấm dứt vô-minh là chấm dứt những

ô-nhiễm.(vô-minh tận, lậu tận) “Bát thánh đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những ô- nhiễm, gồm (tám phần): chánh-kiến … chánh-định. “Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những ô- nhiễm, nguồn gốc và sự khởi sinh của những ô-nhiễm, sự đang dạng của những ô-nhiễm, hậu quả của những ô-nhiễm, sự chấm-dứt của những ô- nhiễm, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những ô-nhiễm, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập là sự chấm-dứt những ô-nhiễm . “Chính vì điều này nên điều [4] đã được nói như vậy. (5) “Khi điều [5] được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? (a) “Này các Tỳ kheo, chính là sự cố-ý (tư) ta gọi là nghiệp (kam- ma).1417 Do đã chủ-ý, nên một người hành động bằng thân, lời-nói, hay tâm. (b) “Và cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của những của nghiệp? Sự tiếp-xúc là nguồn gốc và sự khởi sinh của nghiệp. (c) “Và cái gì là sự đa dạng của nghiệp? Có nghiệp được nếm trải trong địa-ngục; có nghiệp được nếm trải trong cõi súc-sinh, có nghiệp được nếm trải trong cảnh giới ngạ-quỷ thống khổ; có nghiệp được nếm trải trong cảnh giới con-người; có nghiệp được nếm trải trong cảnh giới thiên-thần.1418 Đây là sự đa dạng của nghiệp. (d) “Và cái gì là hậu quả của nghiệp? Ta nói, hậu quả của nghiệp có ba dạng, đó là: [được nếm trải] ngay trong kiếp này, hay trong kiếp [kế] sau, hay trong những thời kiếp sau nữa. Đây được gọi là hậu quả của



nghiệp.1419 (e) “Và cái gì là sự chấm-dứt của nghiệp? Khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt nghiệp.1420 “Bát thánh đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nghiệp, gồm (tám phần): chánh-kiến … chánh-định. “Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được nghiệp, nguồn gốc và sự khởi sinh của nghiệp, sự đa dạng của nghiệp, hậu quả của nghiệp, sự chấm-dứt của nghiệp, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt nghiệp, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập là sự chấm-dứt nghiệp . “Chính vì điều này nên điều [5] đã được nói như vậy. (6) “Khi điều [6] được nói, vì lý do gì nó được nói ra như vậy? (a) “Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; những sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não) là khổ; không được thứ mình muốn là khổ; nói tóm lại, năm-uẩn bị dính- chấp (năm thủ uẩn) là khổ. (b) “Và cái gì là nguồn gốc và sự khởi sinh của khổ? Dục-vọng (ái) là nguồn gốc và sự khởi sinh của khổ. (c) “Và cái gì là sự đa dạng của khổ? Có sự khổ cùng cực; có sự khổ nhẹ; có sự khổ phai biến chậm; có sự khổ phai biến nhanh. Đây được gọi là sự đa dạng của khổ. (d) “Và cái gì là hậu quả của khổ? Ở đây, có người bị chi phối bởi sự khổ, với một cái tâm bị ám muội bởi nó, bởi những sự buồn sầu, những sự than khóc, những sự khổ đau, những sự ưu phiền, những sự tuyệt vọng; người đó khóc lóc đấm ngực và bị quẩn trí. Hoặc hay là, do bị chi phối bởi sự khổ, với một cái tâm bị ám muội bởi nó, người đó ra tay tìm kiếm ở bên ngoài, người đó nói rằng: ‘Có ai biết (thần chú nào) một chữ hay hai chữ để làm chấm-dứt sự khổ này, hay không?’1421 Ta nói rằng, sự khổ làm cho người ta quẩn trí hoặc đi tìm kiếm. Đây được gọi là hậu quả của sự



khổ. (e) “Và cái gì là sự chấm-dứt khổ? Khi chấm dứt dục-vọng là chấm dứt sự khổ. (ái diệt, khổ diệt) “Bát thánh đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ, gồm (tám

phần): chánh-kiến … chánh-định. “Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự khổ, nguồn gốc và sự khởi sinh của sự khổ, sự đang dạng của sự khổ, hậu quả của sự khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ, là người đó hiểu được đời sống tâm linh mang tính thâm nhập là sự chấm-dứt khổ . “Chính vì điều này nên điều [6] đã được nói như vậy. “Này các Tỳ kheo, đây là bài thuyết giảng mang tính thâm nhập đó về Giáo Pháp.”

64 (10) Tiếng Gầm Sư Tử “Này các Tỳ kheo, có sáu năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma (bánh xe Giáo Pháp).1422 Sáu đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu được ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là. 1423 Vì Như Lai hiểu được ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là, nên đây là một năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. (2) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘hậu-quả của sự mang nghiệp quá khứ, hiện tại, và tương lại tính theo những sự có-thể (xảy ra) và những nguyên nhân’ đúng như nó thực là.1424 Vì Như Lai hiểu được ‘hậu-quả của

• 135

sự mang nghiệp …’ nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. (3) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra khỏi những tầng thiền định, những sự giải-thoát, những sự định- tâm, và những sự chứng-định (siêu định, như ‘diệt thọ tưởng định’…).1425 Vì Như Lai hiểu được ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra những tầng thiền định …’ nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. (4) “Lại nữa, Như Lai có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình, đó là: một lần sinh, hai lần sinh … [giống kinh 6:2, đoạn (4)] … Như Lai nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy. Vì Như Lai có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình … với những tổng quan và chi tiết như vậy, nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai (túc mạng minh) mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. (5) “Lại nữa, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, Như Lai nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … [giống kinh 6:2, đoạn (4)] … và Như Lai hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy. Vì Như Lai … hiểu được cách những chúng sinh trả giá tùy theo những nghiệp của mình như vậy, nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai (thiên nhãn minh) mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. (6) “Lại nữa, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, Như Lai đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, Như Lai an trú trong đó. Vì

Như Lai đã tự mình chứng ngộ sự giải- thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ … nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai (lậu tận minh) mà Như Lai có được, do có được nó



nên Như Lai … thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. “Đây là sáu năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử trong những hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma. (1) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai một câu hỏi liên quan đến trí-biết của Như Lai về ‘điều có thể là có thể, điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Lai đã hiểu trí-biết này. (2) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai một câu hỏi liên quan đến trí-biết của Như Lai về ‘hậu-quả của sự mang nghiệp trong quá khứ, hiện tại, và tương lai tính theo những sự có thể và những nguyên nhân’ đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Lai đã hiểu trí-biết này. (3) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai một câu hỏi liên quan đến trí-biết của Như Lai về ‘sự ô-nhiễm, sự thanh- tẩy, và sự thoát-ra những tầng thiền định, những sự giải-thoát, những sự định-tâm, và những sự chứng-thiền’ đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Lai đã hiểu trí-biết này. (4) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai một câu hỏi liên quan đến trí-biết của Như Lai về ‘sự nhớ lại những cõi kiếp quá khứ’ (túc mạng minh) đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Lai đã hiểu trí-biết này.1426 (5) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai một câu hỏi liên quan đến trí-biết về ‘sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh’ (thiên nhãn minh) đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Lai đã hiểu trí-biết này. (6) “Này các Tỳ kheo, nếu những người khác đến gặp và hỏi Như Lai



một câu hỏi liên quan đến trí-biết về ‘sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ’ (lậu tận minh) đúng như nó thực là, thì Như Lai, khi được hỏi như vậy, sẽ trả lời họ một cách chính xác như Lai đã hiểu trí-biết này. (1) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, trí-biết về ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định. (2) “Ta nói rằng, trí-biết về ‘hậu-quả của sự mang nghiệp trong quá khứ, hiện tại, và tương lai tính theo những sự có-thể và những nguyên- nhân’ đúng như nó thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định. (3) “Ta nói rằng, trí-biết về ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra đối với những tầng thiền định, những sự giải-thoát, những sự định-tâm, và những sự chứng-định’ đúng như chúng thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định. (4) “Ta nói rằng, trí-biết về ‘sự nhớ lại những cõi kiếp trước’ (túc mạng minh) đúng như nó thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định. (5) “Ta nói rằng, trí-biết về ‘sự chết đi và tái

sinh của những chúng sinh' (thiên nhãn minh) đúng như nó thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định. (6) "Ta nói rằng, trí-biết về 'sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ' (lậu tận minh) đúng như nó thực là chỉ có được với người đạt định, không có được với người thiếu định. "Vậy đó, này các Tỳ kheo, sự định-tâm là đạo; sự thiếu định-tâm là sai đạo."

NHÓM 2. THÁNH QUẢ BẤT LAI

138 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

65 (1) Bất Lai "Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ sáu điều, một người không có khả năng chứng ngộ thánh quả Bất-lai. Sáu đó là gì? Sự thiếu niềm-tin, sự thiếu sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự bất-chấp về mặt đạo đức, sự lười- biếng, sự mờ-rối của tâm (thất định), và sự thiếu trí-tuệ. Nếu chưa dẹp bỏ sáu điều này, một người không có khả năng chứng ngộ thánh quả Bất-lai. "Này các Tỳ kheo, nếu dẹp bỏ sáu điều, một người có khả năng chứng ngộ thánh quả Bất-lai. Sáu đó là gì? Sự thiếu niềm-tin, thiếu sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự bất-chấp về mặt đạo đức, sự lười-biếng, sự mờ- rối của tâm (thất định), và sự thiếu trí-tuệ. Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, một người có khả năng chứng ngộ thánh quả Bất-lai."

66 (2) A-la-hán "Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ sáu điều, một người không có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Sáu đó là gì? Sự đờ-đẫn (hôn trầm), sự buồn-ngủ (thụy miên), sự bất-an (trạo cử), sự hối-tiếc (hối quá), sự thiếu niềm-tin (thiểu tín; nghi ngờ), và sự lơ-tâm phóng dật. Nếu không dẹp bỏ sáu điều này, một người không có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán. "Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, một người có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Sáu đó là gì? Sự đờ-đẫn, sự buồn-ngủ, sự bất-an, sự hối-tiếc, sự thiếu niềm-tin, và sự lơ-tâm phóng dật. Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, một người có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la- hán."

67 (3) Những Bạn Hữu "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có những bạn xấu, những đồng hành xấu, và những đồng đạo xấu, khi đó người đó đi theo, dựa theo, và chú tâm theo những bạn xấu và làm theo gương của họ, thì (1) không thể

• 139

nào người đó hoàn thành bổn phận giữ hạnh-kiểm đúng đắn (chánh hạnh). Khi không hoàn thành bổn phận giữ hạnh-kiểm đúng đắn, thì (2) không thể nào người đó hoàn thành bổn phận của một học-nhân. Khi không hoàn thành bổn phận của một học-nhân, thì (3) không thể nào người đó hoàn thành về giới-hạnh. Khi không hoàn thành về giới-hạnh, thì (4) không thể nào người đó dẹp bỏ tham-dục giác quan (nhục dục), (5) tham-dục đối với sắc (sắc dục), hay (6) tham-dục đối với vô-sắc (vô-sắc dục).1427 "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có những bạn tốt, những đồng hành tốt, và những đồng đạo tốt, khi đó người đó đi theo, dựa theo, và chú tâm theo những bạn tốt và làm theo gương của họ, thì (1) có khả năng người đó hoàn thành bổn phận giữ hạnh-kiểm đúng đắn (chánh hạnh). Sau khi đã hoàn thành bổn phận giữ hạnh-kiểm đúng đắn, thì (2) có khả năng người đó hoàn thành bổn phận của một học-nhân. Sau khi đã hoàn thành bổn phận của một học-nhân, thì (3) có khả năng người đó hoàn

thành về giới-hạnh. Sau khi đã hoàn thành về giới-hạnh, thì (4) có khả năng người đó dẹp bỏ tham-dục giác quan (nhục dục), (5) tham-dục đối với sắc (sắc dục), và (6) tham-dục đối với vô-sắc (vô-sắc dục).”

68 (4) Thích Gặp Gỡ Giao Lưu “Này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo là người thích gặp gỡ (người này người nọ), người vui thích sự gặp gỡ, người hết lòng thích sự gặp gỡ; là người thích sự tụ tập (nhóm, nhiều người), người vui thích sự tụ tập, người hết lòng thích sự tụ tập, thì không thể nào người đó thấy vui thích ‘sự ở một-mình’ khi người đó ở một mình. (2) Người không vui thích ‘sự ở một-mình’ khi đang ở một mình thì không thể nào có được đối-tượng của tâm.1428 (3) Người không có được đối-tượng của tâm thì không thể nào hoàn thành chánh-kiến. (4) Người không hoàn thành chánh-kiến thì không thể nào hoàn thành chánh-định. (5) Người không hoàn thành chánh-định thì không thể nào dẹp bỏ những gông-cùm. (6) Khi chưa dẹp bỏ những gông-cùm thì không thể nào người đó chứng ngộ Niết-bàn.

140 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

“Này các Tỳ kheo, (1) một Tỳ kheo là người không thích gặp gỡ (người này người nọ), người không vui thích sự gặp gỡ, người không hết lòng thích sự gặp gỡ; là người không thích sự tụ tập (nhóm, nhiều người), người không vui thích sự tụ tập, người không hết lòng thích sự tụ tập, thì có khả năng người đó thấy vui thích ‘sự ở một-mình’ khi người đó ở một mình. (2) Người vui thích ‘sự ở một-mình’ khi đang ở một mình thì có khả năng có được đối-tượng của tâm. (3) Người có được đối-tượng của tâm thì có khả năng hoàn thành chánh-kiến. (4) Ngườ hoàn thành chánh- kiến thì có khả năng hoàn thành chánh-định. (5) Người hoàn thành chánh- định thì có khả năng dẹp bỏ những gông-cùm. (6) Sau khi đã dẹp bỏ những gông-cùm thì có khả năng người đó chứng ngộ Niết-bàn.”

69 (5) Một Thiên Thần Lúc đó, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo. Sáu đó là gì? Tôn kính Vị Thầy, tôn kính Giáo Pháp, tôn kính Tăng Đoàn, tôn kính sự tu-tập, dễ tu sửa (bởi người khác và bởi mình), và có đạo-hữu tốt. Sáu phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo.” Đây là điều vị thiên thần đó đã nói. Vị Thầy đồng ý. Rồi vị thiên thần đó, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý với mình’ nên đã kính lễ

142 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

và ở gần. (3) Không thể nào người đó có thể: ‘Hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác (tha tâm thông) … [giống đoạn (3) kinh 6:02 ở trên] … một cái tâm được giải thoát là tâm được giải thoát. (4) Không thể nào người đó có thể: ‘Nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (thiên nhãn minh) … [giống đoạn (4) kinh 6:02 ở trên] … với những tổng quan và chi tiết của chúng. (5) Không thể nào người đó có thể: ‘Bằng mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … [giống đoạn (5) kinh 6:02 ở trên] … người đó có

thể hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy. (6) Không thể nào người đó có thể: 'Với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó có thể an trú trong đó (lậu tận minh). (II) "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có sự định-tâm (sự định-tâm đó) là bình an, siêu phàm, đắc được thông qua sự làm tĩnh-lặng, và đạt tới sự hợp-nhất thì (1) có khả năng người đó có thể: 'Vận dụng nhiều loại thần thông khác nhau (thần thông biến hóa) ... [như đoạn (1) kế trên] ... (2) Có khả năng người đó có thể: 'Với tai thiên thánh (thiên nhãn thông) ... [như đoạn (2) kế trên] ... (3) Có khả năng người đó có thể hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác (tha tâm thông) ... [như đoạn (3) kế trên] ... (4) Có khả năng người đó có thể: 'Nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh) ... [như đoạn (4) kế trên] ... (5) Có khả năng người đó có thể: 'Với mắt thiên thánh (thiên nhãn minh) ... [như đoạn (5) kế trên] ... (6) Có khả năng người đó có thể:'Với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận minh) ... [tiếp tục như đoạn (6) kế trên] ..."

71 (7) Có Khả Năng Chứng Ngộ "Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là không khả năng chứng ngộ một trạng thái đặc biệt (khác biệt) nào cả,1429 [cho dù] đang sẵn có một cơ-sở thích hợp. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu

• 143

được (những điều này) đúng như nó thực là: 'Đây là những phẩm chất thuộc sự suy-đồi', và (2) 'Đây là những phẩm chất thuộc sự ổn-định', và (3) 'Đây là những phẩm chất thuộc sự phân-biệt', và (4) 'Đây là những phẩm chất thuộc sự thâm-nhập'; (5) Và người đó không tu tập một cách kỹ càng, và (6) người đó không làm những điều thích hợp. Có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là không khả năng chứng ngộ một trạng thái đặc biệt nào cả, [cho dù] đang có sẵn một cơ-sở thích hợp. "Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ một trạng thái đặc biệt, khi đang sẵn có một cơ-sở thích hợp. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (những điều này) đúng như chúng thực là: 'Đây là những phẩm chất thuộc sự suy-đồi', và (2) 'Đây là những phẩm chất thuộc sự ổn-định', và (3) 'Đây là những phẩm chất thuộc sự phân-biệt', và (4) 'Đây là những phẩm chất thuộc sự thâm-nhập'; (5) Và người đó tu tập một cách kỹ càng, và (6) người đó làm những điều thích hợp. Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ một trạng thái đặc biệt, khi đang có sẵn một cơ-sở thích hợp."

72 (8) Sức Mạnh "Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là không khả năng đạt được sức mạnh trong sự định-tâm (định lực). Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo không thiện khéo trong việc chứng đắc sự định-tâm; (2) người đó không thiện khéo trong (duy trì) thời gian định-tâm; (3) người đó không thiện khéo trong việc thoát ra khỏi sự định-tâm (tầng thiền định); (4) người đó không tu tập một cách kỹ càng; (5) người đó không tu tập một cách kiên định; và (6) người đó không làm điều thích hợp. Có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là không khả năng đạt được sức mạnh của sự định-tâm. "Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là có khả năng đạt được

sức mạnh trong sự định-tâm (định lực). Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một



Tỳ kheo thiện khéo trong việc chứng đắc sự định-tâm; (2) người đó thiện khéo trong (duy trì) thời gian định-tâm; (3) người đó thiện khéo trong việc thoát ra khỏi sự định-tâm (tầng thiền định); (4) người đó tu tập một cách kỹ càng; (5) người đó tu tập một cách kiên định; và (6) người đó làm điều thích hợp. Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng đạt được sức mạnh của sự định-tâm."

73 (9) Tầng Thiền Định Thứ Nhất (1) "Này các Tỳ kheo, nếu chưa dẹp bỏ sáu điều, người tu là không khả năng chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. Sáu đó là gì? Đó là: tham-dục, sự sân-giận, sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, sự bất-an và hối- tiếc, và sự nghi-ngờ (năm chướng-ngại, ngũ cái); và người chưa nhìn thấy rõ ràng 'sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan' bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là. Nếu chưa dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không khả năng chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ nhất. "Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ nhất. Sáu đó là gì? Đó là: tham-dục, sự sân-giận … Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ nhất."

74 (10) Tầng Thiền Định Thứ Nhất (2) "Này các Tỳ kheo, nếu chưa dẹp bỏ sáu điều, người tu là không khả năng chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. Sáu đó là gì? Đó là: ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại, nhận thức tham-dục, nhận thức ác-ý, nhận thức gây-hại. Nếu chưa dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không khả năng chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ nhất. "Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả



năng chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ nhất. Sáu đó là gì? Đó là: ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý … Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ nhất."



NHÓM 3. THÁNH QUẢ A-LA-HÁN

75 (1) Trong Sự Khổ Đau "Này các Tỳ kheo, có sáu điều này, một Tỳ kheo sống trong sự khổ đau ngay trong kiếp này—với sự khổ sở, thống khổ, và sốt não—và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi một nơi-đến xấu dữ. Sáu đó là gì? Đó là: ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại, nhận thức tham-dục, nhận thức ác-ý, nhận thức gây-hại. Có sáu điều này, một Tỳ kheo sống trong sự khổ đau ngay trong kiếp này—với sự khổ sở, thống khổ, và sốt não—và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi một nơi-đến xấu dữ. "Này các Tỳ kheo, có sáu điều này, một Tỳ kheo sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này—không sự khổ sở, thống khổ, và sốt não—và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi một nơi-đến tốt lành. Sáu đó là gì? Đó là: ý nghĩ từ-bỏ, ý nghĩ thiện-chí, ý nghĩ vô-hại, nhận thức từ-bỏ, nhận thức thiện-chí, và

nhận thức vô-hại. Có được sáu điều này, một Tỳ kheo sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này— không sự khổ sở, thống khổ, và sốt não—và khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi một nơi-đến tốt lành."

76 (2) Thánh Quả A-la-hán "Này các Tỳ kheo, nếu chưa dẹp bỏ sáu điều, người tu là không khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Sáu đó là gì? Sự tự-ta (ngã mạn), sự tự-ti (ty mạn), sự kiêu-ngạo (quá mạn), sự tự-đại (tự đánh giá mình cao siêu so với mình thực), sự bướng-bỉnh, và sự tự-hèn (tự nhận mình là thấp hèn). Nếu chưa dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán.1430 "Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Sáu đó là gì? Sự tự-ta, sự tự-ti …

• 147

Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán."

77 (2) Cao Siêu "Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ sáu điều, người tu là không khả năng chứng ngộ sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh hiền. Sáu đó là gì? Đó là: sự mờ-rối của tâm (thất niệm), sự thiếu rõ-biết (thiếu tỉnh giác), sự không phòng-hộ các cửa của các căn cảm-nhận (giác quan), sự không tiết-độ trong ăn uống, sự hai mặt ngụy tạo, và sự xu nịnh. Nếu không dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không khả năng chứng ngộ sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự- thấy xứng đáng của bậc thánh hiền. "Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng chứng ngộ sự khác-biệt siêu nhân về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh hiền. Sáu đó là gì? Đó là: sự mờ-rối của tâm, sự thiếu rõ- biết … Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng chứng ngộ sự khác-biệt siêu nhân về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh hiền."

78 (4) Hạnh Phúc "Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một người có nhiều hạnh phúc và niềm vui ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt nền tảng cho sự diệt trừ những ô-nhiễm. Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo vui thích Giáo Pháp, vui thích sự tu-tập [tâm; thiền tập], vui thích sự từ-bỏ, vui thích sự sống độc-thân, vui thích sự không đau-đớn (tức tránh xa kiểu tu hành xác đau đớn), và vui thích sự không tăng-phóng (không để phóng tâm này nọ). Có được sáu phẩm chất này, một người có nhiều hạnh phúc và niềm vui ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt nền tảng cho sự diệt trừ những ô-nhiễm."

148 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

79 (5) Thành Tựu "Có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là không khả năng thành tựu một phẩm chất thiện mà người đó chưa thành tựu hay tăng cường một phẩm chất thiện mà người đó đã thành tựu. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo không thiện khéo về sự đạt-được, (2) không thiện khéo về sự mất-đi, (3) không thiện khéo về những phương-tiện; (4) người đó không khởi tạo mong-muốn để thành tựu những phẩm chất thiện mình chưa thành tựu; (5) người đó không phòng-hộ những phẩm chất thiện mình đã thành tựu; (6) người đó không hoàn-thành những phận-sự của mình thông qua sự

cố- gắng kiên trì. Có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là không khả năng thành tựu một phẩm chất thiện mình chưa thành tựu hay tăng cường một phẩm chất thiện mình đã thành tựu. “Có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là có khả năng thành tựu một phẩm chất thiện mà người đó chưa thành tựu và tăng cường một phẩm chất thiện mà người đó đã thành tựu. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo thiện khéo về sự đạt-được, (2) thiện khéo về sự mất-đi, (3) thiện khéo về những phương-tiện; (4) người đó khởi tạo mong-muốn để thành tựu những phẩm chất thiện mình chưa thành tựu; (5) người đó phòng-hộ những phẩm chất thiện mình đã thành tựu; (6) người đó hoàn-thành những phận-sự thông qua sự cố-gắng kiên trì. Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng thành tựu một phẩm chất thiện mình chưa thành tựu và tăng cường một phẩm chất thiện mình đã thành tựu.”

80 (6) Sự Lớn Lao “Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một Tỳ kheo không bao lâu sẽ đạt tới sự lớn lao và rộng lớn trong những phẩm chất [thiện]. Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có nhiều về ánh-sáng;1431 có nhiều về sự cố- gắng; có nhiều về sự cảm-hứng; người đó không tự-mãn; người đó không lơ là bổn-phận đối với (sự tu tập) những phẩm chất thiện; và người đó

• 149

vươn mình xa hơn nữa. Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo không bao lâu sẽ đạt tới sự lớn lao và rộng lớn trong những phẩm chất [thiện].”

81 (7) Địa Ngục (1) “Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Sáu đó là gì? Người sát-sinh, gian- cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, có tham-muốn xấu ác, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có được sáu phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Sáu đó là gì? Người kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói láo nói sai; người có ít tham muốn (tri túc, thanh bần), và người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được sáu phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

82 (8) Địa Ngục (2) “Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Sáu đó là gì? Người sát-sinh, gian- cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo; người đó tham lam, và hỗn hào. Có được sáu phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Sáu đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo; người không tham lam, và không hỗn hào. Có được sáu phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”



83 (9) Trạng Thái Bậc Nhất “Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là không khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán, là trạng thái bậc nhất. Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo không có niềm-tin, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và bất-chấp về mặt

đạo đức; người đó lười-biếng, và không có trí; và chỉ lo lắng về thân thể và mạng sống. Có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là không khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán, là trạng thái bậc nhất. “Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán, là trạng thái bậc nhất. Sáu đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được niềm-tin, biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và biết sợ-hãi về mặt đạo đức; người đó nỗ-lực (tinh tấn), và có trí; và người đó không lo âu về thân thể và mạng sống. Có được sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán, là trạng thái bậc nhất.”

84 (10) Những Đêm “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có sáu phẩm chất, thì dù cho ngày đến hay đêm đến, đối với người đó chỉ có sự suy đồi trong những phẩm chất thiện, chứ không có sự tăng trưởng. Sáu đó là gì? (1) một Tỳ kheo có những tham-muốn mạnh (đa dục), cảm thấy sầu-sở, và không biết hài-lòng (bất tri túc) với mọi y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh; người đó (2) không có niềm-tin, (3) thất-đức (thiếu giới-hạnh), (4) lười-biếng, (5) có tâm mờ-rối (thất niệm), và (6) không có trí. Khi một Tỳ kheo có sáu phẩm chất này, thì dù cho ngày đến hay đêm đến, đối với người đó chỉ có sự suy đồi, trong những phẩm chất thiện, chứ không có sự gia-tăng “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có sáu phẩm chất, thì dù ngày đến hay đêm đến, đối với người đó chỉ có sự tăng trưởng trong những phẩm chất thiện, chứ không có sự suy đồi. Sáu đó là gì? (1) một Tỳ kheo không có những tham-muốn mạnh (thiểu dục), không cảm thấy sầu-khổ,

• 151

và biết hài-lòng (tri túc) với mọi y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh; người đó (2) được phú cho niềm-tin, (3) đức- hạnh (có giới-hạnh), (4) có nỗ-lực (tinh tấn), (5) có chánh-niệm, và (6) có trí. Khi một Tỳ kheo có được sáu phẩm chất này, thì dù ngày đến hay đêm đến, đối với người đó chỉ có tăng tưởng trong những phẩm chất thiện, chứ không có sự suy đồi.”

NHÓM 4. SỰ NGUỘI MÁT

85 (1) Sự Nguội Mát “Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là không khả năng chứng ngộ sự nguội-mát vô thượng (cao nhất). Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo không trấn áp cái tâm vào lúc nó cần được trấn áp; (2) người đó không cố gắng (nỗ lực, dụng hết) cái tâm vào lúc nó cần được cố gắng; (3) người đó không khích lệ cái tâm vào lúc nó cần được khích lệ; và (4) người đó không nhìn vào cái tâm với sự buông-xả vào lúc người đó nên nhìn nó với sự buông-xả. (5) Người đó có khuynh hướng (tính khí, căn cơ) thấp nhược, và (6) người đó vui thích sự hiện-hữu cá thể (danh tính). Có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là không khả năng chứng ngộ sự nguội- mát vô thượng.1432 “Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ sự mát-nguội vô thượng. Sáu đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo biết trấn áp cái tâm vào lúc nó cần được trấn áp; (2) người đó cố gắng cái tâm vào lúc nó cần được cố gắng; (3) người đó khích lệ cái tâm vào lúc nó cần được khích lệ; và (4) người đó nhìn vào cái tâm với sự buông-xả vào lúc người đó nên nhìn nó với sự buông-xả. (5) Người đó có

khuynh hướng cao ưu, và (6) người đó vui thích Niết-bàn. Có sáu phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng chứng ngộ sự nguội-mát vô thượng.”



86 (2) Những Cản Trở “Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, thì ngay cả khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu cũng không khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’.1433 Sáu đó là gì? Người bị cản trở bởi nghiệp; người bị cản trở bởi sự ô-nhiễm; người bị cản trở bởi hậu-quả (của nghiệp; nghiệp quả); người không có niềm-tin; người không có sự mong-cầu; và người không có trí- khôn.1434 Có sáu phẩm chất này, thì ngay cả khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu cũng không khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’. “Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, thì khi đang lắng nghe1435 Giáo Pháp tốt lành, người tu có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’. Sáu đó là gì? Người không bị cản trở bởi nghiệp; người không bị cản trở bởi ô- nhiễm; người không bị cản trở bởi hậu-quả (của nghiệp; nghiệp quả); người được phú cho niềm-tin; người có sự mong-cầu; và người có trí- khôn. Có được sáu phẩm chất này, khi đang lắng nghe Giáo Pháp, người tu có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân- chính trong những phẩm chất thiện lành’.”

87 (3) Kẻ Sát Nhân “Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, thì ngay cả khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, một người cũng không khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’. Sáu đó là gì? (1) Kẻ từng giết mẹ; (2) kẻ từng giết cha; (3) kẻ từng giết một A-la-hán; (4) kẻ với tâm thù ghét từng làm chảy máu Như Lai; (5) kẻ gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn; (6) người vô trí, ngu si, đần độn. Có sáu phẩm chất này, thì ngay cả khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu cũng không khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành.



“Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, một người có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’. Sáu đó là gì? (1) Không phải là kẻ … (5) … (như đoạn trên) … ; (6) người có trí, thông minh, nhạy bén. Có được sáu phẩm chất này, khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, một người có khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’.”

88 (4) Người Muốn Lắng Nghe “Này các Tỳ kheo, có sáu phẩm chất, thì ngay cả khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, một người cũng không khả năng bước vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’. Sáu đó là gì? Khi Giáo Pháp và giới luật này đã được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được giảng dạy, (1) người đó không mong muốn nghe; (2) người đó không lóng tai lắng nghe; (3) người đó không thiết lập tâm mình để hiểu; (4) người đó nắm bắt sai ý nghĩa; (5) người

đó vứt bỏ ý nghĩa;1436 và (6) người đó chọn cách-tin không phù hợp [với giáo lý].1437 Có sáu phẩm chất này, thì ngay cả đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, một người cũng không khả năng bước vào 'đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành'. "Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất này, khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu có khả năng bước vào 'đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành'. Khi Giáo Pháp và giới luật này đã được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được giảng dạy, (1) người đó mong muốn lắng nghe; (2) người đó lóng tai lắng nghe; (3) người đó thiết lập tâm mình để hiểu; (4) người đó nắm bắt đúng ý nghĩa; (5) người đó vứt bỏ những điều không-phải ý nghĩa; và (6) người đó chọn cách-tin phù hợp [với giáo lý]. Có được sáu phẩm chất này, khi đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành, người tu có khả năng bước vào 'đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành'."



89 (5) Chưa Dẹp Bỏ "Này các Tỳ kheo, nếu chưa dẹp bỏ sáu điều, người tu là không khả năng chứng ngộ sự thành-tựu về cách-nhìn (chánh kiến).1438 Sáu đó là gì? Cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi-ngờ, sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ), tham dẫn tới cảnh giới thống khổ, sân dẫn tới cảnh giới thống khổ, và si dẫn tới cảnh giới thống khổ. Nếu chưa dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không khả năng chứng ngộ sự thành-tựu về cách-nhìn. "Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng chứng ngộ sự thành-tựu về cách-nhìn. Sáu đó là gì? Cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến) … và si dẫn tới cảnh giới thống khổ. Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng chứng ngộ sự thành-tựu về cách- nhìn."

90 (6) Đã Dẹp Bỏ "Này các Tỳ kheo, người đã thành tựu về cách-nhìn (= Nhập-lưu) là đã dẹp bỏ sáu điều. Sáu đó là gì? Cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi-ngờ, sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ), tham dẫn tới cảnh giới thống khổ, sân dẫn tới cảnh giới thống khổ, và si dẫn tới cảnh giới thống khổ. Người đã thành tựu về cách-nhìn là đã dẹp bỏ sáu điều này."

91 (7) Không Còn Có Thể "Này các Tỳ kheo, người đã thành tựu về cách-nhìn (= Nhập-lưu) thì không còn có thể [khả năng] làm khởi sinh sáu điều. Sáu đó là gì? Cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi-ngờ, sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ), tham dẫn tới cảnh giới thống khổ, sân dẫn tới cảnh giới thống khổ, và si



dẫn tới cảnh giới thống khổ. Người thành-tựu về cách-nhìn thì không còn có thể làm khởi sinh sáu điều này."

92 (8) Các Trường Hợp (1) "Này các Tỳ kheo, có sáu trường hợp không còn có thể [khả năng] xảy ra. Sáu đó là gì? Người đã thành tựu về cách-nhìn (= Nhập-lưu) là (1) không còn có thể sống không tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy; (2) đối với Giáo Pháp; (3)

đối với Tăng Đoàn; (4) đối với sự tu-tập; (5) không còn có thể dựa vào điều gì không nên tin dựa;1439 (6) không còn có thể tái sinh lần thứ tám (tức chỉ còn tái sinh tối đã bảy kiếp nữa).1440 Đây là sáu trường hợp không còn có thể xảy ra.”

93 (9) Các Trường Hợp (2) “Này các Tỳ kheo, có sáu trường hợp không còn có thể [khả năng] xảy ra. Sáu đó là gì? Người đã thành tựu về cách-nhìn (= Nhập-lưu) là (1) không còn có thể coi một hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) nào là thường hằng (thường); (2) không còn có thể coi một hiện-tượng có điều- kiện nào là sướng (lạc); (3) không còn có thể coi một hiện-tượng nào là bản ngã (ngã, hữu ngã); (4) không còn có thể làm những nghiệp nặng nghiêm trọng tạo quả báo tức thì (như giết người, tội ác …);1441 (5) không còn có thể tin rằng ‘sự thanh-lọc (bản thân) đạt được nhờ những hành vi mê tín hay vận may’; (6) không còn có thể tìm kiếm người xứng đáng cúng dường bên ngoài chỗ này (tức ngoài Tăng Đoàn).1442 Đây là sáu trường hợp không còn có thể xảy ra.”

94 (10) Các Trường Hợp (3) “Này các Tỳ kheo, có sáu trường hợp không còn có thể [khả năng] xảy ra. Sáu đó là gì? Người đã thành tựu về cách-nhìn (= Nhập-lưu) là (1) không còn có thể giết mẹ; (2) không còn có thể giết cha; (3) không còn có



thể giết một A-la-hán; (4) không còn có thể với tâm thù ghét làm chảy máu Như Lai; (5) không còn có thể gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn; (6) không còn có thể nhận người khác làm Vị Thầy của mình (ngoài Phật là sư thầy tối thượng).1443 Đây là sáu trường hợp không còn có thể xảy ra.”

95 (11) Các Trường Hợp (4) “Này các Tỳ kheo, có sáu trường hợp không còn có thể [khả năng] xảy ra. Sáu đó là gì? Người đã thành tựu về cách-nhìn (= Nhập-lưu) là (1) không còn có thể dựa vào [quan-điểm cho rằng] sự sướng khổ là do mình tạo ra; (2) không còn có thể dựa vào [quan-điểm cho rằng] sự sướng khổ là do người khác tạo ra; (3) không còn có thể dựa vào [quan-điểm cho rằng] sự sướng khổ là do mình và người khác tạo ra; (4) không còn có thể dựa vào [quan-điểm cho rằng] sự sướng khổ là không do mình tạo ra mà chúng đã khởi sinh một cách ngẫu nhiên; (5) không còn có thể dựa vào [quan-điểm cho rằng] sự sướng khổ là không do người khác tạo ra mà chúng đã khởi sinh một cách ngẫu nhiên; (6) không còn có thể dựa vào [quan-điểm cho rằng] sự sướng khổ là không do mình hay người khác tạo ra mà chúng đã khởi sinh một cách ngẫu nhiên. Vì lý do gì? Vì người đã thành tựu về cách-nhìn đã nhìn thấy rõ ràng lý nhân-duyên và những hiện- tượng khởi sinh một cách có nhân-duyên (các pháp duyên khởi). Đây là sáu trường hợp không còn có thể xảy ra.”

NHÓM 5. ÍCH LỢI

96 (1) Sự Xuất Hiện “Này các Tỳ kheo, sự xuất hiện (hiện thị) của sáu điều là hiếm thay trong thế gian. Sáu đó là gì? (1) Sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác là hiếm thay trong thế gian. (2) Người chỉ dạy Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai là hiếm thay trong

thế gian. (3) Sự tái sinh trong cảnh giới những bậc thánh là hiếm thay trong thế gian. (4) Sự được phú cho các căn [cảm nhận] lành mạnh (không khiếm khuyết, không yếu kém) là hiếm thay trong thế gian. (5) Sự thông minh và nhạy bén là hiếm thay trong thế gian. (6) Sự mong muốn có được Giáo Pháp tốt lành là hiếm thay trong thế gian. Sự xuất hiện của sáu điều này là hiếm thay trong thế gian."

97 (2) Những Ích Lợi "Này các Tỳ kheo, có sáu ích lợi trong việc chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Sáu đó là gì? (1) Người đó được cố định trong Giáo Pháp tốt lành; (2) người đó không còn có thể bị suy thoái; (3) sự khổ của người đó được phân định giới hạn (tức sự khổ chỉ còn trong một giai đoạn trước khi giác-ngộ hoàn toàn); (4) người đó đi đến có được (loại) trí-biết (minh) không được chia sẻ bởi người khác (tức những người phàm thường khác không thể có cùng loại trí-biết này); (5) người đó đã nhìn thấy rõ ràng lý nhân-duyên; (6) người đó đã nhìn thấy rõ ràng những hiện-tượng khởi sinh một cách có nhân-duyên (các pháp duyên khởi). Đây là sáu ích lợi trong việc chứng quả Nhập-lưu."

98 (3) Vô Thường "Này các Tỳ kheo, (1) không có chuyện một Tỳ kheo còn coi một hiện-tượng có điều-kiện (một pháp hữu vi) nào là thường-hằng mà sẽ có được sự tin-chắc (cách tin, sự tin, cam kết) phù hợp [với giáo pháp]. (2) Không có chuyện một người không có được sự tin-chắc phù hợp [với giáo pháp] mà sẽ bước vào được 'đạo lộ đã định của sự chân chính'.1444 (3) Không có chuyện một người bước vào được 'đạo lộ đã định của sự chân chính' mà sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán. "Này các Tỳ kheo, (1) có khả năng một Tỳ kheo coi mọi hiện-tượng



có điều-kiện (mọi pháp hữu vi) đều là vô-thường thì sẽ có được sự tin- chắc phù hợp [với giáo pháp]. (2) Có khả năng một người có được sự tin- chắc phù hợp [với giáo pháp] thì sẽ bước vào được 'đạo lộ đã định của sự chân chính'. (3) Có khả năng rằng một người bước vào được 'đạo lộ đã định của sự chân chính' sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán."

99 (4) Khổ "Này các Tỳ kheo, (1) không có chuyện một Tỳ kheo còn coi một hiện-tượng có điều-kiện (một pháp hữu vi) nào là sướng (lạc) mà sẽ có được sự tin-chắc (cách tin, sự tin, cam kết) phù hợp [với giáo pháp]. (2) Không có chuyện một người không có được sự tin-chắc phù hợp [với giáo pháp] mà sẽ bước vào được 'đạo lộ đã định của sự chân chính'. (3) Không có chuyện một người bước vào được 'đạo lộ đã định của sự chân chính' mà sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán. "Này các Tỳ kheo, (1) có khả năng một Tỳ kheo coi mọi hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi) đều là khổ thì sẽ có được sự tin-chắc phù hợp [với giáo pháp]. (2) Có khả năng một người có được sự tin-chắc phù hợp [với giáo pháp] thì sẽ bước vào được 'đạo lộ đã định của sự chân chính'. (3) Có khả năng rằng một người bước vào được 'đạo lộ đã định của sự chân chính' sẽ chứng ngộ được

thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán.”

100 (5) Vô Ngã “Này các Tỳ kheo, (1) không có chuyện một Tỳ kheo còn coi một hiện-tượng có điều-kiện (một pháp hữu vi) nào là hữu ngã mà sẽ có được sự tin-chắc (cách tin, sự tin, cam kết) phù hợp [với giáo pháp]. (2) Không có chuyện một người không có được sự tin-chắc phù hợp [với giáo pháp]

• 159

mà sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’. (3) Không có chuyện một người bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’ mà sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán. “Này các Tỳ kheo, (1) có khả năng một Tỳ kheo coi mọi hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi) đều là vô-ngã thì sẽ có được sự tin-chắc phù hợp [với giáo pháp]. (2) Có khả năng một người có được sự tin-chắc phù hợp [với giáo pháp] thì sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’. (3) Có khả năng rằng một người bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’ sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán.”

101 (6) Niết-bàn “Này các Tỳ kheo, (1) không có chuyện một Tỳ kheo coi Niết-bàn là khổ-đau mà sẽ có được sự tin-chắc (cách tin, sự tin, cam kết) phù hợp [với giáo pháp]. (2) Không có chuyện một người không có được sự tin-chắc phù hợp [với giáo pháp] mà sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’. (3) Không có chuyện một người bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’ mà sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán. “Này các Tỳ kheo, (1) có khả năng một Tỳ kheo coi Niết-bàn là hạnh- phúc thì sẽ có được sự tin-chắc phù hợp [với giáo pháp]. (2) Có khả năng một người có được sự tin-chắc phù hợp [với giáo pháp] thì sẽ bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’. (3) Có khả năng rằng một người bước vào được ‘đạo lộ đã định của sự chân chính’ sẽ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu, (4) thánh quả Nhất-lai, (5) thánh quả Bất-lai, (6) hay thánh quả A-la-hán.”

102 (7) Không Bền (vô thường)

160 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi, thì bấy nhiêu đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về tính vô- thường trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi).1445 Sáu đó là gì? (Người đó nhận thức:) (1) ‘Theo tôi thấy, mọi hiện-tượng có điều-kiện đều không-bền (không tồn tại lâu, không thường hằng). (2) Tâm của tôi sẽ không khoái thích bất cứ thứ gì trong thế gian. (3) Tâm của tôi sẽ lên cao khỏi toàn thể thế gian. (4) Tâm của tôi sẽ nghiêng về Niết-bàn. (5) Những gông-cùm của tôi sẽ bị dẹp bỏ.1446 Và (6) tôi sẽ có được đời sống sa-môn tối thượng.’1447 “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi này, thì bấy nhiêu đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về tính vô-thường trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện.”

103 (8) Rút Dao Ra (khổ) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi, thì bấy nhiêu đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về sự khổ trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện. Sáu đó là gì? (1) ‘Nhận-thức về ‘sự không còn mê-thích’ (sự tỉnh ngộ) sẽ được thiết lập đối với tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, giống như đối với một kẻ sát nhân đã rút dao ra. (2) Tâm của tôi sẽ cao lên khỏi toàn thể thế gian. (3) Tôi sẽ thấy Niết-bàn là bình an. (4) Những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) của tôi sẽ được bứng bỏ. (5) Tôi sẽ là người đã hoàn thành phận-sự. Và (6) tôi sẽ phụng sự Vị Thầy với tâm-từ.’ “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi này, thì bấy nhiêu đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về sự khổ trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện.”

104 (9) Không Tự Tánh (vô ngã) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi, thì bấy nhiêu

• 161

đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về sự vô- ngã trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện. Sáu đó là gì? (1) ‘Tôi sẽ không có ngã [tự tính, bản ngã] nào trong toàn thể thế giới. 1448 (2) Những sự tạo nên cái ‘ta’ (tự ngã) sẽ chấm dứt trong tôi. (3) Những sự tạo nên cái ‘của-ta’ (ngã sở chấp) sẽ chấm dứt trong tôi. (4) Tôi sẽ đi đến có được (loại) trí-biết (minh) không được chia sẻ bởi những người khác (không cùng có được bởi những người phàm thường). (5) Tôi sẽ nhìn thấy rõ ràng lý nhân-duyên. Và (6) ta sẽ nhìn thấy rõ ràng những hiện-tượng khởi sinh một cách do nhân-duyên (những pháp duyên khởi).’ “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo xem xét sáu ích lợi này, thì bấy nhiêu đó cũng đủ để người đó thiết lập sự nhận-thức không giới hạn về sự vô-ngã trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện.”

105 (10) Sự Hiện Hữu “Này các Tỳ kheo, có ba loại sự hiện-hữu nên được dẹp bỏ; [và] người tu nên tu luyện trong ba phần tu-tập.1449 Cái gì là ba loại sự hiện- hữu nên được dẹp bỏ? Đó là (1) sự hiện-hữu trong cõi dục giới, (2) sự hiện-hữu trong cõi sắc giới, và (3) sự hiện-hữu trong cõi vô-sắc giới: đây là ba loại sự hiện-hữu nên được dẹp bỏ. Người tu cần tu luyện trong ba phần tu-tập nào? Đó là tu tập (4) phần giới-hạnh bậc cao (giới-hạnh Tỳ kheo), (5) phần tâm bậc cao (phần thiền-tập), và (6) trong phần trí-tuệ bậc cao (phần trí-tuệ giải thoát). Người tu nên tu luyện trong ba phần tu-tập này. (tức ba phần ‘giới, định, tuệ’ bậc cao của người xuất gia) “Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ ba loại sự hiện-hữu này và đã hoàn thành ba phần tu-tập này, người đó được gọi là một Tỳ kheo là người đã cắt bỏ dục-vọng, đã phá bỏ gông-cùm, và bằng cách hoàn toàn xuyên phá sự tự-ta (ngã mạn), người đó đã làm nên sự chấm-dứt khổ.”

106 (11) Dục Vọng



“Này các Tỳ kheo, có ba loại dục-vọng (ái) này, và ba loại sự tự-ta (ngã mạn) này, nên được dẹp bỏ.1450 Cái gì là ba loại dục-vọng nên được dẹp bỏ? Đó là (1) Dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), (2) dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), và (3) dục-vọng không muốn hiện-hữu (phi-hữu ái): đây là ba loại dục-vọng nên được dẹp bỏ.

Và cái gì là ba loại sự tự-ta nên được dẹp bỏ? Đó là (4) sự tự-ta (ngã mạn), (5) sự tự-ti (sự mặc cảm; ty mạn), và (6) sự ngạo-mạn (quá mạn): đây là ba loại sự tự-ta nên được dẹp bỏ. “Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ ba loại dục-vọng này và ba loại sự tự-ta này, người đó được gọi là một Tỳ kheo là người đã cắt bỏ dục-vọng, đã phá bỏ gông-cùm, và bằng cách hoàn toàn xuyên phá sự tự-ta (ngã mạn), người đó đã làm nên sự chấm-dứt khổ.”

• 163

[Ba NHÓM Thêm Vào Phần Thứ Hai] 1451 NHÓM 1. NHÓM “BA-ĐIỀU”

107 (1) Tham (1) “Này các Tỳ kheo, có ba thứ này. Ba đó là gì? (1) Tham, (2) sân, và (3) si. Đây là ba điều. Ba thứ [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ này. Ba đó là gì? (4) Sự không hấp-dẫn nên được tu tập để dẹp bỏ tính tham (như thiền quán về sự không-hấp dẫn của thân … để dẹp bỏ tham dục, nhục dục). (5) Tâm-từ nên được tu tập để dẹp bỏ tính sân (như thiền quán về tâm-từ để dẹp bỏ sân hận, thù ghét, bực tức). (6) Trí-tuệ nên được tu tập để dẹp bỏ tính si. Đây là ba thứ sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba điều trước.”

108 (2) Những Hành Vi Sai Trái “Này các Tỳ kheo, có ba thứ này. Ba đó là gì? (1) Hành vi thân sai trái, (2) hành vi lời-nói sai trái, và (3) hành vi tâm sai trái. Đây là ba thứ. Có ba thứ [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ này. Ba đó là gì? (4) Hành vi thân thiện lành nên được tu tập để dẹp bỏ hành vi thân sai trái. (5) Hành vi lời-nói thiện lành nên được tu tập để dẹp bỏ hành vi lời-nói sai trái. (6) Hành vi tâm thiện lành nên được tu tập để dẹp bỏ hành vi tâm sai trái. Đây là ba thứ sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ trước.”

109 (3) Những Ý Nghĩ “Này các Tỳ kheo, có ba thứ này. Ba đó là gì? (1) Ý nghĩ về sự tham- dục, (2) ý nghĩ về sự ác-ý, và (3) ý nghĩ về sự làm-hại. Đây là ba thứ. Có ba thứ [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ này. Ba đó là gì? (4) Ý nghĩ về sự từ-bỏ nên được tu tập để dẹp bỏ ý nghĩ về sự tham-dục. (5) Ý nghĩ về sự thiện-chí nên được tu tập để dẹp bỏ ý nghĩ về sự ác-ý. (6) Ý

164 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

nghĩ về sự vô-hại nên được tu tập để dẹp bỏ ý nghĩ về sự làm-hại. Đây là ba thứ sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ trước.”

110 (4) Những Nhận Thức “Này các Tỳ kheo, có ba thứ này. Ba đó là gì? (1) Nhận thức về sự về sự tham-dục, (2) nhận thức về sự ác-ý, và (3) nhận thức về sự làm-hại. Đây là ba thứ. Có ba thứ [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ này. Ba đó là gì? (4) Nhận thức về sự từ-bỏ nên được tu tập để dẹp bỏ nhận thức về sự tham-dục. (5) Nhận thức về sự thiện-chí nên được tu tập để dẹp bỏ nhận thức về sự ác-ý. (6) Nhận thức về sự vô-hại nên được tu tập để dẹp bỏ nhận thức về sự làm-hại. Đây là ba thứ sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ trước.”

111 (5) Những Yếu Tố “Này các Tỳ kheo, có ba thứ này. Ba đó là gì? (1) Yếu tố tham-dục, (2) yếu tố ác-ý, và (3) yếu tố làm-hại. Đây là ba thứ. Có ba thứ [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ này. Ba đó là gì? (4) Yếu tố từ-bỏ nên được tu tập để dẹp bỏ yếu tố

tham-dục. (5) Yếu tố thiện-chí nên được tu tập để dẹp bỏ yếu tố ác-ý. (6) Yếu tố vô-hại nên được tu tập để dẹp bỏ yếu tố làm-hại. Đây là ba thứ sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ trước.”

112 (6) Sự Thỏa Mãn “Này các Tỳ kheo, có ba thứ này. Ba đó là gì? (1) Cách-nhìn của sự sự toại-nguyện (thỏa mãn), (2) cách-nhìn có cái ‘ta’ (ngã kiến), và (3) cách-nhìn sai trái (tà kiến). Đây là ba thứ. Ba thứ [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ này. Ba đó là gì? (4) Nhận-thức về sự vô-thường nên được tu tập để dẹp bỏ cách-nhìn của sự toại-nguyện. (5) Nhận-thức về sự vô-ngã nên được tu tập để dẹp bỏ cách-nhìn có cái ‘ta’. (6) Cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) nên được tu tập để dẹp bỏ cách-nhìn sai trái (tà



kiến). Đây là ba thứ sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ trước.”

113 (7) Không Hài Lòng “Này các Tỳ kheo, có ba thứ này. Ba đó là gì? (1) Sự không hài-lòng, (2) sự làm-hại, và (3) hành-vi trái với Giáo Pháp. Đây là ba thứ. Ba thứ [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ này. Ba đó là gì? (4) Sự tùy-hỷ nên được tu tập để dẹp bỏ sự không hài-lòng. (5) Sự vô-hại nên được tu tập để dẹp bỏ sự làm-hại. (6) Hành-vi đúng theo Giáo Pháp nên được tu tập để dẹp bỏ hành-vi trái với Giáo Pháp. Đây là ba thứ sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ trước.”

114 (8) Biết Hài Lòng “Này các Tỳ kheo, có ba thứ này. Ba đó là gì? (1) Sự không biết hài-lòng (bất tri túc), (2) sự thiếu rõ-biết (thiếu tỉnh giác), và (3) những tham- muốn mạnh (đa dục). Đây là ba thứ. Ba thứ [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ này. Ba đó là gì? (4) Sự biết hài-lòng (tri túc) nên được tu tập để dẹp bỏ sự không biết hài-lòng. (5) Sự rõ-biết (tỉnh giác) nên được tu tập để dẹp bỏ sự thiếu rõ-biết. (6) Sự ít tham-muốn (thiểu dục) nên được tu tập để dẹp bỏ sự tham-muốn mạnh. Đây là ba thứ sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ trước.”

115 (9) Khó Tu Sửa “Này các Tỳ kheo, có ba thứ này. Ba đó là gì? (1) Sự khó tu sửa được (bởi người khác và bởi chính mình), (2) sự có bạn-xấu, và (3) sự xao-lãng tâm. Đây là ba thứ. Ba thứ [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ này. Ba đó là gì? (4) Sự dễ được tu sửa nên được tu tập để dẹp bỏ sự khó được tu sửa. (5) Sự có bạn-tốt nên được tu tập để dẹp bỏ sự có bạn-xấu. (6) Sự chánh-niệm vào hơi-thở nên được tu tập để dẹp bỏ sự xao-lãng tâm. Đây là ba thứ sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ trước.”



116 (10) Sự Bất An “Này các Tỳ kheo, có ba thứ này. Ba đó là gì? (1) Sự bất-an, (2) sự không kiềm-chế, và (3) sự không chuyên-chú (lơ là, phóng dật). Đây là ba thứ. Ba thứ [khác] nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ này. Ba đó là gì? (4) Sự vắng-lặng (định) nên được tu tập để dẹp bỏ sự bất-an. (5) Sự kiềm-chế nên được tu tập để dẹp bỏ sự không kiềm-chế. (6) Sự chuyên-chú nên được tu tập để dẹp bỏ sự không chuyên-chú. Đây là ba thứ sau nên được tu tập để dẹp bỏ ba thứ trước.”

NHÓM 2. ĐỜI SỐNG SA-MÔN

117 (1) Quán Sát Thân 1452 “Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ sáu điều, người tu là không khả năng quán sát thân trong thân. Sáu đó là gì? Sự thích thú làm việc, thích thú nói chuyện, thích thú ngủ, thích thú gặp gỡ giao lưu, không phòng-hộ các cửa của các các căn cảm-nhận (giác quan), và không tiết-độ trong ăn uống. Nếu không dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không khả năng quán sát thân trong thân. “Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu là có khả năng quán sát thân trong thân. Sáu đó là gì? Sự thích thú làm việc … và không tiết-độ trong ăn uống. Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng quán sát thân trong thân.”

118 (2) Quán Xét Thân Ở Bên Trong … “Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ sáu điều, người tu là không khả năng quán sát thân ở bên trong … ở bên ngoài … ở cả bên trong và bên ngoài … quán sát những cảm-giác ở bên trong … ở bên ngoài … ở cả bên



trong và bên ngoài … quán sát tâm ở bên trong … ở bên ngoài … ở cả bên trong và bên ngoài … quán sát những hiện-tượng ở bên trong … ở bên ngoài … ở cả bên trong và bên ngoài. Sáu đó là gì? Sự thích thú làm việc, thích thú nói chuyện, thích thú ngủ, thích thú gặp gỡ giao lưu, không phòng-hộ các cửa của các các căn cảm-nhận (giác quan), và không tiết-độ trong ăn uống. Nếu không dẹp bỏ sáu điều này, người tu là không khả năng quán sát những hiện-tượng ở cả bên trong và bên ngoài. “Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ sáu điều, người tu có khả năng quán sát thân ở bên trong … … những hiện-tượng ở cả bên trong và bên ngoài. Sáu đó là gì? Sự thích thú làm việc … và không tiết-độ trong ăn uống. Sau khi đã dẹp bỏ sáu điều này, người tu là có khả năng quán sát thân ở bên trong … … những hiện-tượng.”

119 (3) Tapussa “Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, gia chủ Tapussa đã đạt tới sự chắc-chắn (tin chắc) về Như Lai và đã trở thành bậc nhìn-thấy của sự bất-tử, là người sống sau khi đã chứng ngộ sự bất-tử. Sáu đó là gì? Niềm- tin bất lay chuyển vào Đức Phật, niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, niềm-tin bất lay chuyển vào Tăng Đoàn, giới-hạnh thánh thiện (của bậc thánh), trí-biết thánh thiện, và sự giải-thoát thánh thiện. Có được sáu phẩm chất này, gia chủ Tapussa đã đạt tới sự chắc-chắn về Như Lai và đã trở thành bậc nhìn-thấy của sự bất-tử, là người sống sau khi đã chứng ngộ sự bất-tử.”1453

120 (4)  139 (23) Bhallika … “Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm chất, gia chủ Bhallika … gia chủ Sudatta Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) … gia chủ Citta ở Mac- chikāsaṇḍa … gia chủ Hatthaka ở Āḷavī … gia chủ Mahānāma (Đại Danh) người họ tộc Thích-ca … gia chủ Ugga ở Vesālī … gia chủ Uggata … gia



chủ Sūra ở Ambaṭṭha … gia chủ Jīvaka Komārabhacca … gia chủ Naku- lapitā (cha của Nakula) … gia chủ Tavakaṇṇika … gia chủ Pūraṇa … gia chủ Isidatta … gia chủ Sandhāna … gia chủ Vijaya … gia chủ Va- jjiyamāhita … gia chủ Meṇḍaka … đệ tử tại gia Vāseṭṭha … đệ tử tại gia Ariṭṭha … đệ tử tại gia Sāragga đã đạt tới sự chắc-chắn (tin chắc) về Như Lai và đã trở thành bậc nhìn-thấy của sự bất-tử, là người sống sau khi đã

chứng ngộ sự bất-tử. Sáu đó là gì? Niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật, niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, niềm-tin bất lay chuyển vào Tăng Đoàn, giới-hạnh thánh thiện (của bậc thánh), trí-biết thánh thiện, và sự giải-thoát thánh thiện. Có được sáu phẩm chất này, gia chủ Tapussa đã đạt tới sự chắc-chắn về Như Lai và đã trở thành bậc nhìn-thấy của sự bất-tử, là người sống sau khi đã chứng ngộ sự bất-tử."

NHÓM 3. NHÓM "THAM" LẶP LẠI & TÓM LƯỢC

140 (1) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, sáu điều (pháp tu) nên được tu tập. Sáu đó là gì? Sự nhìn-thấy vô thượng, sự-nghe vô thượng, sự có-được vô thượng, sự tu-tập vô thượng, sự phục-vụ vô thượng, và sự tưởng-niệm (tùy niệm) vô thượng. Để có sự trực-tiếp biết về tham, sáu điều này nên được tu tập."

141 (2) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, sáu điều (pháp tu) nên được tu tập. Sáu đó là gì? Sự tưởng niệm về Phật, sự tưởng niệm về Giáo Pháp, sự tưởng niệm về Tăng Đoàn, sự tưởng niệm về giới-hạnh, sự tưởng niệm về sự rộng lòng bố-thí, và sự tưởng niệm về những thiên-thần. Để có sự trực-tiếp biết về tham, sáu điều (pháp tu) này nên được tu tập."

• 169

142 (3) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, sáu điều (pháp tu) nên được tu tập. Sáu đó là gì? Nhận-thức về sự vô-thường, nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô thường, nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, nhận-thức về sự dẹp-bỏ, nhận-thức về sự chán-bỏ, và nhận-thức về sự chấm-dứt. Để có sự trực-tiếp biết về tham, sáu điều này nên được tu tập."

143 (4)  169 (30) "Này các Tỳ kheo, để có sự hoàn-toàn hiểu về tham ... sự phá-sạch tham ... sự dẹp-bỏ tham ... sự tiêu-diệt tham ... sự biến-mất tham ... sự phai-biến tham ... sự chấm-dứt tham ... sự buông-bỏ tham ... sự từ-bỏ tham, sáu điều (pháp tu) này nên được tu tập. Sáu đó là gì? ... [như kinh kế trên] ... Để có sự từ-bỏ tham, sáu điều này nên được tu tập."

170 (31)  649 (510) 1454 "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết ... sự hoàn-toàn hiểu ... sự phá-sạch ... sự dẹp-bỏ ... sự tiêu-diệt ... sự biến-mất ... sự phai-biến ... sự chấm-dứt ... sự buông-bỏ ... sự từ-bỏ sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-bạo ... sự chê-bai ... sự hỗn-xược ... sự ganh-tỵ ... sự ti-tiện ... sự lừa-dối ... sự mưu-mẹo ... sự bướng-bỉnh ... sự thái-quá (quá đáng, quá lố, dữ dội) ... sự tự-ta (ngã mạn) ... sự kiêu-ngạo (ngạo mạn) ... sự say- sưa ... sự lơ-tâm phóng dật, sáu điều (pháp tu) này nên được tu tập. Sáu đó là gì? ... [như kinh kế trên] ... Để có sự từ-bỏ tham, sáu điều này nên được tu tập." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

170 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

HẾT QUYỂN 6

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH: AN Aṅguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka, bản điện tử) Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản PTS) Ce: phiên bản Tích Lan (= Buddha Jayanti Tripitaka Series, bản in giấy) Mp Manorathapūraṇī: Luận Giảng Bộ Kinh AN Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN NDB = Nummerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của AN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề. SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

Lưu Ý: Khi chữ Be và Ce được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng Mp, là chúng tương ứng chỉ ấn bản Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan Simon Hewavi- tarne Bequest (1923–31). Nếu chỉ ghi Mp không thôi thì đó là luận giảng Mp thuộc ấn bản điển tử của Chaṭṭha Saṅgāyana.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

∗ AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

172 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

∗ DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ) It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN) It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN) ∗ KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ) Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) ∗ MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ) Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN) Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN) Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN) Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN) Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN) Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi) Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN) ∗ SN = Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ) Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng

Bảng Viết Tắt • 173

Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN

(phiên bản Miến Điện) Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN) Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN) Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN) Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi) Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện) Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật) Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề)

EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman)

GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman)

Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi



học giả Walshe) MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli và TKBĐ) Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto) DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera) MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn- Anh (của Monier-William) PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC: BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids) PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali) Skt = Sanskrit: tiếng Phạn VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda

Lưu Ý: Các trích dẫn kinh gốc tiếng Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Các trích dẫn từ Udāna và

Itivuttaka thì ghi số kinh theo sau là số

Bảng Viết Tắt • 175

trang của ấn bản PTS. Còn trích dẫn từ Vism cũng được ghi kèm theo bằng số chương và số đoạn trong Ppn.

176 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

CHÚ THÍCH

1251 [Nguyên văn câu này: N'eva sumano hoti na dummano, upekkhako viha-

rati sato sampajāno. Mp giải nghĩa: "Không vui: không [đầy] vui thích đi kèm bởi tham-dục đối với một đối tượng dễ ưa đáng thích. Không buồn: không [đầy] sân-bực đối với một đối tượng khó ưa đáng ghét. Nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và có sự rõ-biết (tỉnh giác): ở đây không phải nghĩa người đó buông xả do tâm rớt vào trạng thái 'buông xả hay trung tính do không-biết' (aññāṇ'upekkhā) nghĩa là thờ ơ, trơ không, ngơ không, vô ý thức đối với một đối tượng trung-tính; mà ở đây có nghĩa là: do có chánh- niệm và sự rõ-biết, nên người đó giữ được sự trung-dung (không thích không ghét, không này không nọ, chỉ bình tâm) đối với một đối-tượng. Trong kinh này, ở đây, là chỉ về sự an trú trường trực của một A-la-hán.] (1251)

1252 [Về chi tiết về 05 loại trí-biết trực tiếp thuộc thế tục đầu tiên này, coi

Vism, chương 12 và 13.] (1252)

1253 [Coi kinh 5:139, ở đó ví dụ được thay bằng 'một con voi đực của vua'.]

(1253)

1254 [Sáu điều vô thượng này sẽ được lặp lại và nói thêm ở kinh 6:30 ở dưới.]

(1254)

1255 [Sáu sự tưởng niệm này được nói lại ở kinh 6:10 và kinh 6:25 ở dưới.]

(1255)

1256 [Nguyên văn câu này: Ariyasāvako āgataphalo viññātasāsano. Mp nói

rằng Mahānāma chỉ đang hỏi về những sự trợ-giúp quan trọng nhất (sống còn) của một bậc Nhập-lưu (sotāpannassa nissayavihāraṃ).] (1256)

1257 [Sáu sự tưởng niệm sau đây cũng được giảng luận chi tiết trong Thanh

Tịnh Đạo, Vism, chương 7.] (1257)

1258 [Nguyên văn câu cuối này: Visamagatāya pajāya samappatto. Mp chú

giải là: "Giữa những chúng sinh đã bị mất cân bằng (visamagatesu) bởi tham, sân, si, người đó chứng đắc sự bình an và bình lặng (samaṃ upasa-

178 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

maṃ patto hutvā).” Từ cách chú giải này cho thấy Mp đã coi chữ Pāli sama là đồng nghĩa với chữ śama [bình an] trong tiếng Phạn. Nhưng do lời kinh có thiết lập sự tương phản giữa trạng thái visama [không cân bằng, mất cân bằng, mất thăng bằng, hoặc không chân chính, không đúng đắn] là bản chất cách sống của người phàm tục và trạng thái sama mà bậc thánh tu chứng được, cho nên sẽ đúng hơn rằng chữ Pāli sama là tương ứng với chữ sama trong tiếng Phạn (không phải śama). Hai bản kinh tương đương trong Hán tạng cũng ủng hộ nghĩa này. Trong luận giảng Hán tạng SĀ² 156, ở T II 432c15–16, có ghi:  (Dù đối với kẻ thù hay người thân thuộc, người tu đều không có ý nghĩ hung bạo mà tâm luôn được cân bằng). Luận giảng khác của Hán tạng T 1537.8, chỗ T XXVI 492c13–15, có ghi  (Giữa những chúng sinh mất cân bằng, người đó đạt được sự cân bằng; giữa những chúng sinh khổ ải, người đó sống không khổ ải). Cho dù trái với cách hiểu của Mp về chữ sama, nhưng cách diễn dịch này cũng xác thực được nghĩa của bài kinh.] (1258)

(Nhân tiện, đoạn kinh người dịch để trong {…} là giống nhau; và kinh gốc ghi đầy đủ trong các đoạn (1)-(6) như vậy chứ không ghi tóm lược từ đoạn (2) … như thường thấy trong các kinh khác; (trong kinh song hành 11:11 cũng ghi đầy đủ vậy). Người dịch Việt nghĩ đó là dụng ý của những thánh tăng kết tập, vì sự tưởng-niệm nào cũng quan trọng và để khi có ai muốn giảng giải về một sự tưởng-niệm nào thì ở đó có sẵn nguyên văn đầy đủ để giảng giải.)

1259 [Dhammasotaṃ samāpanno. Mp giải nghĩa là: “Người đó đã chứng nhập

vào dòng chảy của Giáo Pháp gồm có sự minh-sát”. Bởi vì cụm chữ diễn đạt này trong tiếng Pāli có thể dễ dàng được rút gọn lại thành sotāpanna, tôi không hiểu tại sao Mp lại diễn dịch chữ dhammasota là sự minh-sát (vipas- sanā) thay vì nó là thánh đạo (ariyamagga). Trong kinh SN 55:05 (Quyển 5), chữ sota đã được dùng như một ẩn dụ cho bát thánh đạo.] (1259)

1260 [06 loại đầu là những thiên thần thuộc 06 cõi trời dục-giới. Những thiên

thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā (brahmakāyikā devā) là những thiên thần của cõi trời Brahmā (phạm thiên giới) đó. Còn “những thiên thần cao hơn những thiên thần đó” là chỉ những thiên thần bậc cao hơn ở những



cõi trời sắc-giới và vô-sắc giới.] (1260)

1261 [Dhammā sāraṇīyā: nguyên tắc để hòa hợp. Mp giải nghĩa chữ sāraṇīyā

như nó có nghĩa là “phù hợp để được nhớ, đáng được nhớ” (saritabbayut- takā), nhưng học giả Edgerton, trong quyển BHSD (trang 593), thì coi chữ saṃrañjana, saṃrañjanīya có nghĩa là “lịch sự, dễ mến, lễ phép, thân thiện” là đúng với nghĩa của chữ tương đương trong tiếng Phạn. 05 trong 06 nguyên tắc này cũng đã được nói trong kinh 5:105, trong kinh đó chúng được gọi là “những phương tiện để sống một cách thư thái an ổn” (phāsuvihārā).] (1261)

1262 [Nguyên văn chữ này: appaṭivibhattabhogī. Mp giải thích có 02 sự cất

giữ hay giữ lại (dve paṭivibhattāni), đó là sự giữ lại cho mình và sự giữ lại cho người khác. Giữ lại cho mình là người đó muốn cho đi phần nào và giữ lại phần nào cho riêng mình. Giữ lại cho người khác là người đó muốn giữ lại để cho một người nào đó, chứ không cho đưa ra hết cho mọi người. Một Tỳ kheo thì không được giữ lại theo những nghĩa đó.] (1262)

1263 [Nissāraṇīyā dhātuyo: những yếu tố của (làm nên) sự thoát-khỏi (coi chú

thích 1204 về chữ này ở đầu kinh 5:200). So sánh kinh 5:200 trong đó mô tả một bộ "05 yếu-tố" khác làm nên sự thoát-khỏi.] (1263)

1264 [Arati: sự không vui-lòng, không hài-lòng. Chữ này thường có nghĩa chỉ

sự không mãn nguyện hay không thỏa lòng với đời sống xuất gia tu hành.] (1264)

1265 [Lời kinh ở đây dùng chữ rāga, trong ngữ cảnh này có lẽ chỉ những

'thiên hướng cá nhân' hơn là chỉ tham-dục. Điều thú vị là, trong kinh MN 424, mục 33–34, chữ upekkhā (xả) là đối nghĩa với chữ paṭigha (ghét, bực, chê), và chữ paṭigha là đối cực của chữ rāga (tham, muốn, ham). Chiếu theo nghĩa của chữ upekkhā (xả) là một trạng thái cân-bằng bên trong đối với cả 02 sự đáng thích hấp dẫn và sự đáng chê đáng bực, thì sẽ suy ra chỗ này là không đáng ngạc nhiên nếu chữ xả được đưa ra làm thuốc giải độc cho 02 bản tính tham thích và chê ghét.] (1265)

1266 [Animittā cetovimutti: sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm. Mp chú giải

rằng: "Sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm là sự minh-sát mạnh mẽ (balavavi- passanā). Nhưng những người đọc theo Bộ Kinh Dài (DN) thì nói đó là sự



chứng thiền của thánh quả A-la-hán (arahattaphalasamāpattī), nó được coi là vô dấu-hiệu vì nó không có những dấu-hiệu của tham, sân, si, những dấu- hiệu của sắc, vô-sắc ... và những dấu-hiệu của sự thường-hằng, hữu-ngã ... (sā hi rāganimittādīnañc'eva rūpanimittādīnañca niccanimittādīnañca ab- hāvā animittā ti vuttā).] (1266)

1267 [Nimittānusārī: chạy theo những dấu-hiệu. Mp chú giải rằng: "Chạy theo

những dấu hiệu nghĩa là chạy theo những dấu hiệu đã nói trên." Và "những dấu-hiệu được nói trên" đã được nói trong chú thích kế trên.] (1267)

1268 [Theo sự tương quan giữa những giai đoạn chứng-ngộ và sự loại bỏ ô-

nhiễm thì sự nghi-ngờ và hoang-mang cùng với quan-điểm có cái 'Ta' (ngã kiến) sẽ được loại bỏ bằng sự chứng đắc thánh quả Nhập-lưu, và sự tự-ta (ngã mạn, tự ngã) sẽ được loại bỏ bằng thánh quả A-la-hán [coi SN 22:89 (Quyển 3)]. Còn trong đoạn kinh này, sự còn nghi-ngờ chỉ là một tiêu chí để chỉ ra rằng người tu chưa loại bỏ được sự tự-ta (ngã mạn) mà thôi.] (1268)

1269 [“Sống qua hay trải qua thời gian của mình” là tạm dịch nghĩa. Nguyên

văn chữ gốc là vihāraṃ kappeti có nghĩa gốc là: “thu xếp nơi ở của mình”. Chữ kappeti, gợi tả về cách qua đời, cũng được dùng trong những cách diễn tả như trong chữ jīvitaṃ kappeti: kiếm sống, tạo nên cuộc sống; trong chữ vāsaṃ kappeti: làm chỗ ở, tạo nên chỗ ở, trú ở; trong chữ nisajjaṃ kappeti: ngồi, ngồi xuống …] (1269)

1270 [Nguyên văn câu này: Na bhaddakaṃ maraṇaṃ hoti, no bhaddikā kāla-

kiriyā. Tiếng Pāli thường dùng cặp đôi 02 chữ để chỉ về cái chết là maraṇa và kālakiriyā. Mp cho rằng “không có cái chết tốt lành” có nghĩa là bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa (apāye paṭisandhiṃ gaṇhāti).] (1270)

1271[Nguyên văn câu này: Kammārāmo hoti kammarato kammārāmataṃ anuyutto. Trong ngữ cảnh bài kinh, chữ kamma có nghĩa là công việc xây dựng, rất phổ biến trong những tịnh xá (chùa chiền, tu viện) như xây, sửa, nâng cấp những phòng ốc, chỗ ở, chỗ này chỗ nọ.] (1271)

1272 [Nguyên văn câu này: Papañcārāmo hoti papañcarato papañcārāmataṃ

anuyutto. Mp nói: “Sự tăng phóng ở đây là sự bội tăng của những ô-nhiễm xảy ra theo dục-vọng, tà-kiến này nọ, và sự tự-ta (ngã mạn), và sự gây ra sự



say-sưa” (papañco ti taṇhādiṭṭhimānavasena pavatto madanākārasaṇṭhito kilesapapañco).

- Về chữ papañca, coi thêm chú thích 881 ở kinh 4:173 ở (1) thứ hai.] (1272)

1273 [Chữ này là sakkāya (nghĩa là thân, chỉ danh tánh, sự hiện-hữu cá thể).

Mp giải nghĩa đó chính là: “Vòng (luân hồi) hiện-hữu trong ba cõi giới” (tebhūmakavaṭṭaṃ).] (1273)

1274 [Nguyên văn là: mago, nghĩa gốc là “một thú vật”. Mp giải nghĩa đó là:

“Người như thú” (magasadiso).] (1274)

1275 [Chữ gốc là sāpekkho. Mp giải nghĩa là sataṇho: với dục-vọng, còn mang

theo dục-vọng, nhưng tôi tin nghĩa kinh ở đây chỉ đơn giản là “còn sự lo lắng, còn lo âu, còn ưu sầu”. Tiếng Pāli chữ apekkhā (lo, lo lắng) có thể chứa cả 02 nghĩa ‘sự ràng buộc’ và ‘sự lo lắng’.] (1275)

1276 [Mp nói rằng: do vợ ông ta không có thể chữa trị cho ông bằng thuốc

thang, nên bà ta đã cất lên “tiếng gầm sư tử” (sīhanāda) để trị tâm bệnh của ông bằng những lời tuyên bố về sự-thật (saccakiriyā) như vậy, (và nhờ đó ông đã khỏi bệnh).] (1276)

1277 [Chỗ này tôi đọc theo Ce là varaṃ, khác với Be và Ee ghi là gharaṃ. Mp

chú giải nghĩa là: “sẽ lấy chồng khác” (aññaṃ sāmikaṃ gaṇhissati). Coi thêm SED sv vara2 ghi là: “‘người chọn’, là người van xin một cô gái cưới mình, người cầu hôn, người yêu, chú rể, chồng.”] (1277)

1278 [Nguyên văn câu cuối: bahaṭṭhakaṃ brahmacariyaṃ. Không có gì lạ thường trong truyền thống Phật giáo có những cặp vợ chồng đã có con nhưng do họ hiếu đạo nên đã đồng ý với nhau giữ giới độc-thân (tức không quan hệ tính dục, giữ tám giới).] (1278)

1279 [Vì cấu trúc của điều (4) này là song hành với điều (5) và (6) ở dưới, chứ

không song hành với 03 điều đầu tiên, cho nên rõ ràng chữ mam’accayena không thuộc về chỗ này. Mặc dù cách ghi này đều có trong tất cả 03 phiên bản đã được in, nhưng theo một chú giải bằng tiếng Tích Lan cổ [Sinhala] trong phiên bản Ee thì bỏ chữ này. Giống như ở 02 điều cuối, câu này không



có động từ tương lai là bhavissati. Thêm nữa, ngay chỗ này, cùng cách tuyên bố ‘sự-thật hiện tại’ (cũng như 02 điều cuối): lúc này Nakulamātā khẳng định bà ta hiện tại đã hoàn thiện về giới-hạnh, và nói rằng ai còn nghi ngờ về điều này thì có thể đến hỏi nhờ Phật xác minh. Như vậy, vì Nakulamātā đang nói về sự-thật đang có rồi, cho nên bà ta không cần nói tới lúc chồng bà qua đời là thời tương lai nữa, (chẳng hạn bà ta không cần phải nói: ‘khi ông chết tôi sẽ hoàn thiện giới-hạnh’). Mp cho rằng điều (4), (5), (6) là 03 sự tuyên bố về sự-thật bởi Nakulamātā.] (1279)

1280 [Nguyên văn câu này: Na … imasmiṃ dhammavinaye ogādhappattā patigādhappattā assāsappattā. Tất cả những yếu tố này đều để chỉ phẩm chất tối thiểu là thánh quả Nhập-lưu. Điều thú vị là bà ta đã tuyên bố mình đã đạt được chân-đứng trong Giáo Pháp và giới luật (dhammavinaya) này, điều này cho thấy trong một số ngữ cảnh chữ giới luật (vinaya) mang một nghĩa rộng hơn cái nghĩa chính là những điều luật, những giới-luật tu hành.] (1280)

1281 [Nguyên văn câu cuối là: Yāvadatthaṃ seyyasukhaṃ passasukhaṃ mid-

dhasukhaṃ anuyutto viharanto. Trong kinh 5:206, đoạn (4), cũng có nói về sự ‘thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ’, trong kinh đó những tật xấu này được gọi là sự trói-buộc của tâm (cetaso vinibandha).] (1281)

1282 [Về năm điều cần tu tập được nói trong đoạn kết này: quý vị coi thêm

kinh 5:56.] (1282)

1283 [Điều thú vị khi đọc ở đây là (về mặt từ ngữ cũng như về mặt kỹ thuật)

‘sự chánh-niệm về cái chết’ lại dẫn tới đỉnh-cao là sự bất-tử.] (1283)

1284 [Mp chú giải lời thán mở đầu, aho vata, là một cách diễn tả sự khao-khát

(patthanatthe nipāto). Nhà sự Brahmāli đã từ chối sự diễn dịch của Mp và coi câu này là một sự tuyên bố nhấn mạnh về điều thật, trong đó thầy ấy đã dịch là: “Đúng thực, tôi có thể sống chỉ một đêm và một ngày; tôi nên chú- tâm tới giáo lý của đức Thế Tôn.”

Phiên bản tương đương trong Hán tạng, EĀ 40.8 [T I 741c26–742b2], thì hầu như đồng nghĩa với cách diễn dịch của Mp. Như vậy Tỳ kheo thứ nhất nói [ở T I 742a2–3] rằng: "Khi tôi quán niệm cái chết, tôi mong muốn sống tiếp được 07 ngày [và] quán niệm bảy chi giác- ngộ. Điều này sẽ rất hữu-ích [cho tôi] đối với giáo lý của Như Lai [và] sau



khi chết tôi sẽ không có những sự hối-tiếc" ( ).]
(1248)

1285 [Nguyên văn câu này: Bahuṃ vata me kataṃ assa. Mp giải nghĩa là:

"Con có thể thành tựu nhiều trong việc tu của con đối với giáo lý đó." (sāsane mama kiccaṃ bahu kataṃ assa). Mp-ṭ giải thích là: "Ta sẽ thành tựu nhiều trong việc tu của ta là một Tỳ kheo, điều đó sẽ có ích lợi cho ta."] (1285)

1286 [Mp-ṭ chú giải rằng: "Một bữa cơm khất thực: là một bữa cơm khất thực

có thể nuôi sống thân trong một ngày." Cái ý mà thành ngữ Pāli tadantaraṃ … yadantaraṃ muốn nói ở đây không phải là người đó muốn sống đủ lâu để ăn một bữa cơm duy nhất, mà ý là, người đó ý thức rõ về sự không chắc-chắn về cái chết sẽ đến bất cứ lúc nào, nên người đó muốn được sống thêm một khoảng thời gian cho dù ngắn ngủi [chỉ bằng thời gian ăn một bữa cơm khất thực] để thực hành Giáo Pháp. Nói cách khác, nếu thời gian để ăn một bữa cơm trong im lặng là khoảng 20 phút, người đó hy vọng được sống thêm một khoảng thời gian đó. (Nghĩa trong tiếng Việt có thể là: "Không biết mình sẽ chết bất cứ lúc nào, nên luôn coi thời gian 'khoảng 20 phút' cũng là quý báu, do vậy phải nên chú-tâm tu tập theo Giáo Pháp để hy vọng thành tựu được nhiều hơn trước khi chết". Đó là một cách quán niệm về cái chết.).] (1286)

1287 [Rattiyā patihitāya. Chữ patihita [hoặc paṭihita] không có trong PED; coi

SED sv pratidhā. Nó là quá khứ phân từ của patidahati (bắt đầu, khởi đầu, tiếp cận), có vẻ thích hợp ở đây. Mp giải nghĩa là = paṭipannāya.] (1287)

1288 [Tôi đọc theo Be là parihāyamāne, khác với Ce và Ee ghi là parihānāya

saṃvattamāne.] (1288)

1289 [Tám dòng kệ cuối cũng có trong kinh 3:36. Ở đây, cả 03 phiên bản đều

ghi là te khemappattā trong dòng cuối.] (1289)

1290 [Lời kinh dùng chữ số ít himavantaṃ pabbatarājaṃ. Tôi tạm dịch chữ

himavantaṃ ở thể số nhiều là "dãy núi Himalaya" mặc dù theo sau đó là câu thể số ít "vua" của những ngọn núi.

- (Nghĩa bóng ở đây là: người tu tập được những điều như vậy là rất hùng

mạnh, có thể chẻ phá cả dãy núi Hymalaya cao lớn chắc chắn đó, sá chi việc phá vỡ sự vô-minh 'được so là chuyện nhỏ và dễ phá hơn nhiều'.)] (1290)

1291 [Mp chú giải: "Người đó thiện khéo về chứng đắc sự định-tâm (samādhissa samāpattikusalo): là người đó thiện khéo trong sự chứng nhập vào sự định-tâm (tầng thiền định), sau khi đã hiểu rõ loại thức ăn và khí hậu nào là phù hợp (!). Thiện khéo về thời-gian (chứng nhập trong) sự định-tâm (samādhissa ṭhitikusalo): là người đó có khả năng ổn định sự định-tâm (trong bao lâu). Thiện khéo về sự thoát-ra khỏi sự định-tâm (samādhissa vuṭṭhāna- kusalo): là người đó có thể thoát ra khỏi trạng thái định-tâm vào một thời- điểm đã chọn (trước khi nhập định). Thiện khéo về sự phù-hợp cho sự định- tâm (samādhissa kallitakusalo): là người đó có thể làm hoan-hỷ cái tâm để đạt-định, làm cho nó phù hợp. Thiện khéo về trú-xứ [lĩnh vực] của sự định- tâm (samādhissa gocarakusalo): là sau khi đã tránh bỏ những điều là không thích hợp và không hữu ích cho sự định-tâm, sau khi theo đuổi những điều là thích hợp và hữu ích cho sự định-tâm, người đó hiểu: 'Sự định-tâm này lấy một dấu-hiệu (tướng) làm đối-tượng của nó; sự định-tâm này lấy một đặc- điểm (nét) làm đối-tượng của nó.' Thiện khéo về giải-pháp đối với sự định- tâm (samādhissa abhinīhārakusalo): để mà có thể chứng nhập những tầng chứng đắc thiền định cao hơn và cao hơn, người đó có thể hướng [cái tâm] tới sự định-tâm của tầng thiền định thứ nhất và tiếp tục cao hơn." Mp-ṭ bổ sung thêm những thông tin về những kỹ năng này là: "Thiện khéo về sự phù-hợp: là có khả năng làm cái tâm chứng nhập [sự định-tâm] bằng cách loại bỏ những trạng thái đối nghịch và bằng cách áp dụng một cách cân bằng những nhân cộng tác để tạo ra sự định-tâm. Thiện khéo về trú-xứ: là thiện khéo về điều được làm để tạo ra sự định-tâm; là thiện khéo về 'nơi' nó xảy ra, đó là: chủ-đề thiền hay đề-mục thiền, và thiện khéo về sự cài sự chánh-niệm và sự rõ-biết vào khu-vực để đi khất-thực một vòng. Thiện khéo về giải-pháp: là có khả năng hướng hay dẫn dắt [cái tâm] tới sự định-tâm của tầng thiền định thứ nhất … thứ hai … vân vân, bởi vì chúng thuộc về sự khác-biệt." Để đọc thêm những kỹ năng cần có để làm chủ sự định-tâm, mời coi thêm kinh 7:40–41 và cả Chương 34 của Bộ Kinh Liên Kết (SN).] (1291)

- (Nhân tiện: Về chữ trú-xứ (lĩnh vực, lãnh địa), có một câu trong kinh MN 33 coi như đã giải nghĩa chữ này như vầy: "Này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là thiện khéo về những trú xứ? Ở đây, này các Tỳ



kheo, một Tỳ kheo hiểu được 'bốn nền tảng chánh-niệm' (satipaṭṭhāna, tứ niệm xứ) đúng như chúng thực là. Này các Tỳ kheo, đây là cách một Tỳ kheo là thiện khéo về những trú xứ.").

1292[Mp giải nghĩa chữ anussatiṭṭhānāni là = anussatikāraṇāni (những nguyên nhân tưởng niệm), trong đó Mp-ṭ bổ sung: "Bản thân những sự tưởng niệm là 'những nguyên nhân tưởng niệm' trong đó chúng có chức năng là nguyên nhân (hetubhāvato) dẫn tới những ích lợi và hạnh phúc thuộc kiếp này và kiếp sau.] (1292)

1293 ["Này các Tỳ kheo, 'tham' là một cách để chỉ năm đối-tượng khoái-lạc

giác quan" (Idampi kho bhikkhave ārammaṇaṃ karitvā). Trong 05 bộ kinh Nikāya, chữ ārammaṇa không có nghĩa là "đối-tượng của thức" theo cách dùng thông thường, chỉ có trong Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) và các luận giảng thì chữ đó mới được nói theo nghĩa đó. Nhiều chỗ trong các bộ kinh thì chữ ārammaṇa có thể chỉ một đối-tượng thiền, cho dù vai trò này thông thường được dùng bằng chữ nimitta, và nó không nhất thiết có nghĩa là "dấu- hiệu đối ứng" như trong các giảng luận thường nói. Tôi không dịch lời kinh ở đây để nói rằng người tu lấy sự tưởng niệm Phật là một đối-tượng, mà dịch là người tu làm nó thành một cơ-sở, hay điểm xuất phát, để rời khỏi tham. Về nghĩa này, tôi đã lấy sự ủng hộ từ luận giảng Mp-ṭ, trong đó có chú giải chữ ārammaṇaṃ karitvā như vầy: "Sau khi đã làm nó thành một điều-kiện (duy- ên), làm nó thành một nền-tảng (xứ)" (paccayaṃ karitvā pādakaṃ katvā).

- Mp-ṭ coi chữ "này" (idam) trong bổ đề trên là chỉ trạng thái cận định (upacārajjhāna) đạt được nhờ sự tưởng niệm Phật. Mp thì giải thích chữ "được thanh lọc" (visujjhanti) ở đây có nghĩa là: "họ đạt tới Niết-bàn, sự thanh lọc tối thượng".] (1293)

1294 [Mp giải thích: Chữ "giữa nơi bị giam cầm (sambādhe): là giữa cái sự bị

giam hãm trong năm đối-tượng khoái-lạc giác quan. "Đã khám phá ra lối-mở (okāsādhigamo): lối-mở ở đây là chỉ sáu chủ-đề để tưởng niệm (quán tưởng, tùy quán) mà Phật đã khai mở.] (1294)

1295 [Trong kinh kế trước câu cuối này ghi là idh'ekacce sattā visujjhanti,

trong kinh này thì ghi là idh' ekacce sattā visuddhidhammā bhavanti. Nhưng



nghĩa không khác gì nhau.] (1295)

1296 [Nguyên văn câu này: Manobhāvanīyassa bhikkhuno dassanāya upasaṅkamituṃ. Các luận giảng đều giải thích chữ manobhāvanīyā có nghĩa là "những người gia tăng sự kính trọng", hay "những người đáng được kính trọng" hơn là nghĩa "những người đã tu tập cái tâm". Trong luận giảng Spk II 250,1–2 thì nói những Tỳ kheo đó là những manobhāvanīyā: những người, khi mình gặp, làm cho tâm (của mình) gia tăng sự thiện lành (yesu hi diṭṭhesu kusalavasena cittaṃ vaḍḍhati).] (1296)

1297 [Nguyên văn câu này: Yaṃ nimittaṃ āgamma yaṃ nimittaṃ mana- sikaroto anantarā āsavānaṃ khayo hoti. Về "sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm", mời coi lại chú thích 851 trong kinh 4:162. (Coi thêm kinh SN 22:81 về thuật ngữ này).] (1297)

1298 [Mp chú giải là: "Trong thời đó khi vị đó đang ngồi trong sự an trú ban

ngày thì điều đó xảy ra ở cửa tâm của vị đó."] (1298)

1299 [Adhicittaṃ: tâm bậc cao, thượng tâm. Mp giải nghĩa đó là chỉ: "Cái tâm

của sự định-tâm và sự minh-sát". Tỳ kheo Udāyī (tức Lāḷudāyī) thường ffược thấy là sai lầm ngộ nhận trong những lời nói của thầy ấy về những luận điểm giáo pháp, và do vậy thường bị Phật quở trách.] (1299)

1300 [Thật đáng ngạc nhiên, bởi vì ở đây có lẽ là chỗ duy nhất trong toàn bộ

Kinh Tạng các Nikāya mà 03 tầng thiền định (jhāna) đã được đề cập đến như một "chủ-đề tưởng niệm" (anussatiṭṭhāna). Trong kinh cũng như trong luận giảng Mp cũng không giải thích lý do tại sao tầng thiền định thứ tư lại bị tách riêng thành một "chủ-đề tưởng niệm" riêng (chủ đề thứ (5) bên dưới). Thật ra, việc dùng cái tên "chủ-đề (để) tưởng-niệm" (anussatiṭṭhāna) để đặt cho 05 sự quán-tưởng được nói ra bởi thầy Ānanda, và chủ-đề thứ sáu được nói ra bởi Phật, có vẻ là trường hợp 'có một không hai' trong Kinh Tạng!] (1300)

1301 [Nguyên văn câu này: Yathā divā tathā rattiṃ, yathā rattiṃ tathā divā.

Cũng giống trong kinh 4:41. Mp giải thích nghĩa là: "Vào ban ngày người đó chú-tâm (tác ý) tới nhận-thức về ánh sáng, ban đêm người đó cũng chú-tâm như vậy. Vào ban đêm người đó chú-tâm tới nhận-thức về ánh sáng, ban ngày người đó cũng chú-tâm như vậy.

Chú Thích • 187

- Trong câu tiếp theo: "đạt tới trí-biết và tầm-nhìn": ở đây là chứng ngộ mắt thiên-thánh (thiên nhãn minh), được gọi một cách khác là trí-biết và tầm- nhìn.] (1031)

1302 [Từ (i)-(ix) là 09 sự quán xét hay quán niệm về tử thi ở nghĩa địa, như đã

được nói rõ trong các kinh quan trọng như Kinh Các Nền Tảng Chánh-Niệm (Satipaṭṭhāna Sutta, Kinh Niệm Xứ, tức DN 22, mục 7–10); và kinh MN 10, mục 12–30.] (1302)

1303 [Câu này chắc hẳn muốn nói rằng: tầng thiền định thứ tư (tứ thiền) là cơ-

sở để chứng được sáu loại 'trí-biết trực tiếp' (sáu minh, sáu tự trí).] (1303)

1304 [Nguyên văn câu này: dassanānuttariyaṃ, savanānuttariyaṃ, lābhānut-

tariyaṃ, sikkhānuttariyaṃ, pāricariyānuttariyaṃ, anussatānuttariyaṃ.] (1304)

1305 [Sự hiếu khách, sự tiếp đãi (paṭisanthāra). Kinh 2:152 có nói 02 loại sự

tiếp-đãi: tiếp đãi bằng những thứ vật chất (thức ăn, chỗ ở ...) và tiếp đãi bằng Giáo Pháp.] (1305)

1306 [03 loại sự nhận-thức cuối được giảng giải trong kinh 10:60, đoạn (5),

(6), (7).] (1306)

1307 [Ācamayitvāna: làm sạch bản thân. Mp giải thích nghĩa gốc là: người đó

rửa sạch tay chân và súc miệng sạch sẽ.] (1307)

1308 [Nguyên văn: Natthi attakāro, natthi parakāro. Nghĩa gốc là: "Không có

sự tự-mình-làm, không có sự người-khác-làm." Tiếp theo, Đức Phật đã bác bỏ quan điểm này của ông bằng cách chỉ ra sự thật rõ ràng rằng ông bà-la- môn đi tới và đi lui theo ý-chí tự do (sayaṃ) của mình (mà làm sao không có sự chủ-động hay tự-phát làm

bởi mỗi người).] (1308)

1309 [Ārambhadhātu: tạm dịch là yếu tố chủ-động [tự-phát, khởi-sự]. Mp chú

giải đó là: "Sự nỗ-lực xảy ra bằng cách của sự khởi đầu [một hoạt-động]" (ārabhanavasena pavattaviriyaṃ). Hai yếu-tố được nói kế tiếp, là nik- kamadhātu và parakkamadhātu, có thể được hiểu một cách lần lượt là sự nỗ- lực cần có để kiên-trì trong một hành-động và để hoàn thành nó. 03 yếu-tố



này được đề nghị như thuốc giải-độc cho (chướng ngại) sự đờ-đẫn và buồn- ngủ (hôn trầm thụy miên) trong kinh 1:18 và trong kinh SN 46:51 (Quyển 5), và là phương tiện để cấp dưỡng cho chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn giác chi) trong kinh SN 46:02 và kinh SN 46:51 (Quyển 5).] (1309)

1310 [Mp không phân biệt 03 yếu tố cuối ở đây là—thāmadhātu, ṭhitidhātu, và

upakkamadhātu—mà đơn giản cho rằng chúng chỉ là những danh từ khác nhau để chỉ sự nỗ-lực mà thôi.] (1310)

1311 [Đây là một kinh song hành được mở rộng của kinh 5:201, chỉ khác điều

(5) và (6) trong kinh này.] - (Như chú thích 1209 ở đầu kinh 5:201: [Be và Ee đọc là veḷuvane; Ce đọc là niceluvane. Mp (của Be) có chữ niculavane trong bổ đề, và được giải thích là đồng nghĩa mucalindavane. Cả PED và SED đều ghi nicula là một loại cây (như cây nước mặn ở nước ngọt?), và được nhận dạng tên khoa học là Barringtonia acutangula: cây lộc vừng.] (1209) – Về ý nghĩa câu kế tiếp, mời coi lại chú thích 1210 trong kinh 5:201). [1311]

1312 [Coi kinh 5:30 để so sánh. Mặc dù cấu trúc của 02 kinh giống nhau,

giống nhau về phần bối cảnh diễn ra, nhưng "nội dung chính" Phật nói từ (1)- (6) thì khác hẳn nhau; do vậy người ta có thể không chấp nhận hay phân loại chúng là 02 kinh song hành.] (1312)

1313 [Tôi đọc theo Ce là ārāmiko vā samaṇuddeso vā sahadhammiko vā. Còn

cả 02 phiên bản Be và Ee đều không có chữ sahadhammiko vā. Ở đây Be ghi rất khác là: idān' imaṃ āyasmantaṃ ārāmiko vā upaṭṭhahissati samaṇuddeso vā taṃ tamhā samādhimhā cāvessati, nghĩa là: "Giờ một người giúp việc trong chùa hay một sa-di sẽ phục vụ vị thầy này, như vậy sẽ làm cho vị ấy rớt ra khỏi định." Ee thì ghi giống Be, chỉ khác động từ là ghaṭṭessati (đánh trả, xúc phạm, gây sự) thay vì là upaṭṭhahissati.] (1313)

1314 [Nguyên văn câu này: Araññasaññaṃyeva manasi karissati ekattaṃ. Nguyên văn câu này: Araññasaññaṃyeva manasi karissati ekattaṃ. Mp chú giải (tạm dịch) là: "Sự duy-nhất: người đó sẽ mang tới tâm chỉ sự nhận-thức về rừng mà thôi, đó là trạng thái nhất-điểm của sự nhất-thể" (ekasabhāvaṃ, ekaggatābhūtāṃ araññasaññaṃ yeva citte karissati).] (1314)

1315 [Mp giải thích: “Bằng những lời này, Phật đã đề cao một nơi trú-ở trong



rừng (để tu; hơn là sống tu ở gần hay ở trong làng mạc, thị trấn, thành phố, hay chỗ đông người).] (1315)

- (Nhân tiện, toàn bộ câu cuối này được coi là một đoạn riêng, là đoạn (8), trong kinh song hành 8:86)

1316 [Con voi đực của Vua Pasenadi được gọi tên là “Seta” (trắng) vì thân nó

màu trắng. Tiếp sau chữ “nāga” được dùng để gọi những con vật, cây, hay những thứ to lớn (khổng lồ), như trong lời kinh kế tiếp.] (1216)

1317 [Ở đây có sự chơi chữ. Câu nói của Phật—āguṃ na karoti—là cách lấy

chữ nāga từ chữ na + āguṃ, nghĩa “không-ác”. Nāga do vậy trở thành hình dung từ chỉ Đức Phật, hay nghĩa rộng hơn, chỉ những bậc A-la-hán. Coi thêm kinh Sn 527: Āguṃ na karoti kiñci loke … nāgo tādi pavuccate tathattā, nghĩa là: “Người làm chuyện vô-ác trong thế gian … bậc ổn-định vì lý do đó được gọi là một nāga”. Coi thêm kinh Th 1249 (= SN 8:08 (Quyển 1)) có ghi câu: Nāganāmo’si bhagavā (Ngài được gọi là Nāga, hỡi đức Thế Tôn).] (1317)

1318 [Mp nhận dạng Udāyī này chính là Kāludāyī. Tuy nhiên, cũng cùng thi

kệ này ở Th (689–704) thì ở đó chỉ nói Udāyī chỉ là Udāyī, trong khi những thi kệ chỗ khác Th (527–36) thì Udāyī được cho là Kāludāyī. Điều này cho thấy sự nhận dạng của Mp về người sáng tác bài thi kệ này là sai. Bản kinh tương đương trong Hán tạng, MĀ 118 (ở T I 608b2–609a3), có nhiều điểm hữu ích để tôi so sánh và suy ra nghĩa của các câu thi kệ trong tiếng Pāli.] (1318)

1319 [Chỗ này Be ghi là vanā nibbanam āgataṃ. Ce và Ee thì ghi là nibbānam

để thay chữ nibbanam. Mp giải thích nghĩa là: “Từ rừng ô-nhiễm, người đó đã đi đến chỗ quang-đãng; người đó đã chứng ngộ Niết-bàn, không còn rừng ô-nhiễm nữa” (kilesavanato nibbanaṃ kilesavanarahitaṃ nibbānaṃ āgataṃ sampattaṃ). Dường như Ce và Ee đã lấy luôn chữ nibbāna từ câu luận giải này để đưa vô thành lời thi kệ luôn, (Thầy Thích Minh Châu cũng dịch từ phiên bản đó thành câu “Từ rừng, đến Niết-bàn”). Phiên bản Hán tạng ở T I 608c2 thì ghi: , nghĩa là: “Từ trong rừng người đó ra khỏi rừng”, điều này cũng ủng hộ nghĩa gốc được ghi trong Be.] (1319)



1320 [Chữ saccanāmo không phải nghĩa là ‘người có tên là sự-thật’ mà có

nghĩa là “người đúng thực như tên gọi” (người xứng danh, bậc hữu danh hữu thực), nghĩa là danh xưng gọi của người đó là xứng với trạng thái hay tầm vóc của người đó. Mp chú giải câu này là: “Bậc ấy được đặt tên một cách sự thật, được đặt tên một cách đúng thực, được đặt tên một cách chính xác là ‘nāga’ đơn giản vì không làm điều xấu-ác” (tacchanāmo bhūtanāmo āguṃ akaraṇeneva nāgoti evaṃ avitathanāmo). Bản

kinh tương đương Hán tạng [T I 608c7] có ghi chữ Hán là ,  , nghĩa đại ý là:
“bậc ấy là nāga của/giữa tất cả những nāga, đúng sự thật là nāga, là bậc vô- thượng.”] (1320)

1321 [Ở đây có một sự chơi chữ giữa 02 nghĩa của chữ caraṇa là “đức hạnh,

hạnh kiểm” và “chân”. Mp giải nghĩa rằng: “Chúng như là hai bàn chân sau của nāga là Phật.”] (1321)

1322 [Nguyên câu này: Sati gīvā siro paññā vīmaṃsā dhammacintanā. Tôi

dịch những chữ này một cách hoàn toàn theo nghĩa chữ. Tuy nhiên Mp thì nói rằng: “Đầu ngà của thân mình của voi được gọi là sự điều-tra (vīmaṃsā) bởi vì [nó điều tra tìm hiểu] mọi thứ để quyết định chúng là cứng hay mềm, ăn được hay không ăn được … vân vân. Rồi nó từ chối những thứ nên được từ chối và nhận lấy những thức nên được nhận lấy. Cũng giống như vậy, đối với nāga-là-Phật, sự quán-chiếu về những hiện-tượng (dhammacintanā)—là chỉ trí-biết của Phật định rõ những phân-loại của những hiện-tượng—chính là [phương tiện của] sự điều-tra. Với trí-biết này Phật biết được ai là có năng lực và ai không có năng lực.”] (1322)

1323 [Ở dòng kệ (pāda) c tôi đọc là chữ samātapo theo cách ghi của Be và Ee,

khác với Ce ghi là samāvāpo. Mp chú giải: “Đây sự định-tâm của tầng thiền định thứ tư ở đây được gọi là dhamma. Vì chính dựa trên cơ-sở này những năng-lực siêu thường được thành công. Do vậy nó được gọi là nhiệt độ cân bằng ở bụng (kucchisamātapo). Sự sống tách-ly hay ẩn-dật (viveka) là chỉ sự tách-ly về thân, sự tách-ly về tâm, và sự tách-ly khỏi những sự thu-nạp hay sanh-y (kāyacittaupadhiviveko). Như con voi dùng đuôi của nó để ngăn đuổi những con muỗi, Như Lai lui về với sự sống ẩn-dật để cách ly khỏi những gia chủ và những Tỳ kheo.” Bản Hán tạng đọc 02 hàng kệ này [chỗ 608c12] là ,  (sự hộ trì những giáo pháp là bụng, và sự vui thích



sự ẩn-dật là cặp tay). Rõ ràng là trong sự truyền thừa này, chữ vāladhi trong tiếng Pāli đã được truyền thành bāhūni.] (1323)

1324 [Nguyên văn chữ này là assāsa: nó có thể mang cả hai nghĩa là sự thở-vô

và sự yên-ủi, trơng đó nghĩa thứ hai là chỉ trạng thái A-la-hán. Mp nói: giống như sự thở-vô và thở-ra là điều nhất thiết để voi được sống, sự chứng thánh quả (phalasamāpatti) cũng là sự thiết yếu đối với Đức Phật, và chính đó là chỗ Phật vui thích có được.] (1324)

1325 [Chữ này đọc theo Be là loke viharati. Ce và Ee ghi là loke virajjati (trở

thành tách-lìa trong thế gian) là cũng không tương ứng với ví dụ; (vì trong ví dụ là sen sống trong nước chứ không sống tách-lìa khỏi nước).] (1325)

1326 [Để thay thế cụm chữ saṅkhāresūpasantesu trong dòng kệ (pāda) c [được

ghi trong tất cả 03 phiên bản], tôi dùng một cặp cụm chữ trong bản viết tay của Miến Điện [như đã được đề cập tới trong một chú thích trong Ee] ghi như vầy: aṅgāresu ca santesu, nibbutoti pavuccati. Cách ghi này cũng được thấy có trong Th 702. Nhà sư Vanarata đã chỉ ra rằng: "Toàn bộ bài thi kệ là ví dụ và chữ nibbuto [vừa có nghĩa là một ngọn lửa đã tắt đi và một người đã chứng ngộ Niết-bàn] là đề cập tới ngọn lửa." Bản Hán tạng [ở 608c27], giống với Th và bản viết tay Miến Điện, đã ghi là ,  (Không có củi, lửa không cháy tiếp. Lửa này sau đó được gọi là đã chấm dứt).] (1326)

1327 ["'Những nāga (là) A-la-hán' sẽ biết 'nāga (là) Phật' vốn đã được dạy

bởi bậc nāga (tức nāga-Phật được chỉ dạy bởi chính mình), này trưởng lão Udāyī." Mặc dù sự giải nghĩa của Mp, tôi nghi rằng bản thân lời kinh muốn nói rằng bản thân Đức Phật là người đã chỉ dạy về nāga. Bản Hán tạng [ở 608c29] đã ủng hộ sự nghi ngờ của tôi bằng câu:  (điều đó được nói bởi bậc nāga trong số những nāga).] (1237) (Người dịch Việt không thực sự nhìn ra nghĩa của câu kệ này cũng như những lời chú giải của Mp và của Hán tạng.)

1328 [Ở đây đọc theo Ee là: parinibbāti 'nāsavo, khác với Ce và Be ghi là:

parinibbissati anāsavo. Bài kệ này đã hoàn thành ví dụ bằng ngọn lửa. Ẩn dụ này được rõ hơn trong bản Hán tạng [ở 609a2], chỗ đó ghi là



(nāga này được nói đã chứng ngộ Niết-bàn), giông giống như chỗ 608c27 ghi là  (lửa này được nói là đã chấm dứt). Tôi đã cố gắng 'bắt' cho được tác động này bằng cách dịch chữ parinibbāti 02 lần, đầu tiên là "đã tắt ngấm" và sau đó là dịch theo nghĩa thuật ngữ của nó là "đã bát Niết-bàn".] (1328)

1329 [Chỗ này tôi chọn lời kinh gốc được ghi trong Be là sakadāgāmipatto

[thấy cũng giống cách ghi trong phiên bản viết tay Miến Điện] khác với cách ghi của Ce và Ee là sakadāgāmī satto. Sự nhầm lẫn của chữ s và p rất hiếm thấy trong phiên bản chép tay bằng tiếng Tích Lan cổ (Sinhala). Tuy nhiên, lời luận giải trong Mp là sakadāgāmipuggalo hutvā cho thấy luận sư của Mp đã căn cứ theo nghĩa chữ gốc là sakadāgāmī satto. Không thể nào có sự chép sai hay sai đổi như vậy, vì thời đại của các luận giảng là sau thời đại của kinh gốc.] (1329)

1330 [Trong kinh MN 89, mục 18, Purāṇa và Isidatta là 02 quan thị sát (thanh

tra, thị vệ) trong triều của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của nước Kosala (Kiều- tất-la) nhưng họ có sự tôn-kính đối với Phật hơn là đối với nhà vua. Lòng thương kính Phật của họ cũng được nói trong kinh SN 55:06 (Quyển 5).] (1330)

1331 [Mp giải thích rằng: "Thầy Ānanda nói vậy bởi vì thầy ấy cũng không

biết lý do vì sao." Nhà sư Brahmāli viết rằng: "Tôi hiểu thầy Ānanda chỉ đơn giản nói rằng điều đó nên được hiểu đúng theo lời Phật đã nói", và thầy Brahmāli gợi ý diễn dịch câu đó là: "Thưa chị, thì nghĩa nó là vậy, như nó đã được tuyên bố bởi đức Thế

Tôn.” Tuy nhiên, ngay lúc này thì lời tuyên bố của Phật về nơi-đến (của họ) vẫn chưa được giải thích. Lời giải thích chỉ nằm ở cuối kinh, khi Đức Phật tuyên dương những ưu-điểm của 02 vị đệ tử tại gia đã chết.] (1331)

1332 [Chỗ này Ce ghi chữ ambakapaññā; Be ghi chữ ammakasaññā, nghĩa là:

“nhận-thức của một phụ nữ”, hay “ý tưởng của một phụ nữ”, nhưng kinh 10:75 của phiên bản Be có ghi là ammakapaññā. Ở đây, Ee ghi chữ amba- kasaññā chỗ này nhưng trong đoạn kết lại ghi chữ ambakapaññā. Rõ ràng chữ ghi đầu tiên trong Ee là do lỗi ghi chép, có lẽ do sự chép nhầm chữ s và p. Chữ ambaka trong Ce và Ee (hoặc chữ ammaka trong Be) là xuất thân từ



chữ ammā nghĩa là “mẹ”, nghĩa chung là chỉ “những phụ nữ”. Mp-ṭ giải thích: “Ammakā (hay ambakā) có nghĩa là những phụ nữ [nghĩa gốc là hạng những người mẹ]. Đây là một chữ ẩn dụ. Đó là, những người mẹ, là hạng những người mẹ, là những người làm mẹ, được thấy có trong số những phụ nữ” (Ammakāti mātugāmo. Upacāravacanañh’etaṃ. Itthīsu yadidaṃ ammakā mātugāmo jananī janikā). SED sv nói rằng chữ ambā có nghĩa “một người mẹ, một phụ nữ tốt [dùng như đại từ để gọi một cách kính trọng].” Trong bản Hán tạng [chỗ T II 258c8–9] thì không có ý chê bai ‘những phụ nữ’ mà chỉ nói riêng về cá nhân của cô Migasālā mà thôi: “Nữ đệ tử tại gia Migasālā là ngu dốt và ít trí tuệ” ().] (1332)

1333 [Sự nằm kề sát nhau của chỉ định từ ke với sở cách từ –ñāṇe là đánh đố

khó dịch. Tôi chọn theo nghĩa rằng những thứ được đề cập tới bằng ke là được thiết lập trong sự-biết này. Mặc dù vậy, có lẽ, –ñāṇe là một dạng chữ sót, là một chỉ định từ số nhiều hợp nghĩa với chữ ke. Mp đã không cố giải quyết vấn đề khó khăn chỗ này, mà chỉ bàn luận về vấn đề “về sự-biết về những người khác là ưu hơn hay nhược hơn” (purisapuggalaparopari- yañāṇe), điều đó giải thích sự-biết này là “sự-biết về những người khác’ có những căn ưu hay căn nhược theo cách sự sắc-xảo hay sự ngu-khờ của họ” (purisapuggalānaṃ tikkhamuduvasena indriyaparopariyañāṇaṃ).] (1333)

1334 [Nguyên văn câu cuối này: Sāmāyikampi vimuttiṃ na labhati. Mp giải

thích nghĩa là người đó không phải lúc này lúc khác có được sự khoan-khoái và hoan-hỷ từ việc lắng nghe Giáo Pháp. Tuy nhiên, Paṭis II 40,16–17 thì định rõ chữ gần đồng nghĩa với ‘sự giải-thoát tạm thời’ là samayavimokkho, chính là bốn tầng thiền định sắc-giới (jhāna) và bốn tầng chứng đắc vô-sắc giới (cattāri ca jhānāni, catasso ca arūpasamāpattiyo, ayaṃ samaya- vimokkho), điều này phân biệt rõ những trạng thái chứng đắc (tạm thời) đó so với sự giải-thoát thường hằng rốt ráo, chính là bốn thánh đạo, bốn thánh quả của đời sống tâm linh, và Niết-bàn (cattāro ca ariyamaggā, cattāri ca sāmaññaphalāni, nibbānañca, ayaṃ asamayavimokkho). (Tóm lại, thành ngữ “sự giải-thoát tạm thời” là chỉ những sự chứng đắc thiền định sắc giới và vô- sắc giới, còn “sự giải-thoát rốt ráo” là những thánh đạo, thánh quả, và Niết- bàn).] (1334)

1335 [Lời kinh chỉ ghi là taṃ hi tesaṃ, không chỉ rõ là taṃ nào được đề cập.

Mp chú giải đó chính là sự [làm ra, gây ra, tạo ra sự] phán xét (taṃ pamāṇakaraṇaṃ).] (1335)

1336 [Nguyên văn câu cuối này: Imaṃ puggalaṃ dhammasotaṃ nibbahati.

Mp diễn dịch là: “sự-biết của sự minh-sát, đang diễn ra mạnh mẽ, mang người đó đi; nó sẽ dẫn người đó đến cõi giới của những bậc thánh.”] (1336)

1337 [Lời kinh ghi là lobhadhammā: “những trạng thái tham”, mà Mp giải

nghĩa: “đơn giản đó chỉ là tham” (lobho yeva).] (1337)

1338 [Chỗ này tôi làm theo bản in giấy của Ce. Bản điện tử của Ce ghi không

đúng câu này.] (1338)

1339 [Ở đây, và trong đoạn (6) bên dưới, tôi đọc theo Ce là chữ vacīsaṃsārā,

đây cũng là chữ được ghi trong luận giảng Mp (của Ce). Còn Be và Ee ghi là vacīsaṅkhārā. Mp giải thích nghĩa ở đây: “Chỉ là những lời nói chuyện trao đổi qua lại” (ālāpasallāpavasena vacanān’eva). Nhưng chữ vacīsaṃsāro cũng có trong kinh 2:63, trong đó có chú thích đầu tiên giải nghĩa đó là những sự tranh luận công kích giữa những (phe) nhóm Tỳ kheo. (Mời coi lại kinh đó và chú thích của nó).] (1339)

1340 [(Tức là: Purāṇa kém hơn Isidatta về trí-tuệ, Isidatta kém hơn Purāṇa về

giới-hạnh). [Mp giải nghĩa chỗ này là: “Purāṇa siêu xuất hơn về giới-hạnh, còn Isidatta thì siêu xuất hơn về trí-tuệ. (Cấp bậc) giới-hạnh của Purāṇa là sánh ngang với (cấp bậc) trí-tuệ bậc cao của Isidatta; còn (cấp bậc) trí-tuệ của Isidatta là sánh ngang với (cấp bậc) giới-hạnh bậc cao của Purāṇa.”] (1340)

1341 [Tôi đã phân chia các đoạn kệ như đã được làm trong Be, vì tôi thấy hài

lòng hơn cách phân đoạn trong Ce. Trong Ee thì những dòng kệ không được nhóm gộp thành những đoạn kệ riêng biệt.] (1341)

1342 [Tất cả 03 phiên bản đều ghi là: evam etaṃ gahaṭṭhānaṃ cāgo puññaṃ

pavaḍḍhati. Cú pháp là không thỏa đáng nhưng không nhận thấy có cách ghi nào khác. Mp đã cố giải quyết vấn đề này, nó đã giải nghĩa là: cāgoti saṅkhaṃ gataṃ puññaṃ vaḍḍhati (công đức được gọi là “sự gia tăng của rộng lòng bố thí”), nhưng điều này là không đúng lý. Có thể nào từ nguyên



thủy chỗ này có một chữ viết tắt cāgā, hay một chữ công cụ là cāgena [với động từ vaḍḍhati, để trợ gúp cho sự vận luật thi kệ], rồi nó đã bị đổi thành chữ cāgo do sai sót ghi chép? Bản Hán tạng, MĀ 125, đã đưa ra sự ủng hộ cho giả thiết này ở T I 614c20 ghi là  (bởi nhờ sự rộng lòng bố thí nên công đức gia tăng).] (1342)

1343 [Người chuyên về Giáo Pháp: Dhammayogā. Mp nói rằng đây là tên gọi

những người chuyên thuyết giảng về Giáo Pháp (dhammakathikā), nhưng nó có thể được dùng để chỉ chung những người tu nổi bật chuyên chú theo cách tiếp cận Giáo Pháp (hơn là tu thiền). Cách dùng chữ này trong kinh này có lẽ là có một không hai. Sự phân biệt giữa những người tu thiền và những người chuyên tâm về Giáo Pháp cho thấy kinh này được nói ra lúc đã muộn, sau khi những xu-hướng trong Tăng Đoàn đã bị phân rẽ thành 02 dòng tu này.] (1343)

1344 [Nguyên văn câu này: Jhāyanti pajjhāyanti. Giọng kinh mang nghĩa chế

nhạo. Be thì dùng luôn một dãy 04 động từ là: jhāyanti pajjhāyanti nijjhāyanti avajjhāyanti (thiền ngẫm, ngẫm nghĩ, suy ngẫm, nghiền ngẫm). Cách dùng ở đây với chữ jhāyanti (thiền, thiền ngẫm) này cũng có trong kinh 11:09; kinh MN 50, mục 13.] (1344)

1345 [Nguyên văn câu cuối: Amataṃ dhātuṃ kāyena phusitvā viharanti. Mp

giải nghĩa là: "Chỗ này chỉ yếu tố Niết-bàn (niết-bàn giới), được gọi là 'bất- tử' vì nó không còn sự chết. Sau khi đã chọn một chủ-đề thiền, trong những giai đoạn họ an trú sau khi đã chạm vào [yếu tố 'bất-tử'] đó bằng thân của tâm."] (1345)

1346 [Nguyên văn câu cuối này: Gambhīraṃ atthapadaṃ paññāya ativijjha

passanti. Mp giải nghĩa là: "Cái 'vấn đề thâm sâu và giản minh' là chỉ những giáo pháp quan trọng thâm sâu như: các uẩn (uẩn), các yếu-tố (giới), các cơ- sở cảm-nhận (xứ), và vân vân, chúng vốn là vi tế và (thực nghĩa) ẩn kín. Họ hiểu thấu chúng sau khi đã thâm nhập chúng bằng trí-tuệ của sự minh-sát và của thánh đạo (sahavipassanāya maggapaññāya)."] (1346)

1347 [Du sĩ Moliyasīvaka cũng có trong kinh SN 36:21 (Quyển 4), trong đó

ông đã hỏi Đức Phật có đúng hay không 'mọi cảm-giác đều do những nghiệp



quá khứ mà có'?.] (1347)

1348 [Về chữ "Giáo Pháp có thể được nhìn thấy một cách trực tiếp" hay nói

khác "Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được" (sanditṭhiko dhammo), mời coi lại những giảng giải trong các kinh 3:53–54.] (1348)

1349 [Lobhadhammā: trạng thái kết nối với tham, pháp dính tham; Mp giải

thích đó là "những yếu tố dính với nó" (taṃsampayuttadhammā). Tương tự, dosadhammā: trạng thái kết nối với sân, pháp dính sân; mohadhammā: trạng thái kết nối với si, pháp dính si.] (1349)

1350 [Tội lỗi thuộc thân, tội lỗi bởi hành-động, hay lỗi thân là tạm dịch chữ

"kāyasandosaṃ", Mp giải thích nghĩa là: có phẩm chất 'bị lỗi' 'bị sai' trong cửa-thân (kāyadvārassa dussanākāraṃ). Tiếp theo là tội lỗi thuộc lời-nói và tội lỗi thuộc tâm (vacīsandosaṃ và manosandosaṃ). (Có thể nghĩa ở đây là: lỗi trong thân hành dẫn tới

hành-động sai trái, lỗi trong khẩu hành dẫn tới lời-nói sai trái, và lỗi trong tâm hành dẫn tới tâm-ý sai trái.)] (1350)

1351 [Cả hai vị Tỳ kheo đều tuyên bố, theo hai cách ngược nhau, rằng bậc A-

la-hán đã tẩy sạch sự tự-ta (ngã mạn) theo cả ba cách so sánh: tự-ta siêu hơn, tự-ta kém hơn, và tự-ta ngang bằng.] (1351)

1352 [Nguyên văn câu này: Attho ca vutto attā ca anupanīto. Như trong kinh

3:72 (cũng có ghi một câu tương tự đồng nghĩa "Chỉ tuyên bố ý nghĩa, chứ không đưa bản ngã (của người nói, người giảng dạy) vào trong đó.", coi chỗ chú thích cuối cùng của kinh 3:72), chỗ này dường như có sự 'chơi chữ' giữa 02 từ attho (mục tiêu, đích) và attā (cái 'ta', bản ngã).] (1352)

1353 [Mp giải thích chữ ussesu là những người ưu, tốt hơn, siêu hơn; còn chữ

omesu là những người nhược, kém hơn, thấp hơn; và chữ samatte là những người tương đồng, ngang bằng, giống nhau, và giải thích rằng: "Những A-la- hán không xếp hạng bản thân mình, theo cách của sự tự-ta (ngã mạn), là hơn hay kém, hay ngang bằng."] (1353)

1354 [Đây là một kinh song hành được mở rộng của kinh 5:24; trong kinh này

được mở rộng thêm điều thứ (1), và do vậy năm điều (1)-(5) trong kinh 5:24 trở thành điều (2)-(6) trong kinh này.] (1354)

Chú Thích • 197

1355 [Nguyên văn câu (c) này: cetasā samphuṭṭapubbā te ca samudācaranti.

Cách diễn đạt lời kinh như vầy nghe thấy lạ, bất thường. Mp không luận giải về cách diễn đạt này, chỉ coi đó như cách thông thường (và cứ đọc sao hiểu vậy).] (1355)

- (Nhân tiện: Đoạn này, đoạn có nội dung song hành với đoạn đầu của kinh 10:55, ở mấy điều như (b), (c)... có những cách ghi khác nhau trong các phiên bản kinh. Quý vị muốn tìm hiểu các từ nguyên chỗ này, mời coi thêm chú thích 2065 ở đầu kinh 10:55).

1356 [Những câu hỏi trong tiếng Pāli là: kiṃadhippāyā, kiṃupavicārā, kiṃad-

hiṭṭhānā, kiṃabhinivesā, kiṃpariyosānā.] (1356)

1357 [Tôi đọc chữ này theo Ce là sathādhiṭṭhānā, khác với Be và Ee ghi là sat-

thādhiṭṭhānā (vũ khí là sự hỗ trợ của họ). Mp không bàn luận về chữ này, nhưng nghĩa "nghề nghiệp hay tay nghề (trộm cướp)" liên kết tốt hơn với 'những chỗ rậm rạp che núp', 'chỗ tối tăm', và mục tiêu 'không bị nhìn thấy'.] (1357)

1358 [Nguyên văn cụm chữ này: ākiñcaññābhinivesā. Mp coi cụm chữ này có

nghĩa là tâm của họ chú hướng tới trạng thái không-còn nắm-giữ điều gì (niggahaṇabhāve).] (1358)

1359 [Mp không đưa ra thông tin gì về vị Tỳ kheo Dhammika này, và vị Tỳ

kheo này cũng không được nói đến trong kinh nào khác trong năm bộ kinh Nikāya.] (1359)

1360 [Lạ thay, không hiểu sao Phật lại gọi Tỳ kheo này là Bà-la-môn (brāhmaṇa), cả 02 luận giảng Mp và Mp-ṭ đều không giải thích tại sao Phật lại gọi như vậy. Đây có lẽ là chỗ duy nhất trong toàn bộ Kinh Tạng mà Phật đã gọi một Tỳ kheo với danh từ 'Bà-la-môn' trước tên riêng của người đó.] (1360)

1361 [Chỗ này đọc theo Ce và Be là pavattesi, khác với Ee ghi là pātesi: (cây)

"bị ngã xuống"; cách ghi này cũng là biến tấu của cách ghi trong Ce và Be. Mp giải nghĩa chữ pavattesi là = parivattesi.] (1361)

198 • Bộ Kinh Tăng Chi  QUYỂN 6

1362 [Cụm chữ này: Brahmalokasahavyatāya. tạm dịch là 'được đồng hành

cộng trú với cõi trời (phạm thiên)'. Đây là một lời diễn đạt hơi lạ thường trong các bộ kinh, cách diễn đạt này cũng từng có trong kinh DN 19, mục 59. Luận giảng Sv II 670,13–14 thì nói rằng: "Câu 'Ông dạy một Giáo Pháp cho những đệ tử của mình để họ đồng hành cộng trú với cõi trời' có nghĩa là: ông ta giảng dạy đạo dẫn tới sự đồng loại với trời Brahmā (Phạm thiên) trong cõi trời brahma (phạm thiên giới)" (sāvakānañca brahmalokasahabyatāya mag- gaṃ desesī ti brahmaloke brahmunā sahabhāvāya maggaṃ kathesi).] (1362)

1363 [Một người đã thành tựu về cách-nhìn: diṭṭhisampannaṃ. Người này thấp

nhất cũng đã là một bậc Nhập-lưu.] (1363)

1364 [Nhà sư Brahmāli đã nhắc tôi chú ý đến một chỗ dẫn-nhập trong DOP

(trang 744) đối với danh từ khanti2 có nghĩa: "sự tổn thương", được cho là xuất phát từ động từ khaṇati1 có nghĩa: "làm tổn thương, làm bị thương, làm hư hại". Chữ này không phải là chữ Pāli tương đương với chữ kṣānti trong tiếng Phạn [kṣānti = khanti1 trong DOP] có nghĩa là: "sự nhẫn nhịn" hay "sự chấp nhận". Mp giải nghĩa chữ khanti ở đây là: "sự đào bới những đức-hạnh của một người" (attano guṇakhaṇanaṃ), nhưng DOP thì chỉ ra rằng những luận giảng thường muốn quy kết chữ khaṇati1 (làm tổn thương) thành chữ khaṇati2 (đào bới). Chữ tương đương trong tiếng Phạn là khanti2 có thể có nghĩa như chữ kṣhati xuất phát từ chữ kṣaṇoti có nghĩa là: "làm tổn thương, làm bị thương, gây vết thương"; coi thêm luận giảng SED sv về chữ kshan.] (1364)

1365 [Đối với những người ngoài: ito bahiddhā: Ở đây chỉ những người ngoài

đạo Phật, những người ngoài đạo, ngoại đạo.] (1365)

1366 [Câu cuối này Ce ghi là: na no āmasabrahmacārisu; Be ghi: na no sam-

sabrahmacārisu; Ee ghi: na no sabrahmacārisu. DOP sv nói chữ āma3 có nghĩa "cùng một nhà; thuộc một nhà" và cho rằng chữ āma-sabrahmacāri (n) có nghĩa là "một tu sinh tôn giáo cùng thuộc một nhà hay một cộng đồng." Tuy nhiên đây chỉ là một tham khảo duy nhất, vì dường như trong các Nikāya không có chỗ nào ghi nghĩa này.] (1366)

1367 [Đây là Tỳ kheo Soṇa Koḷivīsa, được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số

những Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), [coi kinh 1:205]. Thi kệ của thầy ấy là Th 632–44. Các thi kệ Th 638–39 nói về ví dụ đàn tỳ-bà; các thi kệ Th 640–44 là giống thi kệ ở cuối kinh này. Câu chuyện về thầy Soṇa có ghi trong một phiên bản mở rộng trong Luật Tạng Vin I 179–85, từ đó dẫn đến việc Đức Phật cho phép các Tỳ kheo mang dép có quai (xăng-đan).] (1367)

1368 [Nguyên văn cả câu cuối trong Ce và Ee là: Viriyasamataṃ adhiṭṭhaha,

indriyānaṃ ca samataṃ paṭivijjha, tattha ca nimittaṃ gaṇhāhi. Trong đó Ce và Ee có chữ viriyasamataṃ, còn Be ghi chữ vīriyasamathaṃ [nhưng ở bên dưới thì ghi chữ indriyānañca samataṃ]. Mp (của Ce) cũng ghi chữ viri- yasamathaṃ trong một bổ đề. Sự luận giải trong Mp dường như cũng ủng hộ chữ viriyasamathaṃ. Mp ghi rằng: (a) "Chọn ra (quyết định) mức cân-bằng của sự nỗ-lực (tinh tấn) nghĩa là: chọn lấy sự vắng-lặng (định) kết hợp với sự nỗ-lực (viriyasampayuttaṃ samathaṃ adhiṭṭhaha); có nghĩa là: 'nối kết sự nỗ-lực với sự vắng-lặng'. (b) Đạt được sự cân-đối của các căn tâm linh nghĩa là: giữ sự cân đối, là một sự cân bằng của các căn tâm linh như: căn niềm-tin (tín), căn nỗ-lực (tấn), căn trí-tuệ (tuệ), căn chánh-niệm (niệm) … Khi niềm- tin được nối kết với trí-tuệ và trí-tuệ nối kết với niềm-tin; khi sự nỗ-lực được nối kết với sự định-tâm và sự định tâm nối kết với sự nỗ-lực, thì sự cân-bằng của các căn sẽ được duy trì. Nhưng sự chánh-niệm lúc nào cũng hữu ích, vì vậy nó phải luôn được mạnh mẽ. (c) Chọn lấy hay nắm lấy đối-tượng nghĩa là: khi có mặt sự cân-bằng, thì đối-tượng có thể khởi sinh một cách rõ ràng, giống như sự phản chiếu khuôn mặt của một người trong gương; và bạn nên nắm lấy (gaṇhāhi) đối-tượng này—đưa ra được (nibbattehi, làm ra, tạo ra, có được, nắm được) đối-tượng của sự vắng-lặng (định), của sự minh-sát (tuệ), của thánh đạo, và của thánh quả. Như vậy là Phật đã giảng giải về "đề-mục thiền" cho thầy ấy, để dẫn tới thánh quả A-la-hán."

- Đoạn kinh tương đương trong Hán tạng lại ghi những lời hoàn toàn khác về sự chỉ định của Đức Phật cho thầy Soṇa, trong đó, ở T I 612a28–29, ghi là: "Do vậy thầy nên phân biệt thời gian này [Không biết làm cách nào mà chữ samataṃ lại bị biến đổi thành chữ samayaṃ?], xem xét dấu-hiệu (tướng, nimitta) này và không được lơ-tâm phóng dật." (



); còn ở T II 62c17–18 thì ghi rằng: "Do vậy thầy nên tu tập bằng cách chọn lấy [đối-tượng] theo một cách cân-bằng; đừng dính chấp, đừng lơ-tâm phóng dật, và đừng nắm giữ những dấu-hiệu (tướng)." ( ); còn ở T II 612b19–20 thì ghi rằng: "Nếu thầy có thể trụ/ở ở-giữa, thì đây là một sự tu-tập ưu việt." ( ); chỉ có ở T XXII 844c1–2 thì ghi gần nghĩa nhất với phiên bản Pāli: "Thầy nên cân bằng sự nỗ-lực, cân bằng các căn." ( ).] (1368)

1369 [Các chữ này lần lượt trong tiếng Pāli là: nekkhammādhimutto, pavive-

kādhimutto, abyāpajjhādhimutto, taṇhakkhayādhimutto, upādānak- khayādhimutto, asammohādhimutto. Mp nói mỗi chữ đều tả thực phẩm chất của thánh quả A-la-hán.] (1369)

1370 [Nguyên văn câu này là: Karaṇīyaṃ attano asamanupassanto katassa vā

paṭicayaṃ. Mp giải nghĩa chữ paṭicayaṃ là "sự tiến-thêm bằng cách làm đi làm lại (điều đã làm xong)" (punappunaṃ karaṇena vaḍḍhiṃ). (Ở đây dịch Việt gọn bằng động từ chung là "làm thêm", theo nghĩa "tăng thêm, bồi thêm, lặp lại thêm" những gì đã làm xong).] (1370)

1371 [Nguyên văn câu này: Sīlabbataparāmāsaṃ … sārato paccāgacchanto.

Cách diễn đạt này thường để nói về (sự tránh bỏ) những cách tu khổ hạnh hành xác cực đoan đầy đau đớn của những người tin rằng cách tu đó là cốt lõi để tu tập tâm linh. ([Coi thêm phần chú thích (B) ở kinh 3:78.)] (1371) (Về cách tu hành-xác đau đớn, coi lại kinh 3:156, đoạn (2).)

1372 [Ở ba điều cuối là (4), (5), (6) này: tất cả 03 phiên bản đều chỉ ghi câu

tóm lược cuối (là vì … phá bỏ si-mờ) như vậy.] (1372)

1373 [Người đó chỉ quan sát sự biến-qua của nó (vayañc'assānupassati). Mp

giải nghĩa là: "Người đó nhìn thấy sự khởi-sinh và sự biến-mất của tâm đó." (tassa c'esa cittassa uppādampi vayampi passati). (Tức là, người đó chỉ quan sát tâm đó sinh và diệt, chứ không nhận thành tâm-tư hay nhận-thức này nọ).] (1373)

1374 [Những ví dụ này tả về sự đau đớn của người bệnh nặng cũng có trong



các kinh MN 97, mục 29-30, SN 35:87.] (1374)

1375 [Điều này có nghĩa thầy ấy là một bậc thánh Bất-lai khi qua đời.] (1375)

1376 [Ở đây, bên dưới (1)-(6) tôi làm theo Be và Ee, trong đó những ích-lợi

(1), (2), (4), và (5) là có được từ sự lắng nghe Giáo Pháp vào lúc thích hợp (kālena dhammassavane); còn ích-lợi (3) và (6) là có được từ sự tự xem xét ý nghĩa của Giáo Pháp vào lúc thích hợp (kālena atth'upaparikkhāya). Ce thì gộp 02 ích-lợi (3) và (6) thành một, điều này nghe có vẻ không thỏa đáng lắm, cho dù lý do là trong 02 tình huống này người tu đều giống nhau là không nghe được Giáo Pháp.] (1376)

1377 [Anuttare upadhisaṅkhaye: sự chấm-dứt tối thượng hay sự tuyệt-dứt vô

thượng khỏi mọi sự thu-nạp ((sanh-y tận); nghĩa là đã chấm dứt sạch mọi sự thu-nạp). Mp định nghĩa đây là trạng thái Niết-bàn.

- Về những sự thu-nạp (sanh y, upadhi), mời coi lại chú thích 219 trong 2:02, như sau: [Nguyên văn cụm chữ này: sabbūpadhipaṭinissagga (sự chuyên-cần tu để từ bỏ tất cả mọi sự thu-nạp). Mp định nghĩa 03 loại sự thu-nạp (upadhi; sanh y; sự thu-vào, sự

nạp-vào) chính là: các uẩn (ngũ uẩn), những ô-nhiễm (lậu hoặc), và những sự tạo-tác cố-ý (các hành) [khandha, kilesa, abhi- saṅkhārā]. Sự từ-bỏ những thứ này là đồng nghĩa = Niết-bàn. Sự chuyên-cần tu (tinh cần) để đạt tới sự từ-bỏ này chính là sự nỗ-lực (tinh tấn) cộng với sự minh-sát và thánh đạo.] (219)

- (Coi thêm chú thích 674 ở kinh MN 66, mục 14, trong đó thì nói sự thu-nạp (sanh y) cần được dẹp bỏ thì gồm có 04 thứ là: khandh'upadhikiles'upadhi abhisankhār'upadhi kāmaguṇ'upadhi: tức = gồm 03 thứ nói trên và năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc).] (1377)

1378 [Nguyên văn: chaḷabhijātiyo (sáu loại, sái loại sinh). Pūraṇa Kassapa là

một trong 06 đạo sư ngoài đạo cùng thời với Đức Phật. Kinh này là chỗ duy nhất thấy ông ta có liên quan tới giáo thuyết về sáu loại, giáo thuyết này không được thấy nói ở chỗ nào khác trong toàn Kinh Tạng. Trong kinh DN 2, mục 17, ông ta được mô tả là một người chủ trương thuyết không-làm-gì (akiriyavāda), nhưng trong kinh SN 46:56 (Quyển 5) thì thuyết phi nhân- duyên (ahetukavāda) được gán cho ông.] (1378)



1379 [Bhikkhū kaṇṭakavuttikā: những Tỳ kheo sống trên gai nhọn. Nghĩa ở đây

là không rõ ràng, nhưng cái giọng là miệt thị, chê bai. Luận giảng Mp chỉ nói mấy chữ này là chỉ những sa-môn (samaṇa).] (1379)

1380 [Nguyên văn: Nibbānaṃ abhijāyati. Mp chú giải rằng: "Tạo ra hay sản

sinh ra Niết-bàn: nghĩa là, người đó chứng Niết-bàn, hoặc người đó được sinh vào loại (giai cấp) Niết-bàn gồm có trong cảnh giới của những bậc thánh" (nibbānaṃ abhijāyatīti nibbānaṃ pāpuṇāti, ariyabhūmisaṅkhātāya vā nibbānajātiyā jāyati). Sự chú giải này được nói ra như vậy bởi vì theo thuật ngữ triết học nghiêm ngặt của chữ Niết-bàn (nibbāna) [là (trạng thái) không được sinh (vô sinh; ajāta) và không được tạo ra (vô tác; akata)] nghĩa là không có sự sinh hay sự tạo ra.] (1380)

1381 [Đoạn mô tả giai cấp chiên-đà-la này cũng có trong các kinh 3:13, 4:85,

nhưng trong kinh 6:57 này, trong tất cả 03 phiên bản, đều đặt chữ nesādakule trước chữ veṇakule.] (1381)

- (Nhân tiện: Đoạn (1) này Phật nói cũng giống đoạn (1) trong kinh 4:85, chỉ khác là trong kinh đó Phật gọi là "người đi từ tối tới tối"; tương tự bên dưới: đoạn (2) giống đoạn (2) trong kinh đó Phật gọi là "người đi từ tối tới sáng"; đoạn (4) giống đoạn (3) trong kinh đó Phật gọi là "người đi từ sáng tới tối"; đoạn (5) giống đoạn (4) trong kinh đó Phật gọi là "người đi từ sáng tới sáng".)

1382 [Nguyên văn Pāli của cả đoạn này là: āsavā saṃvarā pahātabbā, āsavā

paṭisevanā pahātabbā, āsavā adhivāsanā pahātabbā, āsavā parivajjanā pahātabbā, āsavā vinodanā pahātabbā, āsavā bhāvanā pahātabbā. 06 cách tu này, được dẫn đầu bằng cách thứ nhất là "những ô-nhiễm được dẹp bỏ bằng cách nhìn-thấy" (āsavā

dassanā pahātabbā), tổng cộng thành 07 cách tu, đã được nói một cách chi tiết trong bài kinh nổi tiếng là kinh Tất Cả Những Ô-Nhiễm (Sabbāsava Sutta; MN 2), trong đó những sự giảng giải cũng giống tư tự như trong kinh này (chỉ khác thứ tự câu chữ). (Nghĩa là điều [1]-[6] trong kinh này là giống tương tự với điều (2-)-(7-) [tức mục 12-21] trong kinh MN 2.)] (1382)

1383 [Câu này không có trong Be, nhưng có trong Ce và Ee và có các câu



song hành tương ứng trong mỗi phần từ (2)-(6) nói về những phương pháp dẹp bỏ những ô-nhiễm, (được đánh dấu -).] (1383)

1384 [Tên ông có nghĩa là "người buôn củi". Mp nói rằng ông được gọi tên

như vậy vì ông sống bằng nghề buôn bán củi.] (1384)

1385 [Ba phẩm chất này, như (1), (3), (5) bên dưới, là của những người tu theo

hạnh khổ-hạnh, tức nằm trong 13 giới của hạnh đầu-đà (dhutaṅga) đã được Đức Phật cho phép thực hành (để giảm trừ nhanh tham-dục). Trái lại, (2), (4), (6) là các phẩm chất của những người tu không theo hạnh đầu-đà, đó là: sống gần làng xóm, nhận lời mời đến dùng bữa trưa tại nhà của những người tại gia, và mặc y-phục (cà sa) được may tặng bởi người tại gia.] (1385)

1386 [Mp kể rằng: một thời gian sau đó, có 500 Tỳ kheo sau khi đến thăm các

gia đình, họ đã hoàn tục trở lại đời sống tại gia. Khi nghe được điều này, ông gia chủ Dārukammika đã nói: "Điều đó thì liên quan gì đến ta?" và niềm-tin của ông không dao động chút nào. Do đã tiên tri trước sự việc này nên Phật đã nói với ông: "Khi chú cúng tặng quà cho Tăng Đoàn, tâm của chú sẽ được tự-tin." Về những công-đức đặc biệt của việc cúng dường cho Tăng Đoàn, mời coi lại kinh MN 142, mục 7–8.] (1386)

1387 [Nguyên văn cụm chữ cuối: abhidhammakathaṃ kathenti. Mp chú giải

đây là "cuộc nói chuyện liên quan đến Vi Diệu Pháp (abhidhammamissakaṃ kathaṃ), nhưng tôi thì cho rằng chữ abhidhammakathaṃ ở đây chỉ đơn giản là một chữ mang tính tham khảo (như muốn nói Giáo Pháp là vi diệu cho nên họ dùng chữ như vậy chứ thực ra không phải nói về đề tài 'Vi Diệu Pháp'). Về cụm chữ diễn đạt như vầy cũng có trong những kinh khác, mời quý vị coi lại chú thích 1086 ở đoạn (3) của kinh 5:79.] (1387)

1388 ['Chen ngang, chặn ngang' là tạm dịch chữ kathaṃ opāteti (được ghi

trong Ce và Be; còn Ee ghi chữ opātesi, ở thì quá khứ bất định không rõ ràng). Mp giải nghĩa là: "Thầy ấy làm gián đoạn cuộc thảo luận của họ và chen vô giảng giải theo ý mình" (tesaṃ kathaṃ vicchinditvā attano kathaṃ katheti).] (1388)

1389 [Nguyên văn chữ cuối là gopāsū. Tôi dịch theo ý của Mp là: gāvo ca

ajikā ca.] (1389)

1390 [‘Những con ốc con trai’ (hay sò nước ngọt, chem chép …) là dịch chữ

sippisambuka. PED gợi ý là “con hàu” vì có chữ sippi, nhưng hàu hay vẹm, nghêu, hến … là thuộc loài ở biển (còn đây là hồ nước trong làng). Cách diễn dịch của tôi để tránh cái khó (của danh từ chung về các loài giáp xác. Và người dịch Việt dịch chung là ‘những con ốc con trai’, thường thấy nằm ở dưới hồ hay ao nước trong hay nước cạn).] (1390)

1391 [Animittaṃ cetosamādhiṃ: (trạng thái) sự định-tâm vô dấu-hiệu (hay vô

tướng) của tâm. Mp nói: “Tất cả mọi dấu-hiệu là những dấu hiệu như vô- thường, khổ, vô-ngã … Sự định-tâm vô dấu-hiệu của tâm là loại sự minh-sát mạnh mẽ uy lực (balavavipassanāsamādhiṃ).] (1391)

1392 [Nguyên văn câu này: Sarissati nekkhammassa. Mp giải nghĩa là: “Thầy

ấy sẽ nhớ những đức-hạnh của việc xuất gia.” (và sẽ nhanh xuất gia trở lại thôi).] (1392)

1393 [Mp giải thích thầy Citta này đã bỏ tu hoàn tục tới 07 lần và xuất gia 07

lần. Lý do về sự bất khả năng này là trong thời kiếp Đức Phật Ca-Diếp (Bud- dha Kassapa) thầy Citta đã từng xúi một Tỳ kheo bỏ tu hoàn tục. Do vậy, mặc dù thầy có đầy đủ những điều-kiện trợ giúp để chứng thánh quả A-la- hán, nhưng do nghiệp cũ báo ứng phải trả nên thầy ấy cứ xuôi ngược xuất gia rồi hoàn tục tới 07 lần trước khi đạt tới thánh quả A-la-hán.] (1393)

1394 [Đây chính là kinh Sn 1042. Tissa Metteyya là một môn sinh bà-la-môn.

Chương “Pārāyana” (Đáo Bỉ Ngạn, Vượt Qua Bờ Kia) là chương thứ năm và cuối cùng của quyển Kinh Tập, thuộc Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ). (Giống như chú thích thứ hai trong kinh 3:32).] (1394)

1395 [Nguyên văn dòng kệ này: Majjhe mantā na lippati. Mp giải nghĩa chữ

mantā là = paññā (trí tuệ), coi nó là một danh từ giống cái. Về chỗ này Mp đã làm theo luận giảng Nidd II 10,12, trong đó giải nghĩa chữ mantā như thể nó là một công cụ giống cái được viết tắt vậy, câu giải nghĩa là: majjhe man- tāya na lippati. Tuy nhiên, tôi nghĩ đúng hơn chữ mantā là một từ chỉ danh của danh từ tác nhân (chủ thể) là mantar (một người nghĩ, một người có trí). Về dạng chữ này, mời đọc thêm học giả Norman 2006b: 190–91.] (1395)

1396 [Mp giải nghĩa: “Sự tiếp-xúc (phassa) ở đầu thứ nhất là một ‘cá thể hiện-



hữu’ hay ‘sự hiện-hữu cá thể’ (attabhāva) được sinh ra bằng cách tiếp-xúc. Nguồn-gốc của sự tiếp-xúc (phassasamudaya, xúc khởi) là đầu thứ hai, đó là sự hiện-hữu tương lai được sinh ra cùng với điều-kiện (duyên) của nóđiều- kiện của nó chính là sự tiếp-xúc của những nghiệp (kamma) đã được làm trong kiếp hiện-hữu này. Sự chấm-dứt

tiếp-xúc (phassanirodha, xúc diệt) là Niết-bàn. Niết-bàn được cho là ở-giữa bởi nó cắt đôi dục-vọng, dục-vọng là người đan dệt."

- Theo ý kiến tôi thì chúng ta chỉ cần coi và hiểu một cách đơn giản rằng sự chấm-dứt tiếp-xúc (phassanirodha) chỉ là vậy, không nhất thiết phải là Niết- bàn, mà đó chỉ là "sự ngưng/hết tiếp-xúc" vào lúc kết liễu kiếp hiện-hữu này. Dục-vọng là người đan dệt hay may dệt kết dính sự tiếp-xúc của một kiếp hiện-hữu với sự khởi đầu sự tiếp-xúc vào lúc bắt đầu sự hiện-hữu mới. (Nghĩa là, dục-vọng (ái) là sự kết nối của kiếp trước và kiếp sau; hễ còn dục- vọng là còn tái hiện-hữu; chấm-dứt dục-vọng (ái diệt, ái tận) là hết tái hiện- hữu, là = Niết-bàn).] (1396)

1397 [Mp giải nghĩa là: "Điều nên được trực-tiếp biết (abhiññeyyaṃ) là bốn

Diệu Đế; điều nên được hoàn-toàn hiểu (pariññeyyaṃ) là cặp đôi diệu đế về khổ (khổ đế) và diệu đế về nguồn-gốc khổ (khổ tập đế). Ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự chấm-dứt khổ của vòng luân-hồi; người đó đó kết thúc nó và xóa bỏ nó."] (1379)

1398 [Mp giải thích: "Thức—gồm cả thức tái-sinh và những loại thức khác—

được cho là ở-giữa bởi vì nó xảy ra là điều-kiện (duyên) tạo ra phần danh- sắc".] (1398)

1399 [Mp chú giải: "Thức của nghiệp (nghiệp thức) là ở-giữa; hoặc chỗ này là,

bởi vì nghiệp là được bao gồm bởi cơ-sở tâm (tâm xứ) thuộc số những cơ-sở bên trong (sáu nội xứ), cho nên mọi loại thức đều là ở-giữa; hoặc nói khác là, thức javana (thức tác động, thức đổng lực) là tùy thuộc vào một cơ-sở bên trong (một nội xứ)—bởi vì [nó tùy thuộc vào] sự thể hiện ở cửa-tâm—và do vậy nó được nói là ở-giữa."

- (Người dịch Việt đã chuyển ngữ một cách chính xác những chú giải của kinh này, nhưng tới lúc này người dịch cũng chưa thấu hiểu thực nghĩa của



chúng (về mặt kỹ thuật và học thuật của Vi diệu pháp về tâm thức). Quý vị có thể nhờ một vị thầy thiện thạo về Vi Diệu Pháp hay tâm thức học Phật giáo giảng giải thêm về những chú giải này).] (1399)

1400 [Mp chú giải: "Sự hiện-hữu cá thể (sakkāya, danh tính, thân này) chính là

vòng luân hồi hiện-hữu với ba cõi giới của nó. Nguồn-gốc của sự hiện-hữu cá thể chính là Diệu đế về nguồn-gốc; sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá thể là Diệu đế về sự chấm-dứt khổ."

- Lại nữa, như ý kiến của tôi trong chú thích (1396) ở đoạn (1), tôi muốn dịch chỗ này giống như tôi đã dịch phần trình bày đầu tiên: sự hiện-hữu cá thể là sự hiện-hữu hiện tại (kiếp này); nguồn-gốc của sự hiện-hữu cá thể là sự khởi sinh sự hiện-hữu kế tiếp (kiếp sau); sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá thể là sự chấm-dứt sự hiện-hữu hiện tại. Và dục-vọng, bằng sự tạo ra sự tái-sinh, đan dệt thành sự hiện-hữu tương lai cho cá thể hiện-tại.] (1400)

1401 [Trong bản Hán tạng, SĀ 1164 (T II 310b20–311a2), thì những sự giải

nghĩa là khác với phiên bản Pali. Trong bản Hán tạng thì các Tỳ kheo chỉ đưa ra có 05 cách giải nghĩa về bài thi kệ này, chúng lần lượt [đầu thứ nhất, đầu thứ hai, và ở-giữa] là: (1) sự tiếp-xúc, nguồn-gốc của nó, và cảm-giác; (2) quá khứ, tương lai, và hiện tại; (3) sự sướng, sự khổ, và sự không sướng không khổ (trung tính); (4) sự hiện-hữu, nguồn-gốc của nó, và cảm-giác; (5) sự hiện-hữu cá thể (danh tánh) và nguồn-gốc của nó [còn chữ ở-giữa thì không có ghi, bị mất]. Khi họ đến hỏi Phật, Phật đã giảng giải thêm điều là: (6) sự tiếp-xúc, nguồn-gốc của nó, và cảm-giác.

- Phần thi kệ trong Hán tạng không có chữ nào tương ứng (đồng nghĩa) với chữ mantā trong bài kệ của phiên bản Pāli này.] (1401)

1402 [Ở đây tôi ghi tên kinh dựa theo phần thi kệ tóm lược (uddāna) ở cuối

chương theo phiên bản Be. Đối với tôi phiên bản Ce là không rõ ràng chỗ này.] (1402)

1403 [Cũng như ở kinh 6:44. Hình như đây là cách thầy Ānanda chỉ đơn giản

nói rằng Phật đã nói như vậy thì nghe như vậy, cứ đơn giản hiểu theo nghĩa đen của lời Phật nói ra, chứ bản thân thầy ấy cũng không biết có nghĩa bóng gió nào khác.] (1403)

Chú Thích • 207

1404 [Nguyên văn câu cuối này: Kathañhi nāma yaṃ mayā ekaṃsena byākataṃ tattha dvejjhā āpajjissati. Câu trả lời của Phật thuộc cách trả lời thứ nhất đối với một câu hỏi: là trả lời một cách dứt dạc dứt khoát. Về bốn cách trả lời một câu hỏi mà Phật đã dạy, mời coi lại đoạn (A) của kinh 3:67, và kinh 4:42.] (1404)

1405 [Nguyên văn câu này: Vālaggakoṭinittudanamattampi sukkadhammaṃ:

không nhìn thấy một phần phẩm chất sáng nào thậm chí nhỏ như đầu cọng tóc; (ở đây người dịch Việt dịch gọn là: không nhìn thấy thậm chí chút xíu xiu phẩm chất sáng nào và mở ngoặc ghi lời kinh gốc [nhỏ bằng đầu cọng tóc]. Mp giải thích là: “Một lượng nhỏ có thể được nhìn thấy trên đầu cọng tóc; hay một lượng nhỏ đến mức có thể bị chọt hay đẩy bởi đầu một cọng tóc.] (1405)

1406 [Chỗ này Ce và Ee ghi chữ vibhajantassa, khác với Be ghi là vibha-

jissāmi, trong đó Ee đã chú thích nó là một biến thể từ một bản viết tay của Miến Điện. Cách ghi của Be dường như là một sự bình thường hóa, nhưng do cách ghi của Ce/Ee tạo ra một câu không hoàn chỉnh về ngữ pháp, cho nên tôi đã dịch theo cách ghi của Be. Đuôi chữ số nhiều –ñāṇāni là có trong lời kinh, và do vậy tôi đã dùng chữ số nhiều “những sự-biết” (những trí-biết) cho dù trong ngôn ngữ dịch (như tiếng Anh) có thể nghe hơi lạ ở dạng số nhiều.] (1406)

1407 [Tôi đọc chữ này theo Ce là kusalamūlā; còn Be và Ee thì ghi là kusalā.]

(1407)

1408 [Nguyên văn câu này: Abhidose aḍḍharattaṃ bhattakālasamaye. DOP sv

aḍḍha định nghĩa chữ aḍḍharattaṃ là "nửa-đêm". Abhidose aḍḍharattaṃ bhattakālasamaye. DOP sv aḍḍha defines aḍḍharattaṃ as "midnight." Về chữ bhattakālasamaye, Mp nói đó là "thời gian để dùng một bữa ăn trong cung đình của vua" (rājakulānaṃ bhattakālasaṅkhāte samaye). Có lẽ vào thời Đức Phật thì cung đình sẽ đóng cửa kết thúc một ngày bằng một bữa ăn giữa-đêm.] (1408)

1409[Nguyên văn câu đầu tiên này: Nibbedhikapariyāyaṃ vo bhikkhave dhammapariyāyaṃ desessāmi. Mp diễn dịch là: "Một bài thuyết giảng mang



tính thâm nhập là bài thuyết giảng thâm nhập và phá vỡ đống tham [sân, si] vốn chưa được thâm nhập và phá vỡ trước giờ.] (1409)

1410 [Lời kinh gốc chỗ này ghi chữ nghiệp (kamma) ở thể số ít và cả số nhiều.

Tôi chọn dùng một thể số ít để thuận nghe.] (1410)

1411 [Trái với cả 03 phiên bản, tôi thì coi cái câu cuối saṅkapparāgo purisassa

kāmo chỗ này mới là câu mở đầu [dòng mở đầu] của một bài thi kệ quen thuộc đã được trích lên đây thành một câu văn xuôi. Mục đích là để cho bài kệ dưới đây có 04 hàng, thay vì 05 hàng. Coi kinh SN 1:34 (Quyển 1), trong đó bài kệ này chỉ có 04 hàng. Mp giải thích chữ saṅkapparāgo là "nhục dục khởi sinh bởi (theo cách của) ý-định" (saṅkappavasena uppannarāgo). Kāmasaṅkappa là một trong 03 loại ý-nghĩ bất thiện, và điều này cũng đã rõ theo ngữ cảnh của lời kinh. Để biết thêm, coi thêm CDB 366, chú thích 72. Phần thi kệ này không có trong bản Hán tạng tương đương, MĀ 111.] (1411)

1412[Mp giải thích đây là sự tiếp-xúc cùng lúc có hai chức năng (sa- hajātaphassa), vừa là nguồn gốc vừa là sự khởi sinh.] (1412)

1413 [Mp giải thích nghĩa ở đây là: "Người tham muốn những dục-lạc cõi trời,

bằng cách hoàn thiện những hành-vi tốt (thiện hành), sẽ được tái sinh trong cõi thiên thần [và có được] một sự hiện-hữu cá thể (danh tính) như vậy nhờ thiện quả của công-đức. Còn bằng cách dính vào những hành-vi xấu (ác hành), người đó bị tái sinh trng cảnh giới đày đọa thống khổ [và có được] một sự hiện-hữu cá thể là ác quả của sự thất-phước."] (1413)

1414 [Về cụm chữ cuối cùng trong câu này, Mp nói rằng chính đời sống tâm

linh (tu hành) của đạo (Phật) (brahmacariyasaṅkhāto maggo va) được gọi là sự chấm-dứt những khoái-lạc giác quan.

- Chúng ta sẽ thấy mỗi phần tiếp theo đều theo 'khuôn-mẫu' Bốn Diệu Đế như phần này, cộng thêm 02 điều là sự đa-dạng (vemattatā) và hậu-quả (vipāka), gồm thiện quả hay ác quả.] (1414)

- (Trong rất nhiều kinh Phật dùng đoạn lời 'mẫu' này để mô tả người đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán, Niết-bàn: "người đó đã sống đời sống tâm linh, đã đặt xuống gánh nặng …": theo nghĩa này thì "đời sống tâm linh" là

trạng thái A-la-hán, Niết-bàn. Như vậy trong trường hợp này dịch nguyên gốc là "… đời sống sống tâm linh mang tính thâm nhập này là sự chấm-dứt những khoái-lạc giác quan (… chấm-dứt [2] những cảm-giác, [3] những nhận-thức, [4] những ô-nhiễm, [5] nghiệp, [6] sự khổ)." Còn nếu ai thường nghĩ "đời sống tâm linh mang tính thâm nhập" chính là đời sống xuất gia tu hành thì trong trường hợp này có thể đọc là "… đời sống sống tâm linh mang tính thâm nhập này là để chấm-dứt những khoái-lạc giác quan (… chấm-dứt [2] những cảm-giác, [3] những nhận-thức, [4] những ô-nhiễm, [5] nghiệp, [6] sự khổ)." Nhưng nghĩa đầu là đúng với nghĩa lời kinh ở đây!)]

1415 [Chữ này: sāmisā. Mp chú giải nghĩa là: "Được liên kết với mồi nhử của

những ô-nhiễm" (kilesāmisasampayuttā).] (1415)

1416 [Nguyên văn câu này: Vohāravepakkaṃ … saññaṃ vadāmi. Mp giải

nghĩa: "Sự diễn đạt, gồm cả sự nói ra, là hậu quả của sự nhận-thức."] (1416)

1417 [Nguyên văn câu quan trọng này: Cetanā 'haṃ bhikkhave kammaṃ va-

dāmi. Ở đây có thể hiểu câu này có nghĩa là: sự cố-ý là yếu tố "cần có" để tạo ra nghiệp, chứ không phải bản thân sự cố-ý đó luôn luôn và trong mọi trường hợp tạo ra nghiệp. Đây được coi là một 'sự thủ-thế' hay 'cái cán' để đối phó với quan-điểm của đạo Ni-kiền-tử (Jain) cho rằng tất cả mọi hành-động, dù cố-ý hay không cố-ý, đều tạo nghiệp. - Bản tương đương Hán tạng, MĀ 111, chỗ T I 600a23–24, thì ghi như vầy: "Theo cách nào một người hiểu được nghiệp? Có hai loại nghiệp, đó là: sư chủ-ý (ý-định, sự cố-ý) và nghiệp [được tạo ra] khi một người đã chủ-ý." ().] (1417)

1418 [Câu này nên được hiểu theo nghĩa rằng những quả của nghiệp sẽ được

nếm trải trong những cõi tương ứng của chúng.] (1418)

1419 [Coi lại chú thích 372 của kinh 3:34 và chú thích 547 của kinh 3:100.

Bản tương đương Hán tạng, MĀ 111, thì chỗ này có ghi 04 loại nghiệp quả như đã được ghi trong tất cả các kinh từ 4:232–4:233 (tối, sáng, tối và sáng, không tối không sáng). Nhưng MĀ 15 (chỗ T I 437b26) chỉ nói về 02 loại quả, hoặc trong kiếp này hay trong một kiếp sau, chứ không nói loại thứ ba nào.] (1419)



1420 [Chỗ này có thể được hiểu theo nghĩa là: do sự tiếp-xúc là điều-kiện

(duyên) cho sự cố-ý (tư, sự chủ ý, ý định), và nghiệp có thể được giải thích đồng nghĩa với sự cố-ý, nên suy ra sự tiếp-xúc là điều-kiện cho nghiệp (do vậy khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt nghiệp).] (1420)

1421 [Nguyên văn cả câu này là: Ko ekapadaṃ dvipadaṃ jānāti imassa duk-

khassa nirodhāya. Mp giải thích: "Nghĩa ở đây là: 'Có ai biết câu thần chú nào, câu thần chú một chữ hay hai chữ nào đó?'" (thì chỉ cho tôi để tôi tụng một cái cho có sự

hết-khổ!). Bản tương đương trong Hán tạng T I 600b17–18 đã dùng chữ  (= ), có nghĩa là “bùa chú”.] (1421)

1422 [Thật lạ là ở đây chỉ nói về 06 năng-lực của Như Lai (và do vậy mới có

bài kinh này nằm trong Quyển “Sáu” này). Thông thường người ta nói về 10 năng-lực của Như Lai [thường được ghi là ñāṇabalāni: những năng-lực của trí-biết, minh lực]. Trong kinh 10:21 có ghi đầy đủ 10 năng-lực. 10 năng-lực cũng được ghi trong kinh MN 12, mục 9–20, và được phân tích giảng giải trong Vibh 335–344 (của Be từ 809–831).] (1422)

1423 [Một số ví dụ về ‘điều có thể’ (ṭhāna) và ‘điều không thể’ (aṭṭhāna) có

ghi trong các kinh 1:268–295; MN 115, mục 12–19; và trong Vibh 335–338 (của Be §809).] (1423)

1424 [‘Tính theo những sự có-thể (xảy ra) và những nguyên nhân’ là tạm dịch

cụm chữ ‘thānaso hetuso’. Mp giải thích chữ ‘sự có-thể’ (ṭhāna) là điều-kiện (duyên, paccaya). Coi theo Vibh 338–339 (của Be §810), nó coi đây là trí- biết về những điều-kiện làm cho nghiệp đưa đến một kết-quả trong sự liên kết với 04 yếu-tố có thể tăng cường hoặc cản trở sự chín-muồi của nghiệp; 04 yếu-tố đó là: cõi-giới (gati, là nơi/cõi tái sinh của một người), những sự/thứ thu-nạp (upadhi, tức là thân và tâm của một người), thời-gian (kāla), và sự cố-gắng (payoga). Còn ở đây nguyên-nhân hay nhân (hetu) tự nó là nghiệp (kamma).] (1424)

1425[Bốn tầng thiền định (jhāna) được nói rất nhiều trong các bộ kinh Nikāya. Tám sự giải-thoát (vimokkha) thì có ghi trong kinh 8:66. Ba loại sự định-tâm (samādhi) có ghi trong kinh 8:63: đó là trạng thái (i) sự định-tâm có tầm [ý-nghĩ], có tứ [sự soi-xét]; (ii) sự định-tâm không tầm, chỉ có tứ; và (iii)



sự định-tâm không tầm, không tứ. Chín sự chứng-định hay siêu-định (samāpatti) chính là 09 sự an-trú từ thấp tới cao (anupubbavihārā) như đã được nói trong kinh 9:32. Sự ô-nhiễm (saṃkilesa) là một phẩm chất dẫn tới sự suy-đồi; sự thanh-tẩy (vodāna) là một phẩm chất làm nên sự khác-biệt (tức sự tiến-bộ về thiền định, về tâm linh); và sự thoát-ra (vuṭṭhāna), theo như Vibh 342–43 (của Be §828), bản thân nó là sự thanh-tẩy + sự thoát-ra. Sự thanh-tẩy ở đây có nghĩa là sự thiện-thạo trong tầng thiền định thấp hơn (ví dụ Nhất thiền), đó chính là nền tảng tốt cho các tầng thiền định cao hơn (ví dụ Nhị thiền); bản thân sự thoát-ra có nghĩa là sự thoát ra khỏi (trạng thái) tầng thiền định.] (1425)

1426 [Ce và Be có dùng những dấu chấm lửng […] để muốn nói ba đoạn (4),

(5), (6) lẽ ra được ghi đầy đủ như trong kinh 6:2. Nhưng để đọc cho gọn, tôi chỉ ghi như vầy, không cần ghi thêm những dấu chấm lửng (để người đọc khỏi phải liên tưởng tới những đoạn dài như trong kinh 6:2).] (1426)

1427 [Luận giảng về Vi Diệu Pháp, As 239,25–240,2 (của Be §362) đã chú

giải chữ rūparāga là = "tham muốn và tham dục đối với sự hiện-hữu sắc [giới]" (rūpabhave chandarāgo) và chữ arūparāga (vô sắc giới tham) là = "tham muốn và tham dục đối với sự hiện-hữu vô-sắc [giới]" (arūpabhave chandarāgo). Trong khi chữ "tham dục" có vẻ "mạnh" trong liên hệ tới những cõi hiện-hữu thanh tịnh, tôi cảm thấy sẽ hữu ích hơn nếu dịch chữ rāga một cách nhất quán (là tham; như sắc giới tham, vô-sắc giới tham).] (1427)

1428 ['Đối-tượng (= dấu-hiệu) của tâm' là tạm dịch chữ cittassa nimittaṃ. Mp

chú giải đó: "Là đối-tượng của tâm của sự định-tâm và sự minh-sát, là phương diện của sự định-tâm và sự minh-sát" (samādhivipassanācittassa nimittaṃ samādhivipassanākāraṃ). Mp rõ ràng đang diễn dịch thông qua 02 nghĩa của chữ nimitta, là đối-tượng và là dấu-hiệu (tướng) hay phương-diện.] (1428)

1429 ['Một trạng thái đặc biệt' là tạm dịch từ chữ gốc là "tatra tatra". Nghĩa

gốc của nó là: "đó [và] đó", hay như "vậy [và] vậy". Mp giải nghĩa đó là: "một trạng thái khác-biệt này hay nọ" (tasmiṃ tasmiṃ visese).



- Về thuật ngữ "cơ-sở thích hợp": Mp chỉ đơn giản ghi chữ āyatane là đồng nghĩa = kāraṇe (nguyên nhân), nhưng mời quý vị cũng coi lại phần chú thích dài số 562 của kinh 3:101.

- Tiếp theo bên dưới: nói về 04 điều đầu tiên (1)-(4): mời coi thêm lại kinh 4:179.] (1429)

1430 [Mp chú giải: "Sự tự-ta (ngã mạn) hay tự-ngã (māna) là nhận thức 'ta

đây', 'ta-là' [và theo Mp nói chữ māna ở đây gồm cả ý 'tự-cao' (ngạo mạn) cho rằng mình là [cao quý, tốt hơn] dựa vào sinh cảnh, gia tộc ...]. Sự tự-ti hay ty mạn (omāna) là một loại sự tự-ta cho rằng 'Tôi là thấp hèn, thấp kém' (hīno'ham asmī ti māna) (so với thực lực của mình). Sự kiêu-ngạo hay quá mạn (atimāna) là một sự tự-ta cho mình là cao siêu, tự tâng bốc mình. Sự tự- đại (adhimāna) là tưởng tượng mình đã đắc đạt được này nọ [nhưng thực chất là chưa được]. Sự bướng-bỉnh (thambha) là do sự sân-giận và sự tự-ta (vì hai tính sân và ngã chấp như vậy sinh ra bướng bỉnh, bất chấp). Sự tự-hèn, tức tự nhận mình thấp hèn (atinipāta), là một sự tự-ta nhận định 'mình là thấp kém' đúng như mình thực là."] (1430)

- (Về chữ cuối: sự tự nhận mình thấp hèn (atinipāta), theo lời kinh và chủ giải như vậy, nghĩa là 'người tu cũng không nên tự nhận mình là thấp hèn đúng như mình thực là', điều này người dịch Việt chưa thấu rõ ý kinh và chú giải.)

1431 [Ālokabahulo: có nhiều ánh sáng. Mp nói nghĩa là: "Người đó có nhiều

ánh sáng của sự-biết" (ñāṇālokabahulo).] (1431)

1432 [Mp chú giải: "Cái tâm nên được trấn-áp (niggahetabbaṃ) bằng sự định-

tâm vào lúc có sự bất-an; nó nên được cố-gắng nỗ lực vào lúc nó đã rớt vào sự ì-ạch lười nhác; nó nên được khích-lệ (paggahetabbaṃ) bằng sự định-tâm vào lúc nó xìu-lơ (thiếu

nhiệt tâm, thiếu nỗ lực); và nó nên được nhìn vào (ajjhupekkhitabbaṃ) bằng sự buông-xả là chi giác-ngộ khi nó đang tiến hành một cách cân-bằng.” Những phương diện tu-tập tâm này cũng được thảo luận chi tiết trong Thanh Tịnh Đạo, Vism 130–35, Ppn 4.51–64.] (1432)

1433 [Về thuật ngữ “đạo lộ hay lộ trình đã được định xong…” này, mời coi lại

các kinh 3:22, 5:151–5:153, và các chú thích chi tiết trong các kinh đó.]

Chú Thích • 213

(1433)

1434 [Mp: “Sự cản trở bởi nghiệp (kammāvaraṇatā) xảy ra do bị một trong

năm nghiệp nặng nghiêm trọng dẫn tới nghiệp-quả tức-thì [coi kinh 6:87 về những nghiệp nặng nghiêm trọng này]. Sự cản trở bởi ô-nhiễm hay lậu hoặc (kilesāvaraṇatā) xảy ra do có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) với hậu-quả đã định [đó là, tà kiến nặng nề tới mức phủ nhận cả quy luật nhân-quả]. Sự cản trở bởi hậu-quả (vipākāvaraṇatā) hay nghiệp-quả là sự tái sinh từ nghiệp quả bất thiện hoặc sự tái sinh từ nghiệp quả thiện không có gốc (không có căn thiện, thiếu căn thiện).” Tức là, cả 02 loại ‘thức tái sinh’ trên đều thiếu gốc rễ (căn) trí-tuệ, và do vậy người được tái sinh theo 02 kiểu đó đều không có khả năng chứng ngộ thánh đạo. Người được tái sinh với ‘thức tái sinh’ có 02 căn thiện nhưng thiếu căn trí-tuệ thì cũng không chứng ngộ thánh đạo. Về vai trò của ‘thức tái sinh’, mời coi lại CMA 179, 194–195. Loại sự mong-cầu hay mong-muốn ở đây là chanda, là sự ‘tham-muốn’ thiện lành, tham-muốn làm điều thiện (kattukamyatāchandaṃ).] (1434)

1435 [Chỗ câu này tôi làm theo Be: không có chữ pi; khác với Ce và Ee thì có

ghi chữ pi. Trong các kinh gần như song-hành là kinh 5:151–153, phiên bản Ce và Ee, thì cũng không có ghi chữ pi. Dường như nghĩa ở đây đòi hỏi rằng chữ pi nên được bỏ ra; bởi vì chính khi đang lắng nghe Giáo Pháp thiện lành người ta mới trông đợi người đó bước vào đạo lộ. Cũng cách chú giải tương tự như vầy áp dụng cho các kinh tiếp theo bên dưới là kinh 6:87 và 6:88.] (1435)

1436 [Nguyên văn chữ này: atthaṃ riñcati. Mp chú giải: “Một người vứt bỏ

lợi-ích của sự tăng-trưởng” (vaḍḍhiatthaṃ chaḍḍeti). Mp chú giải chữ attha ở đây theo một nghĩa về đạo đức, như tốt hay ích-lợi. Tuy nhiên, do chữ này được dùng trong sự kết nối với một người đang lắng nghe giáo pháp, cho nên có lẽ nó chỉ có nghĩa về mặt ngữ nghĩa học—đó là “ý nghĩa”—lời kinh chỉ muốn nói như vậy. Như vậy chữ attha là một ý nghĩa chính xác của sự thuyết giảng, trong khi chữ anattha là một ý nghĩa sai là kết quả từ sự diễn dịch sai.] (1436)

1437 [Chữ khanti [thường có nghĩa là sự ‘kiên nhẫn, nhẫn nhịn’] được dùng ở

đây liên quan đến sự thiền-quán, có nghĩa là những niềm-tin hay cách-tin hay

sự cả-tin của một người. Tôi dựa theo cách luận giải của Mp ghi là: sāsanas- sa ananulomikāya, nghĩa là: không thuận theo giáo lý, không phù hợp với giáo lý.] (1437)

1438 [Diṭṭhisampadaṃ: sự thành-tựu về cách-nhìn (chánh kiến). Mp giải nghĩa

'thành tựu về cách-nhìn' là đồng nghĩa với "(đã nhập vào) thánh đạo Nhập- lưu" (sotāpatti-maggaṃ).] (1438)

1439 [Nguyên văn câu này: Anāgamanīyaṃ vatthuṃ paccāgantuṃ. Mp giải

nghĩa là: người đó không còn khả năng phạm vào năm sự-ác [tức năm-giới] và không còn tin lấy quan-điểm nào thuộc 62 loại tà-kiến mang tính suy đoán.] (1439)

1440 [Mp giải thích là: không còn tái sinh lần thứ tám trong cõi dục-giới.]

(1440)

1441 [Ce và Be ghi ānantariyaṃkammaṃ; Ee thì ghi là anantariyaṃ-kammaṃ.

Lạ thay, mặc dù thuật ngữ này rất rất hay được dùng để giảng kinh hay giảng dạy trong Phật giáo, nhưng khi tìm kiếm chữ này bằng phần mềm công nghệ tìm kiếm công nghệ (CST 4.0) thì chỉ thấy trong toàn bộ Kinh Tạng chỉ có duy nhất 1 chỗ này là có chữ này, tức chỉ có trong kinh này! Ngoài ra, trong Luật Tạng cũng ghi chữ này duy nhất 1 lần, đó là trong câu chuyện về thầy Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) ở Vin II 193,37. Một ānantariya kamma được hiểu là một tội ác hay nghiệp nặng khủng khiếp đến mức tạo ngay quả báo ngay kiếp sau phải bị tái sinh trong địa ngục. 05 nghiệp nặng nghiêm trọng [05 tội ác] đã được nói ra trong các kinh 5:129, kinh 6:87 ở trên, và kinh 6:94 kế ben dưới.] (1441)

1442 [Nguyên văn: Ito bahiddhā dakkhiṇeyyaṃ gavesituṃ. Tức không còn đi

tìm bậc thánh nào đắc đạo từ những đạo khác ngoài đạo Phật.] (1442)

1443[Nguyên văn cụm chữ cuối: aññaṃ satthāraṃ uddisituṃ. Nghĩa là (không còn) tìm kiếm người nào khác ngoài Phật là vị thầy tâm linh tối thượng.] (1443)

1444[Nguyên văn câu này: Sammattaniyāmaṃ okkamissati. Sammattani- yāmaṃ (đạo lộ đã định của sự sự chân-chính) rõ ràng là cách gọi ngắn gọn



của cụm chữ niyāmaṃ kusalesu dhammesu sammattaṃ (đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành), như đã được đã được ghi và chú giải trong chú thích 358 của kinh 3:22 và chú thích 1150 của kinh 5:151.] (1444)

1445 [Nguyên văn câu này: Sabbasaṅkhāresu anodhiṃ karitvā aniccasaññaṃ

upaṭṭhāpetuṃ. Mp giải thích: "không giới hạn là không thiết lập giới hạn như vầy: 'Chỉ những hiện-tượng có điều-kiện này, chứ không phải tất cả, là vô- thường'." (Tức tất cả và tất cả mọi sự có điều-kiện đều là vô-thường).] (1445)

1446 Ce và Ee ghi chữ gacchanti, nhưng ở đây như muốn chỉ nghĩa tương lai

[nguyên gốc được truyền đạt bởi dạng này]. Be ghi chữ gacchissanti, có lẽ là một dạng tương lai mới.] (1446)

1447 [Tôi đọc theo theo Be và Ee ghi là bhavissāmi, khác với Ce ghi là bha-

vissati.] (1447)

1448 [Nguyên văn câu này: Sabbaloke atammayo bhavissāmi. Mp chú giải

rằng: Sabbaloke atammayo bhavissāmi. Mp: "Tự-tính hay nhân-dạng (tam- mayo) chính là dục-vọng (ái) và những quan-điểm này nọ (tà kiến); sự vô tự- tính (atammayo) là sự không có những thứ này."] (1448)

1449 [Ở đây là 'sáu' điều kết hợp: gồm [2 x ba-điều (bộ ba)].] (1449)

1450 [Đây cũng là 'sáu' điều kết hợp: gồm [2 x ba-điều (bộ ba)].] (1450)

1451 (Tên đầy đủ có thể ghi là: "Ba Chương Thêm Vào Phần 'Năm Mươi Kinh

Thứ Hai'")

- [Nguyên văn tựa của chương này là: Paṇṇāsakātirekā Vaggā. Đây là tựa chung mà Ce đã đặt cho 03 chương "thêm" này, và đánh số 03 chương là chương 1, 2, và 3. Ee thì đặt tựa là Paṇṇāsasaṅgahito Vaggo, nghĩa là "Chương Nằm Trong Phần 'Năm Mươi Kinh (thứ hai)'". Be thì không đặt tựa chung cho các chương "thêm" này, mà chỉ đánh số thành NHÓM 11, 12, và 13 tiếp theo các NHÓM trước trong Quyển "Sáu" này.] (1451)

1452 [Từ chỗ này trở đi không có những dòng kệ tóm tắt (uddāna) ở cuối

chương để dựa vào đó đặt tên cho các kinh. Do vậy tôi đã dùng các tên kinh



theo phiên bản Ce.] (1452)

1453 [Người đọc kinh thường công bố rằng dãy kinh này [6:119–6:139] đã

chứng tỏ có nhiều người tại gia là A-la-hán vào thời Đức Phật. Tuy nhiên, điều này là một sự hiểu lầm! Bởi chúng ta thấy trong danh sách này, những người như Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), Pūraṇa (tức Purāṇa), và Isidatta đều được tái sinh trong cõi trời Tusita (Đâu-suất) [coi các kinh 6:44 và MN 143, mục 16]. Chúng ta cũng thấy gia chủ Ugga ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), người cũng được nói [trong kinh 5:44] đã tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm, và gia chủ Hatthaka, người được nói [trong kinh 3:127] đã tái sinh trong cõi trời Aviha (Vô Phiền thiên) thuộc năm cõi-trời trong sạch (tịnh cư thiên) của những bậc thánh Bất-lai.

- Những thuật ngữ dùng để mô tả những vị đệ tử tại gia này là thuộc hàng tất cả những thánh nhân từ bậc Nhập-lưu trở lên. Tất cả họ đều có niềm-tin bất lay chuyển (aveccappasāda) vào Phật, Pháp, Tăng, và đã đạt tới sự chắc- chắn về Như Lai (tathāgate niṭṭhaṅgata), và là những bậc nhìn-thấy của Niết- bàn, đó là sự bất-tử (amataddasa). Coi kinh 10:63, trong đó sự chắc-chắn về Phật đã được gắn cho những vị đệ tử ở những cấp bậc thấp hơn A-la-hán.

- Trong đoạn kinh này, lời tuyên bố rằng những người này cũng có được sự giải-thoát thánh thiện (ariyena vimuttiyā) cũng là bất thường (không đúng theo công thức định nghĩa trong Kinh Tạng và Luật Tạng), nhưng Mp đã giải thích lời đó chỉ đồng nghĩa là "sự giải-thoát của thánh quả những học-nhân" (sekha-phala-vimuttiyā). Nếu một A-la-hán được mô tả là một người tại gia đang sống tại gia thì đây quả là một công thức định nghĩa khác lạ về A-la- hán. Tất cả các bộ kinh Nikāya đều không ghi trường hợp nào có đệ tử tại gia chứng thánh quả A-la-hán và sau đó tiếp tục sống đời sống tại gia. Nếu có một ai mà thực sự chứng thánh quả A-la-hán thì người đó sẽ lập tức xuất gia ngay sau đó, giống trường hợp của Yasa như đã được ghi trong Luật Tạng Vin I 17,1–3.] (1453)

1454 [Tổng số bài kinh trong NHÓM "Tóm Lược & Lặp Lại" này được tính

theo 10 loại sự chứng-ngộ [từ sự trực-tiếp biết … sự từ-bỏ] nhân cho mỗi loại ô-nhiễm [17 ô-nhiễm: tham, sân, si … sự lơ-tâm phóng dật] = 170 điều (pháp tu). Vì mỗi sự chứng-ngộ được hoàn thành bằng cách tu tập lần lượt hết 03



bộ-sáu (sáu điều, sáu pháp tu), như vậy sẽ cho tổng số kinh của NHÓM 3 là 170 x 3 = 510 bài kinh.] (1454)

++++



*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*